

Kính Lễ Đức Thế Tôn, Bạc A-La-Hán, Bạc Toàn Giác!

Quyển Kinh

PHẬT NÓI NHƯ VẬY

(Itivuttaka)

Mục Lục

Lời Người Dịch	vii
----------------------	-----

1 – PHẦN “MỘT”	1
----------------------	---

CHƯƠNG 1.....	1
---------------	---

(It.1) – Tham	1
---------------------	---

(It.2) – Sân.....	2
-------------------	---

(It.3) – Si	2
-------------------	---

(It.4) – Sự Tức Giận	3
----------------------------	---

(It.5) – Sự Chê Bai	4
---------------------------	---

(It.6) – Ngã Mạn.....	4
-----------------------	---

(It.7) – Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả.....	5
-------------------------------------	---

(It.8) – Hoàn-Toàn Hiểu Sự Ngã Mạn.....	6
---	---

(It.9) – Hoàn-Toàn Hiểu Tham	7
------------------------------------	---

(It.10) – Hoàn-Toàn Hiểu Sân.....	7
-----------------------------------	---

CHƯƠNG 2.....	9
---------------	---

(It.11) – Hoàn-Toàn Hiểu Si	9
-----------------------------------	---

(It.12) – Hoàn-Toàn Hiểu Sự Tức Giận	9
--	---

(It.13) – Hoàn-Toàn Hiểu Sự Chê Bai	10
---	----

(It.14) – Bức Màn Vô Minh.....	11
--------------------------------	----

(It.15) – Gông Cùm Dục Vọng.....	11
----------------------------------	----

(It.16) – Học Nhân [Nhất]	12
---------------------------------	----

(It.17) – Học Nhân [Nhì].....	13
-------------------------------	----

(It.18) – Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn	14
--	----

(It.19) – Sự Hòa Hợp Trong Tăng Đoàn.....	15
---	----

(It.20) – Một Cái Tâm Suy Đòi.....	16
------------------------------------	----

CHƯƠNG 3.....	19
---------------	----

(It.21) – Một Cái Tâm Thanh Tịnh	19
(It.22) – Những Ích Lợi Của Tâm Từ	20
(It.23) – Cả Hai Loại Ích Lợi	21
(It.24) – Đồng Xương	22
(It.25) – Nói Dối	23
(It.26) – Bố Thí	24
(It.27) – Thiên Về Tâm-Từ	25
2—PHẦN “HAI”	29
CHƯƠNG 1.....	29
(It.28) – Sống Trong Sự Khổ.....	29
(It.29) – Sống Trong An Lạc	30
(It.30) – Giày Vò.....	31
(It.31) – Không Giày Vò.....	31
(It.32) – Giới Hạnh [Nhất]	32
(It.33) – Giới Hạnh [Nhì]	33
(It.34) – Nhiệt Thành.....	34
(It.35) – Không Lừa Dân Chúng [Nhất]	35
(It.36) – Không Lừa Dân Chúng [Nhì]	36
(It.37) – Hỷ Lạc.....	37
CHƯƠNG 2.....	39
(It.38) – Những Ý Nghĩ.....	39
(It.39) – Điều Chỉ Dạy	41
(It.40) – Minh.....	41
(It.41) – Thiếu Trí Tuệ	43
(It.42) – Phẩm Chất Sáng	44
(It.43) – Không Sinh	46
(It.44) – Niết-Bàn Giới.....	47

(It.45) – Ân Dật	49
(It.46) – Ích Lợi Của Sự Tu Học	50
(It.47) – Tu Tập Sự Tỉnh Thức.....	51
(It.48) – Bị Cõi Đọa	52
(It.49) – Do Quan Điểm	53

3—PHẦN “BA”57

CHƯƠNG 1.....	57
(It.50) – Gốc Rễ.....	57
(It.51) – Yếu Tố.....	58
(It.52) – Những Cảm Giác [Nhất].....	59
(It.53) – Những Cảm Giác [Nhì].....	60
(It.54) – Sự Tìm Cầu [Nhất].....	61
(It.55) – Sự Tìm Cầu [Nhì].....	62
(It.56) – Những Ô Nhiễm [Nhất].....	63
(It.57) – Những Ô Nhiễm [Nhì].....	64
(It.58) – Dục Vọng	65
(It.59) – Cõi Ma Vương	66
CHƯƠNG 2.....	67
(It.60) – Những Cơ Sở Của Phước Nghiệp	67
(It.61) – Mắt Nhìn	68
(It.62) – Các Căn.....	69
(It.63) – Thời Gian.....	70
(It.64) – Hành Vi Sai Trái.....	72
(It.65) – Hành Vi Tốt Thiện	72
(It.66) – Sự Thanh Tịnh	73
(It.67) – Sự Trầm Lặng	74
(It.68) – Tham [Nhất]	75

(It.69) – Tham [Nhì].....	75
CHƯƠNG 3.....	79
(It.70) – Tà Kiến.....	79
(It.71) – Chánh Kiến	80
(It.72) – Sự Thoát Ly.....	81
(It.73) – Bình An Hơn.....	82
(It.74) – Con Cái	83
(It.75) – Như Mây Không Mưa.....	85
(It.76) – Mong Điều Phúc Lạc	87
(It.77) – Phải Bị Tan Hoại	89
(It.78) – Áo Đen Đi Với Áo Đen	90
(It.79) – Sự Sa Sút.....	92
CHƯƠNG 4.....	95
(It.80) – Những Ý Nghĩ.....	95
(It.81) – Danh.....	96
(It.82) – Lời Của Thiên Thần.....	98
(It.83) – Năm Dấu Hiệu Báo Trước.....	99
(It.84) – Vì Ích Lợi Của Số Đông.....	102
(It.85) – Quán Niệm Sự Bất Tịnh [Trong Thân]	104
(It.86) – Thực Hành Giáo Pháp Đúng Theo Giáo Pháp	106
(It.87) – Làm Mù Mắt	107
(It.88) – Ố Nhiễm Bên Trong	108
(It.89) – Đề-Bà-Đạt-Đa	110
CHƯƠNG 5.....	115
(It.90) – Sự Tự Tin Bậc Nhất.....	115
(It.91) – Sự Mưu Sinh.....	117
(It.92) – Góc Y Cà Sa.....	119
(It.93) – Lửa	121

(It.94) – Sự Xem Xét.....	123
(It.95) – Cách Có Dục Lạc.....	124
(It.96) – Sự Trói Buộc Của Dục Lạc.....	125
(It.97) – Giới Hạnh Tốt Lành.....	127
(It.98) – Bố Thí.....	129
(It.99) – Tam Minh.....	130
4—PHẦN “BỐN”	135
CHƯƠNG 1.....	135
(It.100) – Sự Cúng Tế Giáo Pháp Bởi Như Lai	135
(It.101) – Dễ Có Được.....	136
(It.102) – Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm (Lậu Tận).....	137
(It.103) – Sa-Môn và Bà-La-Môn	139
(It.104) – Có Đủ Giới Hạnh	140
(It.105) – Dục Vọng Khởi Sinh.....	142
(It.106) – Với Vị Trời	143
(It.107) – Những Người Giúp Nhiều.....	144
(It.108) – Giả Dối.....	146
(It.109) – Dòng Sông.....	147
(It.110) – Khi Đang Bước Đi.....	148
(It.111) – Có Giới Hạnh.....	150
(It.112) – Thế Giới.....	152
Lời Bạt.....	157

Lời Người Dịch

Kính gởi quý độc giả:

[1] Quyển kinh *Phật Nói Như Vậy (Itivuttaka)* là quyển thứ tư thuộc Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ, KN), sau quyển kinh *Tiểu Tụng, Pháp Cú* và *Lời Phật Cảm Thán*.

- Quyển này gồm 112 bài kinh ngắn, mỗi kinh có 02 phần: (i) phần đầu văn xuôi *nói ra điều Phật đã nói* và (ii) phần thi kệ *cũng do Phật nói để bổ sung, giải thích, giảng thêm về điều đã nói ra*.

[2] Hầu hết các bài kinh đều ngắn, thậm chí chỉ vài câu mấy chữ: mỗi kinh nói về một hay vài danh từ giáo lý hay một câu văn tắt về một giáo lý. Do vậy tuy mỗi kinh đều đơn giản nhưng *sẽ rất có ích* cho rất nhiều người mới đọc hay chưa đọc về Phật giáo sẽ biết về các từ ngữ giáo lý của Phật giáo.

- Đối với nhiều người xuất gia và tại gia khi đọc có thể ôn lại nhớ lại nhiều danh từ, thuật ngữ và chủ đề giáo lý căn bản của Phật giáo.

- Người dịch làm quyển “*Trích Chọn Các Kinh Theo Các Chủ-Đề Giáo Lý*” rất hữu ích cho những ai không thể, không muốn, không chuyên cần đọc hết các Bộ Kinh Nikaya của Phật thì họ có thể tìm đọc ít nhiều theo các chủ-đề trong quyển trích chọn đó. Nhưng quyển “*Phật Nói Như Vậy*” này thì hữu ích cho những người chưa đọc hay mới đọc hay ít biết về những danh từ giáo lý và thuật ngữ được dùng để giảng giải những giáo lý của Phật. Ví dụ như bố-thí, tâm-từ, giới-hạnh, sự-biết (tri), trí-biết, chân-trí (minh), ô-nhiễm (lậu hoặc), sanh-y, phước nghiệp, căn, chánh-kiến, tà-kiến ... vân vân.

- Tất cả các kinh đều có phần thi kệ để lặp lại hay giải thích điều mới nói ra, làm cho người đọc dễ nhớ ý nghĩa của lời dạy hơn.

[3] Tuy quyển kinh này ngắn nhưng người dịch không thể viết lời giới thiệu ngắn. Vì nó mang nhiều sử tích đẹp và bối cảnh đặc biệt so với các quyển kinh khác.

- Quyển kinh này là *duy nhất* ghi lại những lời kinh không được trực tiếp nghe bởi các Tỳ kheo hay ngài Ananda mà được nghe và nói lại bởi một nữ cư sĩ tên Khujjuttarā. Cô là một Tỳ nữ của hoàng hậu

Sāmāvatī, một trong mấy hoàng hậu của vua Udena, vương quốc Vamsa (Vatsa), kinh đô Kosambī. Cô thường được sai đi mua hoa về cho hoàng hậu. Một lần cô đang chỗ mua hoa, thấy Đức Phật đang đứng khát thực, cô đã phụ giúp chủ sạp hoa chuẩn bị thức ăn để cúng dường cho Đức Phật. Nhân đó cô nghe Phật nói một bài giảng ngắn và cô chứng quả Nhập-lưu (Tu-đà-hoàn).

- Cô Khujjuttarā thông minh và trí nhớ phi thường, kinh AN 1:260 Phật tuyên bố cô là nữ cư sĩ đệ nhất đa văn (học rộng, học nhiều); trong kinh AN 2:133 và AN 4:176, đoạn (4), cô cùng với một nữ cư sĩ khác được gọi là nữ cư sĩ *mẫu mực* đáng noi theo cho những người tại gia; trong kinh SN 17:24 (Quyển 2) cô cũng khen ngợi như vậy.

- Sau đó cô thường đến nghe Phật giảng dạy giáo lý ở các tịnh xá ngoài thành Kosambī, sau đó về thuật lại cho hoàng hậu và 500 tỷ nữ trong cung cho họ nghe học. Đó là lịch sử gốc của quyển kinh này. (Người dịch hoan hỷ ghi thêm chi tiết sử tích trong phần *Lời Bạt* ở cuối quyển).

- Rồi nhiều lần sau đó, cũng ở vùng kinh đô Kosambī, tương truyền đa số ở tịnh xá Ghosita nổi tiếng, cô đã thuật lại cho ngài Ananda và một số Tỷ kheo khác, thời đó Phật vẫn còn tại thế.

- Rồi sau khi Phật mất, trong Kỳ Kết Tập Kinh Điển Lần Nhất ở hang động Sattapanni gần thành Vương Xá, ngài Ananda đã đọc để kết tập 112 bài kinh này vào Bộ Kinh Ngắn thuộc Tạng Kinh, do thầy nghe được từ cô Khujjuttarā và một số từ các Tỷ kheo đã nghe từ cô.

[4] Do vậy nhiều nhận định về các bài kinh, nhất là những bài có lời kinh quá ngắn, chỉ một hai câu. Có người cho rằng cô chỉ thuật lại câu chính, câu chủ-đề, mà Phật đã nói. Có người cho đây là lời của cô dùng để thuật lại lời dạy của Đức Phật: vì trông chúng có vẻ như vậy.

- Tuy nhiên trong mỗi bài kinh: (i) Lời kinh dù ngắn nhưng luôn có thi kệ như ca dao lặp lại và bổ sung nghĩa cho dễ nhớ; và đặc biệt (ii) trong tất cả các kinh cô đều dẫn lời rằng:

“Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy.”. Sau khi nói điều Phật đã nói, cô lại nói thêm trước khi nói phần thi ca: *“Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này*

được nói:”. Rồi sau khi kết thúc phần thi ca, kết thúc bài kinh, cô nhấn mạnh lần thứ ba bằng câu: “*Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.*” Các bài kinh chỉ có một hai câu văn tắt nhưng có 03 lần khẳng định là chính lời Phật nói.

- Hơn nữa, không giống quyển kế trước (*Lời Phật Cảm Thán*), quyển này các phần thi kệ đều có nội dung đúng với lời kinh văn xuôi đi trước (không có thi kệ nào có nội dung khác hay xa lạ với điều nói trước bằng văn xuôi). Vì vậy về tính xác đáng là lời Phật cũng đầy khả tín, khó có lý khi nói những người kết tập thêm vô.

[5] Do tưởng tượng nhiều người chưa đọc hay mới đọc Phật giáo sẽ đọc quyển kinh ngắn này, người dịch đã chú thích giải thích nhiều danh từ giáo lý, thuật ngữ của Phật giáo để họ có thể tiếp thu nhanh ngôn ngữ đặc thù mà rõ ràng dễ hiểu của Phật giáo. Hy vọng sau khi đọc lời kinh và những chú thích trong quyển này, họ sẽ dễ dàng đọc tất cả những bài kinh dài hơn trong những quyển kinh lớn hơn của các Bộ Kinh mà không bị bỏ ngỡ bởi những danh từ giáo lý và những thuật ngữ Phật đã dùng.

- Quý vị nào đọc hiểu dễ dàng thì không cần đọc các chú thích, vì tốn thời gian và tâm bị lạc khỏi ý bài kinh. Tức chọn đọc phiên bản không có chú thích (phần chú thích dời ra cuối sách).

- Quý vị nào mới đọc Phật giáo cần đọc các chú thích để hiểu ý nghĩa và hàm nghĩa của các từ ngữ giáo lý: thì nên các chú thích cho biết. Tức đọc phiên bản có chú thích ngay bên dưới.

[6] Như các quyển kinh *Pháp Cú*, *Lời Phật Cảm Thán*, người dịch chuyển dịch các thi kệ gốc thành các thi kệ câu “05-chữ” cho dễ đọc.

- Quyển kinh này có những kinh hoặc/và phần thi kệ giống các kinh song hành ở các bộ kinh khác. Tất cả được người dịch chú thích rõ để người đọc nào cần tra chiếu hay nghiên cứu dễ dàng tìm thấy.

- Về phần thi kệ trong các Bộ Kinh khác [và quyển *Kinh Tập* của Bộ Kinh này] người dịch bảo toàn đúng theo số thứ tự nguyên thủy của các câu kệ khi dịch (cho mục đích để tra cứu hàn lâm học thuật chính xác vị trí các chữ và các câu). Nhưng các quyển của Bộ Kinh này [trừ *Kinh Tập*] thì chuyển dịch các thi kệ thành các câu “05-chữ”.

[7] Lời nhắn gửi của người dịch: Mời quý vị *đọc qua* các bài kinh ngắn này, điều đó sẽ giúp những người mới đọc biết và quen với những từ ngữ giáo lý của Phật giáo. Và tất cả kinh của Phật nếu đọc qua đều giúp tâm của quý vị dần dà nhận ra “cốt lõi đích thực” của Phật giáo nguyên gốc; đừng thấy nhàm chán khi đọc, cho dù lời kinh quá đơn giản đơn điệu.

- Quý vị không cần phải đọc thuộc hay ghi nhớ tất cả. Vì nếu đọc qua và hiểu ngữ nghĩa của lời kinh thì sau đó *cái tâm* sẽ tự biết và ghi nhớ. Khi nào cần, tâm sẽ tự nhớ ra nếu người tu càng ngày càng tu học tấn tới.

- Cuối cùng, cầu mong quý vị nhìn thấy những lẽ-thực của sự sống mà Đức Phật lịch sử đã chứng ngộ và chỉ dạy lại cho chúng sinh. Mong quý vị tu tiến.

Mùa xả lũ điêu tàn, cuối năm 2025 (PL 2568)

ghi ở Saigon
Người dịch

1 – PHẦN “MỘT”¹

CHƯƠNG 1

(It.1) – Tham

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một thứ, ta bảo đảm các thầy sự (quả) bất-lai. Một đó là gì? Tham là một thứ. Hãy từ bỏ nó, ta bảo đảm các thầy sự bất-lai.”²

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi tham
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi người có trí³
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự tham lam đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (1)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.⁴

¹ [“MỘT” ở đây nghĩa là một thứ (một điều, phẩm chất ...).] (1)

² [Bất-lai (*anāgāmitāyā*): không quay lại, không trở lại. Ở đây Đức Phật chỉ thánh quả Bất-lai (A-na-hàm): nghĩa là không còn quay lại cõi này, không còn tái sinh lại cõi người. Chữ này là biến cách của danh từ *anāgāmitā*: quả Bất-lai. Theo Phật giáo, người tu tiêu diệt 05 gông-cùm thấp (hạ phần kiết sử) thì chứng quả Bất-lai, tái sinh trong một cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên), và từ ở đó sẽ tiếp tục chứng thánh quả A-la-hán, không còn bị tái sinh lại cõi người hay cõi nào thấp hơn.] (2)

³ [Người có trí, người thấy-biết là tạm dịch chữ *vipassino* [gốc từ *vipassī*: có trí tuệ, có minh sát, thấy biết; từ *vipassanā*: tuệ, minh sát tuệ, thấy biết.] (3)

(It.2) – Sân

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một thứ, ta bảo đảm các thầy sự (quả) bất-lai. Một đó là gì? Sân là một thứ. Hãy từ bỏ nó, ta bảo đảm các thầy sự bất-lai.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi sân
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự sân hận đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (2)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.3) – Si

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một thứ, ta bảo đảm các thầy sự (quả) bất-lai. Một đó là gì? Si là một thứ. Hãy từ bỏ nó, ta bảo đảm các thầy sự bất-lai.”

⁴ [Để ý từ kinh Iti 1-6 là cùng khuôn mẫu.] (4)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi si
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự si mê đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (3)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.4) – Sự Tức Giận

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một thứ, ta bảo đảm các thầy sự (quả) bất-lai. Một đó là gì? Giận là một thứ. Hãy từ bỏ nó, ta bảo đảm các thầy sự bất-lai.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi giận
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự tức giận đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (4)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.5) – Sự Chê Bai

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một thứ, ta bảo đảm các thầy sự (quả) bất-lai. Một đó là gì? Sự chê bai là một thứ. Hãy từ bỏ nó, ta bảo đảm các thầy sự bất-lai.”⁵

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi chê
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự chê bai đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (5)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.6) – Ngã Mạn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

⁵ [Tạm dịch chữ *makkham* với nghĩa là chê bai, coi nhẹ, coi thường (việc thiện, công đức hay phẩm chất của người khác). Kinh AN 9:62 cũng dịch theo nghĩa này. Các dịch giả khác có thể dịch theo nghĩa khác của chữ này.] (5)

“Này các Tỳ kheo, hãy từ bỏ một thứ, ta bảo đảm các thầy sự (quả) bất-lai. Một đó là gì? Ngã mạn (ta-đây, tự-ta) là một thứ. Hãy từ bỏ nó, ta bảo đảm các thầy sự bất-lai.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi mạn
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự ngã mạn đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (6)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.7) – Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tất-cả, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”⁶

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai là người đã-biết
Tất cả trong tất cả
Thì không còn dính líu

⁶ [Chữ “tất-cả” được chú giải trong kinh SN 35:23 (Quyển 4) là 06 giác-quan và 06 đối-tượng giác quan (06 nội xứ và 06 ngoại xứ; 06 căn và 06 trần). Để ý từ kinh Iti 7-13 là cùng khuôn mẫu.)] (6)

Theo bất cứ thứ gì.
Họ liễu ngộ tất cả
Và họ vượt thoát khỏi
Tất cả mọi sự khổ.” (7)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.8) – Hoàn-Toàn Hiểu Sự Ngã Mạn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự ngã mạn, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người đời bị mắc kẹt
Bởi tự-ta ngã mạn
Bị trói bởi ngã mạn
Thích thú sự hiện-hữu
Không liễu ngộ ngã mạn
Nên tái sinh hữu-lai. (8)

“Ai từ bỏ ngã mạn
Được tự do giải thoát
Nhờ chấm dứt ngã mạn
Thì họ đã chinh phục
Sự trói buộc ngã mạn
Và họ vượt thoát khỏi
Tất cả mọi sự khổ.” (9)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.9) – Hoàn-Toàn Hiểu Tham

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tham, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi tham
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự tham lam đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (10)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.10) – Hoàn-Toàn Hiểu Sân

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sân, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi giận
Chúng sinh đọa cõi dữ.

Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự sân hận đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (11)⁷

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

⁷ Thi kệ (11) = thi kệ (2)

CHƯƠNG 2

(It.11) – Hoàn-Toàn Hiểu Si

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) si, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi si
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự si mê đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (12)⁸

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.12) – Hoàn-Toàn Hiểu Sự Tức Giận

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự tức giận, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”

⁸ (12) = (3)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi si
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự tức giận đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ
Quay lại thế gian nữa.” (13)⁹

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.13) – Hoàn-Toàn Hiểu Sự Chê Bai

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự chê bai, không chán-bỏ nó và không từ-bỏ nó, thì các thầy không thể chấm dứt khổ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị chi phối bởi chê
Chúng sinh đọa cõi dữ.
Sau khi bậc có trí
Đã hiểu ngộ chánh đúng
Về sự chê bai đó
Bậc ấy từ bỏ nó
Sau khi từ bỏ nó
Họ sẽ không bao giờ

⁹ (13) = (4)

Quay lại thế gian nữa.” (14)¹⁰

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.14) – Bức Màn Vô Minh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy bức màn nào do bị che bởi nó mà chúng sinh lang thang và luân hồi trong thời gian dài thăm thẳm cho bằng bức màn vô-minh. Do bị che bởi bức màn vô-minh nên chúng sinh lang thang và luân hồi trong thời gian dài thăm thẳm.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Không có thứ nào khác
Che mù mọi chúng sinh
Cho bằng sự vô-minh;
Bị che bởi si-mê
Họ luân hồi ngày đêm. (15)

Ai trừ bỏ si-mê
Phá tan màn u-tối
Thì không còn luân hồi
Và nhân (tạo luân hồi)
Không còn thấy trong họ.” (16)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.15) – Gông Cùm Dục Vọng

¹⁰ (14) = (5)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy gông-cùm nào do bị trói buộc bởi nó mà chúng sinh lang thang và luân hồi trong thời gian dài thăm thẳm cho bằng gông-cùm dục-vọng (ái kiết sử). Do trói buộc bởi dục-vọng nên chúng sinh lang thang và luân hồi trong thời gian dài thăm thẳm.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Vói dục-vọng đồng hành
Người trôi giạt luân hồi
Suốt thời gian thăm thẳm;
Họ sinh cõi kiếp này
Chuyên qua cõi kiếp khác
Nhưng không thể kết thúc
Đường luân hồi sinh tử. (17)

Sau khi đã nhìn thấy
Chính sự nguy-hiểm này—
Dục-vọng là nguyên nhân
Của mọi sự khổ đau—
Dẹp bỏ hết dục-vọng
Dẹp bỏ sự nắm-chấp
Một Tỳ kheo du hành
Một cách có chánh-niệm.” (18)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.16) – Học Nhân [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, đối với một Tỳ kheo còn là học nhân, chưa thành tựu ước muốn của tâm, đang sống với khát nguyện đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’,¹¹ thì giữa những yếu-tố bên trong ta không thấy yếu-tố nào hữu ích cho bằng sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý).¹² Này các Tỳ kheo, bằng sự chú-tâm kỹ càng, một Tỳ kheo dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Vói Tỳ kheo học nhân
 Nguyện mục tiêu tối thượng
 Không sự gì hữu ích
 Bằng như lý tác ý.
 Một Tỳ kheo như lý
 Tinh cần và tinh tấn
 Sẽ chứng sự diệt-khổ.” (19)

(It.17) – Học Nhân [Nhì]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

¹¹ [Trong toàn Kinh Tạng, Phật đã nhiều lần dùng thuật ngữ này: ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ (*anuttaram yogakkhemam*) để chỉ trạng thái Niết-bàn. 04 sự trói-buộc (*yoga*) là: sự trói-buộc của/đo/là dục-lạc, sự sinh-hữu, tà-kiến và vô-minh.

- Mời coi thêm chú thích (55) ở cuối kinh Ud 57 (= Ud 6:07) quyển “Lời Phật Cảm Thán” về 04 sự dính-mắc (*saṅga*) và 04 sự trói-buộc (*yogā*) gây hệ quả thành 10 gông-cùm (*saṃyojana*).] (11)

¹² [*Yoniso manasikāro*: chú giải ở kinh SN 9:11 (Quyển 1), thi kệ 787, chú thích 553 có ghi: [- Sự chú-tâm không kỹ càng (*phi như lý tác ý*; sự chú-tâm bất cần, không khôn khéo, sai giáo pháp; *ayoniso manasikāra*) là dựa theo cách dịch của nhà sư TKBD; theo Phật giáo là sự chú-tâm (để ý, tác ý) tới những thứ mình coi là ‘thường hằng, sướng, bản ngã, đẹp tịnh’ (thường, lạc, ngã, tịnh). Còn sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý; sự chú-tâm cần trọng, khôn khéo, đúng giáo pháp; *yoniso manasikāra*) là sự chú-tâm (để ý, tác ý) tới những bản chất thật chúng là ‘vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh’ (đúng như chúng thực là!)]. Đây là thuật ngữ quan trọng trong thực hành đạo Phật.] (12)

“Này các Tỳ kheo, đối với một Tỳ kheo còn là học nhân, chưa thành tựu ước muốn của tâm, đang sống với khát nguyện đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’, thì giữa những yếu-tố bên ngoài ta không thấy yếu-tố nào hữu ích cho bằng sự có đạo-hữu tốt. Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt đẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Tỳ kheo có bạn tốt
Thì kính trọng lắng nghe
Khi các bạn đang nói;
Tỉnh-giác, có chánh-niệm
Vị ấy sẽ tiến dần
Đạt tới sự tiêu-diệt
Tất cả những gông-cùm.” (20)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.18) – Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một thứ khởi sinh trong thế gian cho sự nguy-hại của nhiều người, sự bất-hạnh của nhiều người, cho sự suy-sụp, sự nguy-hại và sự khổ-đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Một thứ đó là gì? Sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn. Khi Tăng Đoàn bị chia rẽ, họ tranh cãi, xúc phạm, cản phá và từ bỏ nhau. Điều này không phát khởi niềm-tin trong những người chưa có niềm-tin và làm cho những người có niềm-tin thay đổi tâm lý của họ.”¹³

¹³ [Thay đổi tâm lý: là những Phật tử tại gia không còn niềm-tin vào đạo Phật hay hết kính trọng Tăng Đoàn, vì khi thấy Tăng Đoàn (trung ương hay địa phương) chia rẽ

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Một kẻ gây chia rẽ
Bị côi đọa, địa ngục
Suốt cả một đại kiếp;
Tà nghịch với Giáo Pháp
Ưu thích sự chia rẽ
Rót khỏi nơi ‘an-toàn
Khỏi mọi sự trói-buộc’
Sau khi gây chia rẽ
Trong Tăng Đoàn hòa hợp
Kẻ đó bị thiêu đốt
Đại kiếp trong địa ngục.” (21)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.19) – Sự Hòa Hợp Trong Tăng Đoàn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một thứ khởi sinh trong thế gian cho ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt-lành, vì ích-lợi, và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người. Một thứ đó là gì? Sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn. Khi Tăng Đoàn được hòa hợp, họ không tranh cãi, xúc phạm, cản phá hay từ bỏ nhau. Điều này phát khởi niềm-tin trong những người chưa có niềm-tin và làm gia tăng niềm-tin trong những người đã có niềm-tin.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Một Tăng Đoàn hòa hợp

Thì sẽ được hạnh phúc
Đó trở thành chỗ-dựa
Cho những người hòa hợp
Chánh thuận với Giáo Pháp
Ưu thích sự hòa hợp
Không rớt ‘sự an toàn
Khỏi mọi sự trói-buộc’
Sau khi đã tạo ra
Sự hòa hợp Tăng Đoàn
Người đó hưởng phúc lạc
Đại kiếp trên cõi trời.” (22)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.20) – Một Cái Tâm Suy Đồi

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁴

“Ở đây, này các Tỳ kheo, sau khi lấy tâm ta bao trùm tâm của một người bị suy đồi (ố nhiễm), ta hiểu rằng nếu người đó chết vào lúc đó, sẽ bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. ¹⁵ Vì lý do gì? Vì tâm người đó bị suy đồi. ¹⁶ Chính do sự suy đồi của tâm nên khi thân tan rã, sau khi chết, có những chúng sinh ở đây bị tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.”

¹⁴ [Phần lời văn xuôi giống hết kinh AN 1:43.] (14)

¹⁵ [Như chú thích 40, kinh AN 1:43: [*Yathābhatam nikkhitto*: tạm dịch là “bị đọa vào địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó”. TKBD dịch thành ngữ này dựa theo sự giải nghĩa của luận giảng Mp (*yathā āharitvā ṭhapito*).] (15)

¹⁶ [Như chú thích 41, kinh AN 1:43: [Mp giải nghĩa: Đó là “một cái tâm bị suy đồi do sân” (*dosena paduṭṭha-cittam*). Kinh AN 1:43 và 1:44 có thể được coi như lời viết lại bằng văn xuôi của 02 bài kệ đầu tiên Dhp 1 và Dhp 2 của quyển kinh *Pháp Cú* vậy. Mặc dù trong 02 thi kệ đó chữ *tâm* ghi bằng chữ *mano* thay vì chữ *citta*.] (16)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Sau khi đã biết được
Cái tâm bị suy đồi
Của mấy người ở đây
Phật nói vấn đề này (23)
Trước mặt các Tỳ kheo:

Nếu bây giờ họ chết
Sẽ sinh trong địa ngục
Do cái tâm ố nhiễm (24)

Họ bị đọa giống như
Bị đưa thẳng xuống đó
Tâm ố nhiễm là nhân
Chúng sinh đọa cõi dữ.” (25)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

CHƯƠNG 3

(It.21) – Một Cái Tâm Thanh Tịnh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁷

“Ở đây, này các Tỳ kheo, sau khi lấy tâm ta bao trùm tâm của một người được thanh tịnh (trong sạch), ta hiểu rằng nếu người đó chết vào lúc đó, người đó sẽ được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Vì lý do gì? Vì tâm người đó được thành tịnh. Chính nhờ sự thanh tịnh của tâm nên khi thân tan rã, sau khi chết, có những chúng sinh ở đây được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Sau khi đã biết được
Cái tâm được thanh tịnh
Của mấy người ở đây
Phật nói vấn đề này
Trước mặt các Tỳ kheo: (26)

Nếu bây giờ họ chết
Sẽ tái sinh cõi trời
Nhờ cái tâm thanh tịnh. (27)

Họ được thăng giống như
Được đưa thẳng lên đó
Tâm thanh tịnh là nhân
Chúng sinh lên cõi lành.” (28)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

17 [Kinh này thì giống kinh AN 1:44, chỉ khác trong AN Phật dùng chữ *bhīṇh-lāṅg* (*pasāda*) thay vì thanh-tịnh (*pasanna*: thanh tịnh, sáng hỷ).] (17)

(It.22) – Những Ích Lợi Của Tâm Từ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:¹⁸

“Này các Tỳ kheo, đừng sợ công-đức. Đây là chữ đồng nghĩa sự hạnh phúc, thứ đáng thích, đáng quý, đáng vui và dễ chịu, được gọi là công-đức.

“Ta nhớ lại khoảng thời gian rất dài ta đã nếm trải những quả đáng thích, đáng quý, đáng vui và dễ chịu của những nghiệp ta đã làm trước đó. Trong bảy năm ta tu tập tâm-từ. Hệ quả là, trong suốt bảy đại-kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa ta đã không quay lại thế gian này. Khi thế giới đang tan-hoại ta đã trú ở cõi trời [của các thiên thần] chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên).

“Khi thế giới đang tiến-hóa lại, ta tái sinh trong một thiên cung trống của trời Brahmā. Ở đó ta là trời Brahmā, vị trời Brahmā Lớn (Đại Phạm thiên), bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy vũ trụ (biến nhãn), bậc nắm quyền làm-chủ (uy quyền, tự chủ). Ba mươi sáu lần ta đã từng là trời Đế-thích (Sakka), vua của những thiên thần. Nhiều trăm lần ta từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, bậc chinh phục có sự cai trị trải rộng khắp tận bốn bờ biên, bậc đã đạt được sự ổn-định trong quốc độ của mình, bậc có được bảy báu. Một ông vua xứ sở đâu là gì đáng nói!

“Rồi, này các Tỳ kheo, ý này đã xảy đến với ta: ‘Do nghiệp nào của ta mà có quả này, kết quả này; do nghiệp nào mà này ta có được đại thần lực và đại uy lực như vậy?’ Rồi, này các Tỳ kheo, điều này xảy đến với ta: ‘Đúng đây là quả của ba nghiệp, kết quả của ba nghiệp, nhờ chúng mà nay ta có được đại thần lực và đại uy lực, đó chính là: ‘sự bố-thí, sự thuần-phục (bản thân), sự kiểm-chế (giữ giới)’.”

¹⁸ [Nội dung kinh này hầu như giống kinh AN 7:62 trong đó liệt kê luôn 07 báu. Mời đọc thêm các chú thích 1550, 1551, 1552, 1553 trong kinh AN.] (18)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Hãy tu tập thực hành
Bằng (những nghiệp) công-đức
Việc đó sẽ đưa đến
Hạnh-phúc trong tương lai;
Tu dưỡng hạnh bố-thí
Một nếp sống an-tĩnh
Và tu dưỡng tâm-từ; (29)

Sau khi đã tu dưỡng
Cả ba phẩm chất này
Hạnh-phúc sẽ khởi sinh
Người trí đó tái sinh
Trong thế giới hạnh-phúc
(Và trong thế giới đó)
Ác-ý không có mặt.” (30)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.23) – Cả Hai Loại Ích Lợi

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có một thứ, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ bảo đảm mang lại ích lợi như nhau cho kiếp này và kiếp sau. Một thứ đó là gì? Sự chuyên-chú (tu tập) những phẩm chất thiện. Đây là một thứ, nếu được tu tập và tu dưỡng, bảo đảm mang lại ích lợi như nhau cho kiếp này và kiếp sau.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đề cao sự chuyên-chú
(Tu tập) những công-đức

Sau khi đã chuyên-chú
Người thông minh bảo đảm
Được hai loại ích lợi: (31)
Ích lợi trong kiếp này
Và cả trong kiếp sau
Người thông minh hiểu được
Ý nghĩa của điều này
Được gọi là người trí.” (32)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.24) – Đồng Xương

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một người lang thang và trôi giạt (luân hồi) trong một đại kiếp có thể để lại một khối xương, một đồng xương, một núi xương bằng Núi Vepulla này, nếu có ai gom chúng lại để tiêu hủy thì cũng không thể tiêu hủy hết chúng cho được.”¹⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đồng xương của một người
Chỉ sau một đại kiếp,
Cũng chất cao bằng núi:
Đại Sa-Môn (Phật) nói vậy. (33)

¹⁹ [Lời kinh này cũng giống kinh SN 15:10 (Quyển 2), và phần thi kệ cũng giống lời và nghĩa với nhau. (Thi kệ trong kinh SN 15:10 thì người dịch giữ nguyên thứ tự của từng câu kệ, còn ở đây dịch thành các câu “05-chữ” cho đồng nhất trong quyển *Iti* này).

▪ Tất cả thi kệ trong các *Bộ Kinh* và quyển *Kinh Tập* người dịch giữ nguyên văn và thứ tự mỗi câu kệ cho mục đích bảo toàn và tra cứu chính xác các số chú-thích. Chỉ các quyển kinh *Pháp Cú*, *Lời Phật Cảm Thán*, *Phật Nói Như Vậy* là dịch thành các câu “05-chữ”!] (19)

Đồng xương được tuyên bố
Lớn như Núi Vepulla,
Phía bắc Núi Kên Kên,
Thuộc dãy Ma-kiệt-đà. (34)

Nhưng ai đã nhìn-thấy
Bốn chân lý Diệu Đế
Bằng trí-tuệ chánh đúng—
Sự khổ và nhân khổ
Sự giải-thoát khỏi khổ
Và Bát Chi Thánh Đạo
Dẫn tới sự diệt-khổ— (35)

Thì chỉ còn luân hồi
Trong tối đa bảy kiếp
Một lúc nào trong đó
Tiêu diệt mọi gông-cùm
Làm nên sự diệt-khổ.” (36)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.25) – Nói Đối

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phạm một điều thì không có nghiệp xấu ác nào người đó không làm được. Một điều là gì? Nói dối nói láo một cách cố ý.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Một người đã vi phạm
Một điều là: nói dối
Bất chấp về kiếp sau
Thì không nghiệp xấu nào

Người đó không làm được.” (37)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.26) – Bố Thí

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu chúng sinh biết được quả của việc bố-thí và chia-sẻ, như ta biết, thì họ sẽ không ăn trước khi bố thí và sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt không chiếm ngự tâm họ. Họ sẽ không ăn mà không chia sẻ ngay cả khi chỉ còn một chút cuối, một miếng cuối, nếu có người nhận. Bởi vì chúng sinh không biết được quả của việc bố-thí và chia-sẻ, như ta biết, cho nên họ ăn mà không bố thí trước và sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt chiếm ngự tâm họ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Nếu chúng sinh mà biết
Sự bố-thí, chia-sẻ
Có được quả lớn lao
Như bậc đại-kiến dāy (38)

Bằng tâm sáng thanh tịnh
Loại bỏ sự ố-nhiễm
Của tâm tính keo-kiệt
Thời thích hợp bố thí
Cho những vị thánh nhân
Đó là nơi mang lại
Những phước quả lớn lao (39)

Bố thí nhiều thức ăn
Cúng dường bậc xứng đáng
Khi qua đời cõi người
Sẽ sanh lên cõi trời (40)

Và khi lên cõi trời
Sẽ hưởng được tất cả
Phúc lạc như ý muốn
Người rộng lòng cho đi
Thì hưởng được phước quả
Nhờ bố-thí, chia-sẻ.” (41)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.27) – Thiền Về Tâm-Từ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, mọi cơ sở của hành động công-đức dẫn tới sự thu-nạp (sinh y),²⁰ tất cả chúng không bằng 1/16 của một cái tâm được giải thoát bằng tâm-từ. Một cái tâm được giải-thoát bằng tâm-từ là vượt trội, phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng.

“Này các Tỳ kheo, giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, cho nên sự chiếu sáng của mặt trăng được tuyên bố là sáng bậc nhất trong số chúng.²¹ Tương tự vậy, mọi cơ sở của hành động công-đức

²⁰ [Chữ *opadhi*kāni (đưa đến sự thu-nạp, tạo sanh-y, tạo nhân tái sinh), từ chữ gốc *upadhi* (sự thu-nạp, sanh-y): đây là một thuật ngữ quan trọng của Phật giáo. Còn sanh-y là còn tái hiện-hữu; tiêu diệt sanh-y là kết thúc sự hiện-hữu = Niết-bàn. Nhân tiện trích dẫn chú thích (171 ở thi kệ Pháp Cú 418): [*Upadhi* (sanh-y, sự thu-nạp, thứ thu-nạp), *nirūpadhim*: (diệt sanh-y, hết sanh-y, sanh-y tận). Sanh-y chính là các nhân tạo ra tái sinh luân hồi. Khi nào hết sanh-y thì hết tái sinh. Trích 01 chú thích ở thi kệ 546 *Kinh Tập* ghi: [Theo giáo lý Phật giáo, 04 sự thu-nạp: (i) sự thu-nạp là năm uẩn (uẩn sanh-y), (ii) sự thu-nạp là những ô-nhiễm (lậu hoặc sanh-y), (iii) sự thu-nạp là năm dây dục-lạc (dục sanh-y), và (iv) sự thu-nạp là những sự tạo-tác (hành sanh-y).].] (20)

²¹ [Phật đã dùng rất nhiều ví dụ tương tự trong nhiều kinh để chỉ thứ/ điều/ pháp *bậc nhất, tốt nhất, đứng nhất*. Trong dãy đó, chúng ta đọc thấy ví dụ về ‘ánh sáng của tất cả các vì sao không bằng 1/16 ánh sáng của mặt trăng’ trong các kinh như: SN 22:102 (Quyển 3), mục 1; SN 45:146 (Quyển 5); AN 6:53, mục (6); AN 10:15, mục (8) khi Phật khẳng định nhiều lần tầm quan-trọng bậc nhất của sự *chuyên-chú* trong sự tu tập của

dẫn tới sự thu-nạp, tất cả chúng không bằng 1/16 của một cái tâm được giải thoát bằng tâm-từ. Một cái tâm được giải-thoát bằng tâm-từ là vượt trội, phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng.

“Này các Tỳ kheo, cũng giống khi mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng.²² Tương tự vậy, mọi cơ sở của hành động công-đức dẫn tới sự thu-nạp, tất cả chúng không bằng 1/16 của một cái tâm được giải thoát bằng tâm-từ. Một cái tâm được giải-thoát bằng tâm-từ là vượt trội, phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng.

“Này các Tỳ kheo, cũng giống khi đêm đang tàn, sao mai phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng. Tương tự vậy, mọi cơ sở của hành động công-đức dẫn tới sự thu-nạp, tất cả chúng không bằng 1/16 của một cái tâm được giải thoát bằng tâm-từ. Một cái tâm được giải-thoát bằng tâm-từ là vượt trội, phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Những ai có chánh-niệm
 Tu tâm-từ vô lượng
 Làm yếu những gông-cùm
 Chứng kiến sự chấm-dứt
 Của tất cả sanh-y. (42)

Đối với một chúng sinh
 Không còn sự ác-ý
 Và tu dưỡng tâm-từ
 Nếu làm được như vậy
 Người đó thật thiện khéo

người tu.] (21)

²² [Ví dụ này cũng trong các kinh SN 22:102 (Quyển 3), mục m; SN 45:147 (Quyển 5); AN 10:15, mục (9); và cũng trong kinh SN 2:29 (Quyển 1) Phật dùng ví dụ này (và ví dụ trong đoạn kể dưới) khi mô tả hội chúng của thiên thần trẻ Susīma.] (22)

Và có tâm bi-mẫn
Với tất cả chúng sinh
Thì người thánh thiện đó
Tạo vô lượng công-đức. (43)

Chinh phục xong địa cầu
Nơi chúng sinh đông đúc
Đi khắp nơi thực hiện
Những lễ cúng lễ tế:
Lễ tế đàn bằng ngựa (Ashvamedha)
Lễ tế đàn bằng người (Purisamedha)
Lễ ‘ném trục cái ách’ (Sammāpāsa)
Lễ uống rượu soma (Vājapeyya)²³
Những lễ tế ngoài trời
Không cản trở giới hạn. (44)

Tổng cộng chúng không đáng
Bằng một phần mười sáu
So với một tâm-từ
Đã khéo được tu dưỡng;
Như tất cả vì sao
Tổng cộng chúng không đáng
Bằng một phần mười sáu
Ánh sáng của mặt trăng. (45)

Người không nên sát-sinh
Không xui khiến sát-sinh
Người không nên đàn-áp
Không xui khiến đàn-áp
Chỉ nên có tâm-từ
Đối với mọi chúng sinh
Không thù ghét hận thù.” (46)

²³ [Các lễ tế kiểu này đều mang tính vô nhân đạo và bạo lực, Phật luôn phản đối. Vị Vua này có được mô tả trong kinh *Sa-môn Quả* (*Sāmaññaphala Sutta*, DN 2).] (23)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

2—PHẦN “HAI”

CHƯƠNG 1

(It.28) – Sống Trong Sự Khổ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai điều này một Tỳ kheo sống trong sự khổ trong thế gian, với sự phiền não, tuyệt vọng, sốt não; khi thân tan rã, sau khi chết, có thể trông đợi những nơi-đến xấu dữ. Hai đó là gì? Không phòng-hộ các cửa các căn (giác quan) và không tiết-độ trong ăn uống. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có hai điều này một Tỳ kheo sống trong sự khổ trong thế gian, với sự phiền não, tuyệt vọng, sốt não; khi thân tan rã, sau khi chết, có thể trông đợi những nơi-đến xấu dữ.²⁴

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Mắt, tai, mũi, và lưỡi
Kể cả thân và tâm
Các cửa này ở đây
Tỳ kheo không phòng hộ. (47)

Ăn uống không tiết độ
Nên bị khổ về thân
Các căn không chế ngự
Nên bị khổ về tâm. (48)

Bị thiêu đốt trong thân
Bị thiêu đốt trong tâm
Dù là đêm hay ngày
Đều sống trong sự khổ. (49) **

²⁴ [Hai điều này có ghi ở kinh AN 2:168, và hai phẩm chất ngược lại trong kinh kế dưới có ghi trong AN 5:150 và AN 6:17.] (24)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.29) – Sống Trong An Lạc

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai điều này một Tỳ kheo sống trong an lạc trong thế gian, không bị phiền não, tuyệt vọng, sốt não; khi thân tan rã, sau khi chết, có thể trông đợi những nơi-đến tốt lành. Hai đó là gì? Phòng-hộ các cửa các căn (giác quan) và tiết-độ trong ăn uống. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có được hai điều này một Tỳ kheo sống trong an lạc trong thế gian, không bị phiền não, tuyệt vọng, sốt não; khi thân tan rã, sau khi chết, có thể trông đợi những nơi-đến tốt lành.”²⁵

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Mắt, tai, mũi, và lưỡi
Kể cả thân và tâm
Các cửa này ở đây
Tỳ kheo khéo phòng hộ (50)

Ăn uống luôn tiết độ
Nên an lạc về thân
Các căn được chế ngự
Nên an lạc về tâm. (51)

Không thiêu đốt trong thân
Không thiêu đốt trong tâm
Dù là đêm hay ngày
Đều sống trong hạnh phúc. (52))

²⁵ [Hai điều này có ghi ở kinh AN 2:169, và hai phẩm chất ngược lại có ghi trong AN 5:150 và AN 6:17.] (25)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.30) – Giày Vò

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hai phẩm chất này làm giày vò (con người). Hai đó là gì? Ở đây, có người đã không làm điều tốt, đã không làm điều thiện, đã không tạo nơi nương-tựa, đã làm điều xấu ác, đã làm điều tàn nhẫn, đã làm điều sai trái. Người đó bị giày vò [khi nghĩ] ‘Ta đã không làm điều tốt’, người đó bị giày vò [khi nghĩ] ‘Ta đã làm điều xấu ác’. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, hai phẩm chất này làm giày vò người đó.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đã làm những ác-hạnh
Bằng thân, tâm, lời-nói
Và tất cả điều khác
Bị dính với tâm sân. (53)

Đã không làm điều thiện
Đã làm nhiều bất thiện
Cho nên kẻ vô trí
Sau khi thân tan rã
Tái sinh đọa địa ngục. (54) ²⁶

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.31) – Không Giày Vò

²⁶ [Thi kệ (53-54) = (124-125) bên dưới.] (26)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hai phẩm chất này không giày vò (con người). Hai đó là gì? Ở đây, có người đã làm điều tốt, đã làm điều thiện, đã tạo nơi nương-tựa, đã không làm điều xấu ác, đã không làm điều tàn nhẫn, đã không làm điều sai trái. Người đó không bị giày vò [khi nghĩ] ‘Ta đã làm điều tốt’, người đó không bị giày vò [khi nghĩ] ‘Ta đã không làm điều xấu ác’. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, hai phẩm chất này không giày vò người đó.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đã làm những thiện-hành
Bằng thân, tâm, lời-nói
Và tất cả điều khác
Không bị dính tâm sân. (55)

Đã làm nhiều điều thiện
Không làm điều bất thiện
Nhờ vậy người có trí
Sau khi thân tan rã
Tái sinh lên cõi trời. (56) ²⁷

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.32) – Giới Hạnh [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai phẩm chất một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Hai đó là gì? Giới-hạnh xấu ác (ác đức) và quan-điểm xấu ác (ác kiến). Đúng vậy, này

²⁷ [Thi kệ (55) = (126) = (172) và (56) = (127) bên dưới.] (27)

các Tỳ kheo, có hai phẩm chất một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Giới-hạnh thì xấu ác
Những quan-kiến xấu ác
Có hai phẩm chất này
Thì kẻ vô trí đó
Sau khi thân tan rã
Tái sinh trong địa ngục. (57)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.33) – Giới Hạnh [Nhì]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai phẩm chất một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Hai đó là gì? Giới-hạnh tốt lành (thiện đức) và quan-điểm tốt lành (thiện kiến). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có được hai phẩm chất một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Giới-hạnh được tốt lành
Những quan-điểm tốt lành
Có hai phẩm chất này
Nhờ vậy người có trí
Sau khi thân tan rã
Tái sinh trong cõi trời. (58)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.34) – Nhiệt Thành

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vầy:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhiệt thành (trong tu tập) và không biết sợ việc làm sai trái (không quý) thì không khả năng chứng giác-ngộ, không khả năng chứng Niết-bàn, không khả năng chứng nhập ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ (= Niết-bàn). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhiệt thành (trong tu tập) và không biết sợ việc làm sai trái thì không khả năng chứng giác-ngộ, không khả năng chứng Niết-bàn, không khả năng chứng nhập ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Tỳ kheo không nhiệt thành
Không sợ điều sai trái
Lười biếng, không tinh-tấn
Đờ-đần và buồn-ngủ
Cũng không biết hổ-thẹn
Và không biết kính trọng;
Một Tỳ kheo như vậy
Không khả năng chứng tới
Chánh giác-ngộ vô thượng. (59)

Những ai có chánh-niệm
Có thiền-định trí tuệ,
Nhiệt-thành, biết sai trái
Và chuyên-chú tu tập;
Sau khi đã phá bỏ
Gông-cùm tạo sanh-già:
Thì ngay trong kiếp này
Vị đó sẽ chứng tới
Chánh giác-ngộ vô thượng.” (60)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.35) – Không Lừa Dân Chúng [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, đời tu [đời sống tâm linh, phạm hạnh] được sống không phải vì mục đích để lừa dối dân chúng, để xu nịnh dân chúng, để có được sự ‘lợi, danh, cung kính’²⁸ hay để được ‘nhiều người biết đến ta’. Thay vì vậy, đời tu này được sống vì mục đích là sự kiềm-chế và sự trừ-bỏ.”²⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Không phải chỉ nghe nói:
Đời sống tâm linh này
Mục đích để trừ-bỏ

²⁸ [Tiếng Pāli là *lābha-sakkāra-siloka*: *lābha* (lợi lộc), *sakkāra* (danh phận, danh dự, chức danh có được những thứ lợi lộc đó), *siloka* (sự cung kính, sự tôn vinh, tiếp đón, tiếp đãi)].

- Toàn Chương 17 (Lợi-Danh) của Bộ Kinh Liên-Kết, (Quyển 2), gồm 43 bài kinh, Phật đã liên tục nói: ‘Lợi, danh, vinh [cung kính]’ là tai hại, đáng cay, và tệ bạc, cản trở (người tu) đạt tới sự giải-thoát [sự an-toàn vô thượng khỏi sự trôi-buộc].

- Do vậy, nếu thấy các tăng sĩ Phật giáo mà ham được sự ‘lợi, danh, cung kính’ thì lập tức biết đó là tà tăng, ma tăng. Đây là điều rất dễ để nhận dạng một người tu là chân tu hay không phải chân tu!

- Kinh AN 5:30 (*Nāgita*) cũng nói về người chân tu thì luôn sợ hãi và tránh xa ‘lợi, danh, cung kính’. Kinh AN 6:42 và AN 8:86 (cùng tên kinh *Nāgita*) chính Phật cũng cầu cho sự ‘lợi-danh’ không có với mình.

- Còn kinh Sn 3:02, thi kệ 438, Phật đã nói sự ‘lợi, danh, cung kính’ là đội quân thứ 9 của Ma Vương Ác Ma. Vì vậy, người chân tu thì họ tuyệt đối dẹp bỏ, tránh bỏ và sợ hãi 03 thứ này dù ở mọi lúc, mọi nơi! (28)

²⁹ [Ở đây dễ hiểu sự kiềm-chế hay chế-ngự là *kiêm chế* 06 căn (giới-hạnh) và sự trừ-bỏ hay đoạn-trừ là *trừ bỏ những ô-nhiễm* (lậu hoặc) như tham, sân, si, vô minh, là những nhân gây ra luân hồi sinh tử. Đơn giản Phật nói đây là mục-dịch nhắm tới của người tu, của đời sống tu hành.] (29)

Mục đích để kiềm-chế
Đức Thế Tôn đã dạy
Để dẫn dắt người tu
Tới chứng ngộ Niết-bàn. (61)

Con-đường này được đi
Bởi những vị đại sĩ
Bởi những đại kiến-giả
Họ đã thực hành nó
Như Đức Phật đã dạy
Những vị đó tu theo
Giáo lý của Vị Thầy
Làm được sự diệt-khổ. (62)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.36) – Không Lừa Dân Chúng [Nhì]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỷ kheo, đời tu này được sống không phải vì mục đích để lừa dối dân chúng, để xu nịnh dân chúng, để có được sự ‘lợi, danh, cung kính’ hay để được ‘nhiều người biết đến ta’. Thay vì vậy, đời tu này được sống vì mục đích đạt được sự trực-tiếp biết (liễu tri) và sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ).”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Không chỉ nghe nói:
Đời sống tâm linh này
Mục đích để liễu-tri
Mục đích để liễu-ngộ
Đức Thế Tôn đã dạy
Để dẫn dắt người tu

Tối chứng ngộ Niết-bàn. (63)

Con-đường này được đi
Bởi những vị đại sĩ
Bởi những đại kiến-giả
Họ đã thực hành nó
Như Đức Phật đã dạy
Những vị đó tu theo
Giáo lý của Vị Thầy
Làm được sự diệt-khổ. (64) ³⁰

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.37) – Hỷ Lạc

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai phẩm chất một Tỳ kheo an trú với nhiều hỷ lạc trong đời này và áp dụng hợp lý sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu hoặc). Hai đó là gì? Sự được phát khởi ở những nơi làm phát khởi ‘cảm-nhận sự cấp-bách’ và sự áp dụng hợp lý sự chuyên-cần tu (tinh cần).³¹ Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có được hai phẩm chất này, một Tỳ kheo an trú với nhiều hỷ lạc trong đời này và áp dụng hợp lý sự nỗ-lực để tiêu diệt những ô-nhiễm.”

³⁰ [Thi kệ 02 kinh này giống nhau, chỉ khác chỗ mục-đích.] (30)

³¹ [*Cảm-nhận sự cấp-bách (saṃvega)* là thuật ngữ quan trọng của Phật giáo: đó là cảm-nhận về sự vô-thường, sự ngắn ngủi của ‘sinh, già, bệnh, chết’ và sự hiểm-nguy thống khổ của vòng luân-hồi. Những nơi phát khởi *cảm-nhận sự cấp-bách* này là cảnh những người già, người bệnh, người chết, vân vân. Theo Phật sử, *saṃvega* chính là cảm-nhận của thái tử Tất-đạt-đa lúc ở ra ngoài kinh thành nhìn thấy cảnh những người già, người bệnh, người chết, và nó đã thúc giục thái tử phải cấp-bách đi tìm con-đường giải thoát khỏi sự sinh-già-chết! Nhờ cảm-nhận này Đức Phật đã xuất gia tìm ra con-đường (đạo) và truyền dạy lại cho chúng ta từ hơn 2.500 năm trước.] (31)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ở những nơi gọi lên
‘Cảm-nhận sự cấp-bách’
Người trí đã thực sự
Cảm thấy sự cấp-bách;
Nhiệt thành và cẩn trọng
Một Tỳ kheo quán chiếu
Sâu sắc bằng trí-tuệ. (65)

Người nào sống như vậy
Với nếp sống an-tịnh
Không lăng xăng bất an
Hết mình đạt định-tâm
Thì có thể đạt tới
Sự chấm-dứt sự khổ. (66)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

CHƯƠNG 2

(It.38) – Những Ý Nghĩ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác an trú với hai ý-nghĩ: ý-nghĩ về sự an-toàn và ý-nghĩ về sự ẩn-dật.

“Này các Tỳ kheo, Như Lai an trú trong sự vô-hại,³² ưa thích sự vô-hại. Này các Tỳ kheo, khi Như Lai an trú trong sự vô-hại, ưa thích sự vô-hại, ý-nghĩ này thường khởi đến với ta: ‘Bằng tư thế này của ta, ta không làm hại bất cứ thứ gì, dù động hay tĩnh.’

“Này các Tỳ kheo, Như Lai an trú trong sự ẩn-dật, ưa thích sự ẩn-dật. Này các Tỳ kheo, khi Như Lai an trú trong sự ẩn-dật, ưa thích sự ẩn-dật, ý-nghĩ này thường khởi đến với ta: ‘Mọi điều bất thiện đều đã được trừ-bỏ.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy cũng nên an trú trong sự vô-hại, ưa thích sự vô-hại. Khi các thầy an trú trong sự vô-hại, ưa thích sự vô-hại, ý-nghĩ này thường khởi đến với các thầy: ‘Bằng tư thế này của chúng ta, chúng ta không làm hại bất cứ thứ gì, dù động hay tĩnh.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy cũng nên an trú trong sự ẩn-dật, ưa thích sự ẩn-dật. Khi an trú trong sự ẩn-dật, ưa thích sự ẩn-dật, ý-nghĩ này thường khởi đến với các thầy: ‘Điều nào là bất thiện? Điều nào chưa được trừ bỏ? Điều nào chúng ta phải nên trừ bỏ?’

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Với Như Lai, Đức Phật
Bậc chinh phục tất cả
Có hai loại ý-nghĩ
Thường khởi lên bậc ấy:

³² [*Abyāpajjhārāmo*: có sự vô-hại (*abyāpajjha*) là nơi an trú (*ārāma*); (đại ý như: sự vô-hại là căn cứ niềm vui của Như Lai.) (30)

Ý-nghĩ sự an-toàn
Được nói là thứ nhất
Ý-nghĩ sự ẩn-dật
Được biết là thứ hai. (67)

Người xưa tan bóng tối
Đã vượt qua bờ-kia
Là bậc đại kiến-giả
Đã chứng đắc mục-tiêu
Vị Thầy, bậc vô-nhiễm
Thoát khỏi thứ độc-hại
Và đã được giải-thoát
Nhờ tiêu diệt dục-vọng
Đối với bậc như vậy
Ta gọi bậc mâu-ni
Người mang thân cuối cùng
Bậc chinh phục Ma Vương
Và vượt khỏi sự già. (68)

Như người lên đỉnh núi ³³
Nhìn xuống thấy những người
Đang đứng dưới đất bằng
Người trí với trí-tuệ
'Nhìn-thấy được tất cả'
Đã leo lên lâu cao
Được xây bằng Giáo Pháp
Bậc vô-sâu nhìn thấy
Quần chúng bị sâu-khổ
Họ đang bị chinh phục
Bởi chính sự sinh-già. (69)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

³³ [Ví dụ nổi tiếng này cũng có trong kinh *Pháp Cú*, thi kệ 28. Kể trên: *sự già* là cách nói tắt của *sự già-bệnh-chết*.] (33)

(It.39) – Điều Chỉ Dạy

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác có hai điều chỉ dạy nối tiếp về Giáo Pháp. Hai đó là gì? ‘Nhìn thấy ác là ác’ — đây là điều chỉ dạy thứ nhất về Giáo Pháp; ‘sau khi nhìn thấy ác là ác, người tu nên từ đó trở nên chán-bỏ, tỉnh-ngộ, hoàn toàn giải-thoát (khỏi ác)’³⁴ — đây là điều chỉ dạy thứ hai về Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác có hai điều chỉ dạy nối tiếp này về Giáo Pháp.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Vói Như Lai, Đức Phật
Vì có lòng bi-mẫn
Vói tất cả chúng sinh
Nhìn thấy sự tiếp nối
Đã chỉ ra hai điều. (70)

Sau khi nhìn thấy ác
Từ đó nên tỉnh-ngộ
Vói cái tâm tỉnh-ngộ
Làm nên sự diệt-khổ.” (71)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.40) – Minh

³⁴ [Trong toàn bộ Kinh Tạng, người dịch dùng chữ *chán-bỏ* (*nibbindatha, nibbidā*) theo nghĩa: không còn tham thích, ly tham; *tỉnh-ngộ* (*virajjatha, virajjati*) theo nghĩa: không còn mê đắm, không còn mê muội.] (34)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, vô-minh là thứ dẫn đầu những phẩm chất bất thiện, theo sau ngay nó là sự không biết xấu-hổ lương tâm (vô tâm) và sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái (vô quý).³⁵ Tương tự, minh (trí-biết, chân trí) là thứ dẫn đầu những phẩm chất thiện lành, theo sau ngay nó là sự biết xấu-hổ lương tâm (tâm) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (quý).”³⁶

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Mọi nơi-đến xấu dữ
 Trong cõi này, cõi sau
 Tất cả đó đều do
 Vô-minh là gốc rễ
 Hội với dục và tham. (72)

Khi người đầy ác-dục
 Không xấu-hổ lương tâm

³⁵ [Đây cũng là 02 thuật ngữ quan trọng của Phật giáo. Sự không biết xấu-hổ về lương tâm (*ahirikaṃ, ahirika, không có hiri*; không tâm) ngược với sự biết xấu-hổ về lương tâm (*hiri; tâm*); còn sự không biết sợ-hãi làm điều sai trái, sự bất-chấp về lương tâm (*anottappa, không có ottappa*; không quý) ngược với sự biết sợ-hãi việc làm sai trái, sự biết sợ-hãi về lương tâm (*ottappa*); quý). (Người dùng HV gọi là *tâm/ vô tâm* và *quý/ vô quý*).

- Đặc biệt đối với những Phật tử sơ cơ và những người chưa biết đạo Phật: 02 phẩm chất này *cần phải có trước* rồi mới nói tới việc học tu. Phật đã nói một người không có 02 phẩm chất này thì không thể tu sửa hay hướng thiện gì được. Trong kinh AN 2:09 và Iti.42 kể dưới, Phật nói 02 phẩm chất này như ‘*người bảo vệ*’ (cho đạo đức) của thế gian (chẳng hạn nếu người dân không có 02 phẩm chất này thì thế gian luôn có nhiều tội lỗi và tội phạm về đạo đức, vì pháp luật xã hội không thể bao trùm và ngăn ngừa hết.) (35)

³⁶ [Vô-minh (*avijjā*, không có *vijjā*): không hiểu-biết, không trí-biết (đây là thuật ngữ nghĩa rộng nghĩa là không hiểu biết về nhân-quả, về Bốn Diệu Đế, Phật giáo); ngược lại là *minh (vijjā)*: sự hiểu-biết (về nhân-quả, về Bốn Diệu Đế, Phật giáo). Mở rộng hơn, *vô-minh* được cho là nguyên nhân gốc tạo ra luân-hồi sinh tử; rõ hơn: do có *vô-minh* nên có *những sự tạo-tác* (hành); do có *những sự tạo-tác* ... nên có *dục-vọng* (ái) ... của vòng ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (12 nhân duyên).] (36)

Không tôn trọng, bất kính
Thì đã tạo ác-nghiệp
Và kẻ đó tiến tới
Trong cõi đọa cõi dữ. (73)

Do vậy một Tỳ kheo
Biết tu tập phát khởi
‘Sự hiểu-biết đích thực’
(gọi là minh, chân trí)
Làm phai biến dẹp tan
‘Dục, tham và vô-minh’
Sau khi làm được vậy
Thì trừ được tất cả
Những cõi đọa cõi dữ.” (74)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.41) – Thiếu Trí Tuệ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, những chúng sinh ‘thiếu hụt thậm tệ’ nghĩa là thiếu trí-tuệ thánh thiện. Trong thế gian họ sống trong sự khổ, với sự phiền não, tuyệt vọng, sốt não; khi thân tan rã, sau khi chết, có thể trông đợi những nơi-đến xấu dữ. Những chúng sinh ‘không thiếu hụt thậm tệ’ là không thiếu trí-tuệ thánh thiện. Trong thế gian họ sống hạnh phúc, không bị phiền não, tuyệt vọng, sốt não; khi thân tan rã, sau khi chết, có thể trông đợi những nơi-đến tốt lành.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Hãy nhìn coi thế gian
Có cả những thiên thần
Đều thiếu hụt trí-tuệ

Cố chấp vào danh-sắc³⁷

Coi đó là sự-thật. (75)

Quả thật rằng trí-tuệ

Là bậc nhất tốt nhất

Để thâm nhập sự-thật

Để tự thân chánh biết:

Sự chấm dứt tái-sinh

Sự chấm dứt hiện-hữu. (76)

Chư thiên và loài người

Ghen tỵ và ao ước

Được như Phật Toàn Giác:

Bậc luôn có chánh-niệm

Có trí-tuệ tinh nhạy,

Sáng tỏ và hoan hỷ³⁸

Mang thân này cuối cùng.” (77)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.42) – Phẩm Chất Sáng

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy.³⁹

³⁷ [*Rūpa-nāma*: danh-sắc. Danh (*nāma*) là phần tâm thần; sắc (*rūpa*) là phần sắc thân. Danh-sắc kết hợp tạo lên một ‘cá-thể’, một ‘người’, một ‘chúng sinh’. Người thế gian, kể cả những thiên thần cõi trời, vẫn nhận lầm đó là ‘danh-tánh của ta’ (thân kiến), họ cho rằng ‘thân-tâm’ này là một thực-thể trường tồn, là ‘ta’, ‘của-ta’. Họ không biết được danh-sắc chỉ là sự kết hợp vô ngã và vô thường. Như lời kinh, đó là do họ thiếu hiểu-biết, thiếu trí-tuệ về sự-thật, do họ còn vô-minh.] (37)

³⁸ [*Hāsa-paññā*: chữ ghép này đa nghĩa nên người dịch cố dịch đủ nghĩa là: “trí-tuệ tinh nhạy, sáng tỏ và hoan hỷ”, vì đầu chữ *hāsa* hàm nghĩa 03 tính chất này để tả thực trí-tuệ của một vị Phật. Một số dịch giả chỉ chọn một trong 03 tính chất đó để dịch. Còn dịch đủ như vậy không thừa và khỏi bị sai sót.] (38)

³⁹ [Kinh này, trừ thi kệ, giống hết kinh AN 2:09.] (39)

“Này các Tỳ kheo, có hai phẩm chất sáng này bảo vệ thế gian. Hai đó là gì? Sự biết xấu-hổ lương tâm (tàm) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (quý). Nếu hai phẩm chất này không bảo vệ thế gian, thì ở đây đâu thấy có [sự kiềm-chế hay giới-hạnh gì] đối với mẹ, dì, mợ, hay vợ của những người thầy của mình và của những người đáng tôn trọng [khác].⁴⁰ Nếu vậy thì thế gian này đã trở thành vô luân hỗn độn, chẳng khác gì những bầy dê và cừu, gà và heo, chó và chó rừng. Nhưng bởi vì có hai phẩm chất sáng này bảo vệ thế gian, cho nên ở đây thấy có [sự kiềm-chế và giới-hạnh] đối với mẹ, dì, mợ, hay vợ của những người thầy của mình và của những người tôn trọng [khác].”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Những ai bên trong mình
Không sự biết-xấu hổ
Về lương tâm đạo đức
Không sự biết sợ-hãi
Những việc làm sai trái:
Thì xa lìa căn sáng
Họ đi tới địa ngục. (78)

“Những ai bên trong mình
Có sự biết-xấu hổ
Về lương tâm đạo đức
Có sự biết sợ-hãi
Những việc làm sai trái
Được thiết lập thường trực
Đòi tâm linh tu dưỡng:
Thì họ được bình-an
Hết tái sinh tái hữu. (79)

⁴⁰ [Kinh AN 2:09 có chú giải chữ *mātucchā* có nghĩa là *dì*, tức là chị gái hay em gái của mẹ; *mātulāni* nghĩa là vợ của cậu, tức là *mợ*.] (40)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.43) – Không Sinh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có một trạng thái không sinh, không hiện-hữu, không tạo-tác, không bị điều-kiện [vô sinh, vô hữu, vô hành, vô vi]. Nếu không có một trạng thái không sinh, không hiện-hữu, không tạo-tác, không bị điều-kiện thì đâu có lối-thoát khỏi trạng thái còn sinh, còn hiện-hữu, còn tạo-tác, còn bị điều-kiện [hữu sinh, hữu hữu, hữu hành, hữu vi]. Nhưng thật sự có trạng thái không sinh, không hiện-hữu, không tạo-tác, không bị điều-kiện cho nên có lối-thoát khỏi trạng thái còn sinh, còn hiện-hữu, còn tạo-tác, còn bị điều-kiện.”⁴¹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Được sinh và hiện-hữu
Do khởi-sinh, tạo-tác
Và (bản chất) vô-thường:
Là một đồng già chết
Là một ổ bệnh đau
Thực chất thứ mong manh. (80)

Thứ chỉ tồn tại được
Nhờ thức ăn thực dưỡng
Không nên mê thích nó;

⁴¹ [Phần lời kinh rất hay này cũng có ghi trong kinh Ud 73 (tức 8:03) quyển “Lời Phật Cảm Thán”.

- Trạng thái “không còn sinh, không còn hiện-hữu, không còn tạo-tác, không còn điều-kiện vô vi” chính là Niết-bàn. Trạng thái “còn sinh, còn hiện-hữu, còn tạo-tác, còn bị điều-kiện [hữu vi]” là chỉ trạng thái các cõi hiện-hữu trong thế gian như cõi người, súc sinh, ngạ quỷ, cõi trời ... Tổng cộng 31 cõi hiện-hữu.] (41)

Thoát khỏi sự hiện-hữu
Thì mới là bình-an,
Vĩnh hằng, ngoài lý luận. (81)

Đây có một trạng thái
Vô sinh, vô khởi sinh
Vô ưu sầu, vô nhiễm
Sự diệt những thứ khổ⁴²
Sự tịch lặn các hành
Mới là chân hạnh-phúc. (82)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.44) – Niết-Bàn Giới

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai yếu tố Niết-bàn. Hai đó là gì? Yếu tố Niết-bàn còn tàn dư [dư y Niết-bàn giới] và yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư [vô dư y Niết-bàn giới].

(1) “Này các Tỳ kheo, cái gì là yếu tố Niết-bàn còn tàn dư? Ở đây, một Tỳ kheo là một A-la-hán, đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá hết gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu (hữu kiết sử), đã được giải-thoát nhờ chánh-trí. Năm căn vị đó vẫn nguyên vẹn, và do năm căn vẫn (hoạt động bình thường) như vậy nên vị đó vẫn trải nghiệm thứ thích và thứ không thích, vẫn cảm nhận thứ sướng và thứ khổ. Đối với vị ấy: tham đã diệt, sân đã diệt, si đã diệt. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là yếu tố Niết-bàn còn tàn dư. (tức còn thân này, còn hiện hữu)

⁴² [*Dukkhadhammāṇaṃ*: các pháp khổ, những thứ khổ đau, những thứ có bản chất khổ đau: là những yếu tố tạo nên sự hiện-hữu có điều-kiện (hữu vi). Sự chấm-dứt (diệt, diệt tận) những thứ này chính là sự giải-thoát = trạng thái Niết-bàn. Nói cách khác câu này là chỉ có Diệu Đế 3: sự chấm-dứt khổ, sự diệt khổ.] (42)

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư? Ở đây, một Tỳ kheo là một A-la-hán, đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá hết gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu (hữu kiết sử), đã được giải-thoát nhờ chánh-trí. Đối với vị ấy: tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt (tịch diệt) ngay tại đây. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư. (tức sau khi qua đời, bỏ thân, hết hiện hữu)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Hai Niết-bàn giới này
 Đã được giảng giải rõ
 Bởi một bậc kiến-nhãn
 Bậc thông-dong, tự-tại.
 Quả thật là một giới
 Thuộc ở đây kiếp này
 Vẫn còn lại tàn dư
 (Tức thân và các căn)
 Đây trạng thái dẫn tới
 Sự chấm-dứt hiện-hữu;
 Còn giới không tàn dư
 Là thuộc về kiếp sau
 Nơi mọi sự hiện-hữu
 Đã hoàn toàn tiêu diệt. (83)

Ai đã ngộ điều này
 Là con-đường vô-vi
 (Thoát khỏi cõi hữu-vi)
 Thì tâm được giải-thoát
 Bằng sự đã diệt hết
 Thứ đưa đến hiện-hữu,
 Họ đã chứng đắc được
 Cốt-lõi của Giáo Pháp

Vui thích sự ái-tận
Bậc tự-tại như vậy
Đã trừ bỏ đoạn tận
Tất cả sự hiện-hữu.” (84)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.45) – Ẩn Dật

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy sống ưa thích sự ẩn dật, tận tụy với sự ẩn dật, nội tâm chú ý tới thiền định, không bỏ lơ (sự chứng đắc) các tầng thiền định, thường ở những nơi trống hẻo lánh. Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống ưa thích sự ẩn dật, tận tụy với sự ẩn dật, nội tâm chú ý tới thiền định, không bỏ lơ các tầng thiền định, thường ở những nơi trống hẻo lánh, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả—trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn tàn dư thì thánh quả Bất-lai.”⁴³

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai bình-an trong tâm
Thấy-biết, có chánh-niệm
Và có đủ thiền-định
Họ nhìn thấy Giáo Pháp
Chánh đúng bằng trí-tuệ
Hết dính lú dục-lạc. (85)

Vui thích sự chuyên-chú
Họ bình tĩnh bình lặng

⁴³ [Trí-biết cuối cùng (*aññā*) có nghĩa: trí giác-ngộ cuối cùng, trí-biết toàn thiện, đồng nghĩa thánh quả A-la-hán, sự giác-ngộ toàn thiện. Đây là chữ Phật dùng rất nhiều lần trong toàn Kinh Tạng để mô tả một Tỳ kheo chứng thánh quả A-la-hán.] (43)

Nhìn thấy sự nguy-hiểm
Nếu lơ tâm phóng-dật;
Họ bất khả thoái đọa
Họ ở gần Niết-bàn.” (86)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.46) – Ích Lợi Của Sự Tu Học

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy sống (trải nghiệm) những ích lợi của sự tu học, lấy trí-tuệ là cao nhất, sự giải-thoát là cốt lõi và sự chánh-niệm là nguyên lý chủ trì. Này các Tỳ kheo, ai sống (trải nghiệm) những ích lợi của sự tu học, lấy trí-tuệ là cao nhất, sự giải-thoát là cốt lõi và sự chánh-niệm là nguyên lý chủ trì, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả—trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn tàn dư thì thánh quả Bất-lai.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người hoàn thiện tu học
Diệt trừ mọi tâm tính
(Lậu hoặc và dính mắc)
Và có được trí-tuệ
Được coi là tối thượng
Đã tự chứng sinh-tận
Quả thật bậc Mâu-ni
Người mang thân cuối cùng
Đã loại trừ Ma Vương
Ta gọi đó là bậc
Đã vượt khỏi sự già. (87)

Bởi vậy những người tu

Nên vui thích thiền định
Đạt định và nhiệt thành
Sự chứng kiến sinh-tận
Sau khi thắng Ma Vương
Và đạo quân của hắn
Này hồi các Tỳ kheo
Hãy trở thành những bậc
Đã vượt qua sinh-già.” (88)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.47) – Tu Tập Sự Tỉnh Thức

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống tỉnh-thức, có chánh-niệm, rõ-biết, tâm đạt định, hoan hỷ, tĩnh lặng; và trong đó, vào những thời thích hợp quán xét thấy biết (quán tri) những pháp thiện. Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống tỉnh-thức, có chánh-niệm, rõ-biết, tâm đạt định, hoan hỷ, tĩnh lặng; và trong đó, vào những thời thích hợp quán xét thấy biết những pháp thiện, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả—trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn tàn dư thì thánh quả Bất-lai.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Những ai đang tỉnh thức
Hãy lắng nghe điều này!
Những ai đang mê ngủ
Thì hãy mau thức tỉnh!
Tỉnh thức tốt hơn ngủ
Không có sự hiểm nguy
Đối với người tỉnh thức. (89)

Có chánh-niệm, rõ-biết
Tâm định, hỷ, tĩnh lặng
Và những thời thích hợp
Tra xét cách chánh đứng
Quán xét về Giáo Pháp
Khi tâm đạt nhất-điểm
Người đó sẽ xua tan
Sự u mê tăm tối. (90)

Do vậy một Tỳ kheo
Luôn nhờ sự tỉnh thức
Người nhiệt thành, có trí
Và chứng đắc thiền định;
Sau khi đã cắt đứt
Gông-cùm của sinh-già
Ngay kiếp này chạm tới
Sự chánh-giác tối thượng. (91)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.48) – Bị Cõi Đọa

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hai người này bị đọa trong những cảnh xấu dữ, bị đọa trong địa ngục, nếu không trừ bỏ điều [hành vi] này. Hai đó là gì? (1) Người không sống đời sống tâm linh tinh khiết (phạm hạnh; giới, đức, độc thân) mà tuyên bố mình sống đời sống tâm linh tinh khiết, và (2) người vu oan vô căn cứ về người khác không sống đời sống tâm linh tinh khiết, trong khi vị kia thật sự sống đời sống tâm linh hoàn toàn tinh khiết và độc thân. Này các Tỳ kheo, thật vậy, hai người này bị đọa trong những cảnh xấu dữ, bị đọa trong địa ngục, nếu không trừ bỏ điều [hành vi] này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người nói dối nói láo
Thì đi xuống địa ngục
Cũng như kẻ đã làm
Lại nói mình không làm;
Sau chết qua cõi kia
Cả hai đều như nhau
Vì đều là những người
Làm những nghiệp hạ liệt. (92) ⁴⁴

Nhiều người mặc cà sa
Không chế ngự giữ giới
Làm những điều xấu ác
Nên tái sinh địa ngục
Vì những nghiệp xấu ác. (93) ⁴⁵

Người tu mà thất đức
Không chế ngự giữ giới:
Thì thà nuốt hòn sắt
Đỏ rực như lửa ngọn
Còn hơn ăn thức ăn
Mà xứ sở cúng dường. (94) ⁴⁶

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.49) – Do Quan Điểm

⁴⁴ [(92) = thi kệ trong kinh Ud 38, Dph 306, Sn 3:10 (661), SN 6:10 (Quyển 1) và AN 10:89.] (44)

⁴⁵ [(93) = (205) = Pháp Cú (307).] (45)

⁴⁶ [(94) = (206) = Pháp Cú (308). Về ví dụ *hòn sắt “đang cháy đỏ rực”* cũng có trong kinh dài DN 23, mục 17 (*kinh Pāyāsi*), kinh trung MN 130, mục 25 (*kinh Thiên Sư*), kinh tạng chi AN 7:72 (nhiều thứ đang cháy đỏ rực), và trong kinh Sn 3:10, thi kệ (667).] (46)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, do bị xâm chiếm bởi hai loại quan-điểm (tà kiến) nên có số chư thiên và người dính chìm, có số đi thái quá; nhưng những ai có mắt-nhìn (sự-thấy) thì nhìn thấy (sự-thật).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là số dính chìm? Này các Tỳ kheo, số chư thiên và người ưa thích sự hiện-hữu, họ muốn sự hiện-hữu, vui thích sự hiện-hữu. Khi được chỉ dạy Giáo Pháp về sự chấm-dứt hiện-hữu, tâm họ không hưng phấn, không tự tin, không vững tâm, không quyết tâm (về con đường đạo Phật).⁴⁷ Đây là cách số đó dính chìm. {hữu-ái}

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là số đi thái quá? Này các Tỳ kheo, có số thấy âu lo phiền não với chính sự hiện-hữu, họ xấu hổ với nó, ghê tởm với nó, họ ưa thích sự không hiện-hữu (diệt vong). Họ nói: ‘Thật vậy, cái ‘ta’ (ngã, linh hồn) này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị diệt vong, bị hủy diệt và sẽ không còn sau khi chết.’ Đây là cách số đó đi thái quá. {phi hữu-ái}

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào những ai có mắt-nhìn thì nhìn thấy? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy điều ắt sẽ xảy đến chỉ là điều ắt sẽ xảy đến.⁴⁸ Sau khi nhìn thấy điều ắt sẽ xảy đến chỉ là điều ắt sẽ xảy đến, người đó tu tập để đạt sự tỉnh-ngộ (hết ảo tưởng) với nó, sự chán-bỏ (ly tham) đối với nó, và sự chấm-dứt nó. Đây là cách những ai có mắt-nhìn thì nhìn thấy.” {có trí tuệ}

⁴⁷ [Bốn chữ này diễn tả sự thiếu niềm-tin (vào Tam Bảo và đạo và quả) và sự không cam kết thực hành theo đạo.] (47)

⁴⁸ [Nguyên văn: *Idha bhikkhu bhūtaṃ bhūtaṃ passati. Bhūtaṃ (đã ắt sẽ xảy đến), bhūtaṃ (đã xảy đến), passati (nhìn thấy, quán thấy)*. Hàm nghĩa là người tu chỉ đơn giản nhìn nhận những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) chỉ là các hiện-tượng có điều-kiện: không để tâm, dính tâm, tác ý, không áp đặt các quan niệm hữu ngã, trường tồn hay thực chất cố hữu gì bên trong những sự đó. Tức là *nhìn thấy mọi sự đến đi, sinh diệt, đúng như chúng thực là*. Mọi thứ trong thế gian chỉ là sinh-và-diệt theo lý nhân-duyên và nhân-quả. Vì vậy người có trí, có ‘mắt nhìn’, chỉ cần tu tập sự tỉnh-ngộ, ly-tham đối với chúng; một cách vô-tư nhìn sự-thật “đến-đi, sinh-diệt”. Đây là thiền quán các pháp sinh diệt.] (48)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Những ai đã nhìn thấy
Những sự đã xảy đến
Chỉ là sự xảy đến:
Thì lại được siêu thoát
Khỏi chính thực-tại đó,
Sau khi đã tiêu diệt
Dục-vọng muốn hiện-hữu. (95)

Vị đó đã thực sự
Có được sự liễu ngộ
Về sự ắt xảy đến
Vị đó đã không còn
Dục-vọng muốn hiện-hữu
Hay muốn không hiện-hữu;
Bằng cách đã tiêu diệt
Những sự ắt xảy đến
Thì vị Tỳ kheo đó
Không còn tái hiện-hữu. (96) ⁴⁹

⁴⁹ [Bài kệ này có lẽ cần giải thích, đặc biệt cho những người mới đọc Phật giáo. Bắt đầu là “lý nhân-duyên”, “lẽ sinh-diệt” trong Phật giáo: Mọi sự trong thế gian xảy đến (khởi sinh) hoặc đã xảy đến đều ắt do nhân-duyên. Có nhân thì có quả. Đó chính là nghĩa của chữ “sự/điều ắt sẽ xảy đến”: ắt sẽ trở thành, ắt sẽ sinh hữu, ắt sẽ đi đến hiện hữu” (*bhūtaṃ*), chỉ nên nhìn và biết đó là “sự/điều đã xảy đến” (*bhūtaṭo*). Sự vượt khỏi/ vượt trên những sự ắt sẽ xảy đến đó (*bhūtaṭassa ca atikkamaṃ*) là mục tiêu thiền quán và trí tuệ của người tu. Người tu chỉ ngồi quán sát lẽ-thực này “mọi sự đến và đi, sinh và diệt”, không cần phải để ý, tác ý, dính theo nó mà tạo nghiệp, tạo nhân cho “sự/điều ắt sẽ xảy đến” tiếp theo. Đó là ý nghĩa câu sau “họ đã siêu thoát khỏi cái thực-tại đó” (*Yathābhūte vimuccanti*), sau khi họ đã nhận ra bản chất của thực-tại.

- Nôm na: sau khi đã nhìn thấy đã ngộ sự-thật đó, thì người tu trở nên tỉnh-ngộ, chán-bỏ với sự hiện-hữu (vốn chỉ là = màn diễn của đến-đi sinh-diệt), và do vậy họ tiêu diệt dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), cả dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi hữu ái, tư tưởng diệt vong). Và theo định nghĩa của Phật giáo, người tu được giải-thoát khỏi sự hiện-hữu, sự tái sinh-tử, tái hữu, khỏi luân hồi. Người dịch tạm cắt nghĩa thô sơ như vậy. Thi kệ đã tóm lược lại ý của 03 đoạn kinh ở trên.] (49)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

3—PHẦN “BA”

CHƯƠNG 1

(It.50) – Gốc Rễ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba gốc rễ [căn] bất thiện. Ba đó là gì? Tham là gốc rễ bất thiện; sân là gốc rễ bất thiện; si là gốc rễ bất thiện. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba loại gốc rễ bất thiện này.⁵⁰

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Gốc rễ tham, sân, si
Khởi sinh trong chính mình,
Luôn làm hại một người
Có cái tâm xấu ác
Như quả của cây sậy
Sẽ hủy diệt chính nó. (97)⁵¹

⁵⁰ [Lời kinh này như trong kinh AN 3:69 (kinh đó có giảng giải chi tiết cả 03 gốc-rễ [căn] thiện và bất thiện. *Mūla*: gốc-rễ (của cây cối) hàm nghĩa: căn cơ, căn cứ, gốc gác, cơ sở, nền móng (nên hay được gọi là căn tham, căn sân, căn si; khác với 06 căn hay những căn nhận biết khác). Thi kệ (97) bên dưới = (383) của kinh SN 2:32 (Quyển 1).

▪ **Lưu ý:** Nhiều danh từ giáo lý đã được Đức Phật nói ra trong Kinh Tạng, và đặc biệt trong quyển kinh này, từ chỗ này trở đi, như: 03 gốc-rễ (căn), 03 yếu-tố (giới), 03 cảm-giác (thọ), 03 sự tìm-cầu, 03 sự ô-nhiễm (lậu hoặc), 03 loại dục-vọng (ái), 03 mắt-nhìn (nhãn), 03 căn, 03 thời gian, 03 hành-vi sai trái (tà hạnh), 03 hành-vi đúng đắn (chánh hạnh), 03 sự thanh-tịnh, 03 sự trầm-lặng, 03 sự thoát-ly, 03 lừa ... vân vân ... cũng được liệt kê và tụng lại trong kinh dài DN 33, mục 1.10 (*Mục 03-Thứ*), từ (1)-(60) (tức *kinh Sangīti, Phúng Tụng, Cùng Tụng Với Nhau*).] (50)

⁵¹ [Câu cuối: *Tacasāraṃva samphala*. Luận giảng **Spk** chú giải kinh AN 3:69 ghi: [Như cây tre hay cây sậy bị trái quả của nó làm hại và hủy diệt chính nó (sau khi ra trái quả là cây phải chết; như cây chuối, con la cũng vậy); tương tự, chính tham, sân, si của một người làm hại và hủy diệt người đó.]] (51)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.51) – Yếu Tố

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố (giới) này. Ba đó là gì? Yếu tố sắc, yếu tố vô sắc, yếu tố chấm-dứt (sắc giới, vô sắc giới, diệt giới). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba yếu tố này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai liễu ngộ sắc giới
Không trú vô sắc giới
Những ai được giải-thoát
Trong tịch diệt chấm dứt:
Các vị đó là người
Đã loại bỏ cái chết. (98) ⁵²

Sau khi đã bằng thân
Tiếp xúc giới bất-tử
Đã hết sạch sanh-y
Sau khi đã chứng ngộ
Sanh-y tận, lậu tận
Phật chánh đẳng chánh giác
Đi truyền dạy trạng thái
Vô ưu và vô nhiễm. (99) ⁵³

⁵² [(98) = (140) bên dưới = (755) của quyển *Kinh Tập*, Sn 3:12.] (52)

⁵³ [(99) = (141) bên dưới. Chữ *pada* có nghĩa là con đường, trạng thái, câu cú (như *Pháp Cú*); ở đây dịch theo nghĩa ‘trạng thái’. ‘*Trạng thái vô ưu và vô nhiễm*’ là = Niết-bàn. Hiểu nôm na nghĩa thi kệ: sau khi chứng sự giác-ngộ toàn thiện, Đức Phật đi truyền dạy (đạo Phật dẫn tới) *trạng thái vô ưu vô nhiễm* là Niết-bàn.] (53)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.52) – Những Cảm Giác [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính [không sướng không khổ]. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này.”⁵⁴

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đệ tử của Đức Phật
 Tâm đặt-định, rõ-biết
 Và luôn có chánh-niệm
 Hiểu ngộ những cảm-giác
 Nguồn-gốc những cảm-giác. (100)

“Sự chấm-dứt cảm-giác
 Và con-đường dẫn tới
 Sự chấm-dứt cảm-giác:
 Khi chấm-dứt cảm-giác
 Tỳ kheo hết dục-vọng **
 Tắt bật mọi ô-nhiễm. (101) ⁵⁵

⁵⁴ [Kinh này giống hết kinh SN 36:01 (Quyển 4), cả lời kinh và thi kệ.

- Để ý bên dưới: thi kệ (100-101) = (104-105) = (108-109), chỉ khác ở chỗ (100-101) ghi *vedanā* (cảm-giác), (104-105) ghi *esanā* (sự tìm-cầu), và (108-109) ghi *āsava* (ô-nhiễm, lậu hoặc). Bộ 03 bài kệ này cùng khuôn mẫu. Bài kệ ghi *vedanā* (cảm-giác) này có ở kinh SN 36:01 nói trên, nhưng 02 bài kệ sau thì không thấy có trong toàn Kinh Tạng.] (54)

⁵⁵ [Nguyên văn “hết đói khát” (*nicchāto*) hàm nghĩa: hết dục-vọng (ái tận); ‘hoàn toàn tắt ngấm’ (*parinibbuto*) hàm nghĩa hoàn toàn tắt bật những ô-nhiễm (lậu tận).

- Bài kệ này mô tả người tu thiền quán những cảm-giác (quán thọ) theo khuôn mẫu ‘Bốn Diệu Đế: cảm-giác, nguồn-gốc cảm-giác, sự chấm-dứt, và đạo dẫn tới sự chấm-dứt cảm-giác [thọ, tập, diệt, đạo]. Rồi theo ‘Lý Duyên Khởi’: khi diệt cảm-giác thì diệt

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.53) – Những Cảm Giác [Nhì]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính. Đây là ba cảm-giác.

“Này các Tỳ kheo, cảm-giác sướng nên được nhìn thấy là khổ; cảm-giác khổ nên được nhìn thấy như mũi tên (độc); cảm-giác trung tính nên được nhìn thấy là vô-thường.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy cảm-giác sướng là khổ, cảm-giác khổ như mũi tên, cảm-giác trung tính là vô-thường, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo nhìn thấy một cách chánh đúng. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những gông-cùm, và bằng cách phá hết sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), người đó đã làm nên sự diệt-khổ.”⁵⁶

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai thấy sướng là khổ
Thấy khổ như mũi tên
Thấy không sướng không khổ
Là (cảm-giác) bình-an
Và thấy nó vô-thường:
Đó là một Tỳ kheo

dục-vọng (thọ diệt ái diệt), và cắt đứt mắc xích dục-vọng (ái) là thành tắt ngấm, tịch diệt, Niết-bàn. – Để ý: trong Kinh Tạng, Phật thường dạy áp dụng công thức ‘*Bôn Diệu Đế*’ này cho nhiều đối-tượng giáp lý khác nhau để suy xét, trạch pháp, và thiền quán về chúng.] (55)

⁵⁶ [Kinh này giống hệt kinh SN 36:05 (Quyển 4), cả lời kinh và thi kệ đầu (thi kệ cuối khác nhau). Để ý bên dưới: thi kệ (103) = (138) = (180).] (56)

Đã nhìn-thấy chánh đúng
Liễu ngộ những cảm-giác. (102)

Tỳ kheo đắc chánh-kiến
Nhờ đó được giải-thoát
Được bình-an, viên thành
An trú với siêu trí
Bậc mâu-ni như vậy
Thoát khỏi sự trói-buộc. (103) ⁵⁷

(It.54) – Sự Tìm Cầu [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-cầu. Ba đó là gì? Tìm cầu dục-lạc, tìm cầu sự hiện-hữu, tìm cầu đời sống tâm linh (phạm hạnh). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-cầu này.”⁵⁸

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đệ tử của Đức Phật
Tâm đạt-định, rõ-biết

⁵⁷ [*Siêu trí (abhiññā)* là chỉ 06 loại trí-biết (03 thông, 03 minh) hoặc 03 minh mà một A-la-hán đã chứng đắc. Về 04 *sự trói-buộc*: mời coi lại chú thích ở kinh It.17 ở trên. Thi kệ (103) = (138) = (180).] (57)

⁵⁸ [(i) *Sự tìm-cầu* (tìm kiếm, mong cầu, luôn muốn có) *những dục-lạc*: là bản chất của chúng sinh và loài người, cả đời nỗ lực và tranh đấu chỉ để có và hưởng những dục-lạc cho mình và người thân; (ii) *sự tìm-cầu sự hiện-hữu*: là sự mong cầu, mong ước, cầu ước có được sự hiện-hữu kiếp sau tốt lành (thành nhân, thành tiên sung sướng); (iii) *sự tìm-cầu đời sống tâm linh* (phạm hạnh): là mong cầu mong muốn có được đời tu thành công; hoặc muốn tu thành đại sư, bậc thánh. (Lưu ý: ở đây Phật ám chỉ những người tìm-cầu đời sống tâm linh với động cơ là tà-kiến; chẳng hạn họ đi tu để đạt được sự ‘lợi, danh, vinh’ hay những mục tiêu khác với mục tiêu ‘giác-ngộ và giải-thoát’ của đạo Phật; hoặc chỉ những tu sĩ ngoại đạo thời Phật; hoặc chỉ những người tu thời nay mà mê tín, theo những đạo huyền bí, hướng ngoại, cầu danh!).

- 03 *sự tìm-cầu* này cũng được nói rõ trong kinh SN 45:161 (Quyển 5). Như chú thích ở kinh It.52: (104-105) = (100-101) = (108-109).] (58)

Và luôn có chánh-niệm
Hiểu rõ sự tìm-cầu
Nguồn-gốc sự tìm-cầu. (104)

Sự chấm-dứt tìm-cầu
Và con-đường dẫn tới
Sự chấm-dứt tìm-cầu:
Khi chấm-dứt tìm-cầu
Tỳ kheo hết dục-vọng
Tắt bật mọi ô-nhiễm. (105)

(It.55) – Sự Tìm Cầu [Nhì]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-cầu. Ba đó là gì? Tìm cầu dục-lạc, tìm cầu sự hiện-hữu, tìm cầu đời sống tâm linh (phạm hạnh). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-cầu này.”⁵⁹

“Tìm cầu những dục-lạc,
Tìm cầu sự hiện-hữu,
Tìm cầu đời tâm linh;
Sự nắm giữ cố chấp
‘Đây mới là sự-thật’:
Chỉ là những quan-điểm
Chỉ là sự phồng-lên. (106)⁶⁰

⁵⁹ [Thi kệ (106-107) giống = thi kệ thứ nhất và thứ hai ở cuối kinh AN 4:38.] (59)

⁶⁰ [Chú giải kinh ở AN 4:38 ghi: [Sự cố-chấp: ‘Như vậy mới là sự-thật’ (iti saccaparāmāso) là nắm giữ những quan-niệm như “Đây mới là sự-thật, vậy mới đúng sự-thật”. Những quan-điểm hay kiến-chấp (*dīṭṭhiṭṭhānā*) này nọ cũng chỉ là những quan-điểm mà thôi, chúng được gọi là “những sự phồng-lên” (*samussayā*), vì do sự phồng-lên (*samussittattā*) của chúng, do chúng phát lên như vậy, (và được người ta tin và chấp theo chúng) (kiểu sự thổi phồng, vọng tưởng).

- Nôm na là: theo Phật giáo, những quan-điểm này nọ (kiến, tà kiến) chỉ là sự thổi phồng và vọng tưởng chứ không phải là sự-thật hay chánh-kiến. Người tu đạo Phật từ đầu phải tu tập dẹp bỏ tất cả những quan-điểm này nọ, dù là đúng hay sai của

Với ai đã chán-bỏ
Tất cả mọi dục-tham
Và đã được giải-thoát
Bằng tiêu diệt dục-vọng
Thì những sự tìm-cầu
Cũng đã được dẹp bỏ
Chứng căn cứ kiến-chấp
Cũng đã được bứng bỏ
Khi đã hết tìm-cầu
Tỳ kheo hết cầu-ước
Tâm hết sự nghi-ngờ. (107)⁶¹

(It.56) – Những Ô Nhiễm [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm (lậu hoặc) này. Ba đó là gì? Sự ô-nhiễm do/là những dục-lạc (dục lậu), sự ô-nhiễm do/là sự hiện-hữu (hữu lậu), sự ô-nhiễm do/là sự vô-minh (vô minh lậu). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đệ tử của Đức Phật
Tâm đạt-định, rõ-biết
Và luôn có chánh-niệm
Hiểu ngộ những lậu-hoặc
Nguồn-gốc những lậu-hoặc. (108)

thế tục, để thành tựu chánh-kiến. Chánh-kiến là sự dẹp bỏ mọi quan-điểm này nọ, dẹp bỏ tà-kiến.] (60)

⁶¹ [Thi kệ cuối lý giải rằng: khi người tu đã diệt tham và thoát ái thì không còn sự tìm-cầu nào nữa, sự cố-chấp quan-điểm này nọ (tà kiến) cũng trừ bỏ; người tu đã giác-ngộ và giải-thoát nên tâm đâu còn cầu mong hy vọng về những điều đã tìm-cầu trước đó, và tâm người giác-ngộ thì đâu còn nghi-ngờ, vì đã chứng ngộ sự-thật.] (61)

“Sự chấm-dứt lậu-hoặc
Và con-đường dẫn tới
Sự chấm-dứt lậu-hoặc:
Khi chấm-dứt lậu-hoặc
Tỳ kheo hết dục-vọng
Tắt bật mọi ô-nhiễm. (109) ⁶²

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.57) – Những Ô Nhiễm [Nhì]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm (lậu hoặc) này. Ba đó là gì? Sự ô-nhiễm do/là những dục-lạc (dục lậu), sự ô-nhiễm do/là sự hiện-hữu (hữu lậu), sự ô-nhiễm do/là sự vô-minh (vô minh lậu). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai tiêu diệt dục-lậu
Đã dẹp tan vô-minh
Đã tận diệt hữu-lậu
Thì vị đó giải-thoát
Hết căn cơ tái-sinh:
Mang thân này cuối cùng
Đã chinh phục Ma Vương
Và đạo quân của hần. (110)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

⁶² [03 lậu-hoặc (ô-nhiễm) này cũng được nói trong kinh SN 45:163 (Quyển 5). Như chú thích ở kinh It.52: (108-109) = (104-105) = (100-101).] (62)

(It.58) – Dục Vọng

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo có ba loại dục-vọng (ái) này. Ba đó là gì? Dục-vọng vì dục-lạc (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng muốn/vì không hiện-hữu (phi hữu ái).⁶³

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bị dính trói bởi ‘sự
Trói-buộc của dục-vọng’
Với tâm đầy tham-muốn
Hiện-hữu, phi hiện-hữu
Bị trói buộc bởi ‘sự
Trói-buộc của Ma Vương’:
Những người đó không thể
Có được ‘sự an-toàn
Thoát khỏi sự trói-buộc’;
Chúng sinh cứ liên tục
Trôi giạt trong luân-hồi
Cứ đi trong sinh tử. (111)

Và đối với những ai
Đã trừ bỏ dục-vọng:
‘Dục-vọng được hiện-hữu
Dục-vọng phi hiện-hữu’
Những vị đã chứng ngộ
Sự tiêu diệt dục-vọng:
Quả thật những vị đó
Đã vượt qua bờ-kia.” (112)⁶⁴

⁶³ [03 loại dục-vọng này cũng được nói trong kinh SN 45:170 (Quyển 5). Các câu sau thi kệ (111) bên dưới có ghi trong đoạn kệ thứ hai của AN 4:49.] (63)

⁶⁴ [*Pāraṇatā* [*pāra-gata*]: đã đi/vượt qua bờ-kia (đáo bỉ ngạn) là một thuật ngữ Phật thường dùng để chỉ người tu đã qua bờ giải-thoát, đã thoát khỏi sự hiện-hữu, thoát

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.59) – Cõi Ma Vương

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất, một Tỳ kheo sau khi đã vượt khỏi cõi Ma Vương, tỏa sáng như Thái Dương. Ba đó là gì? Này các Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo có được đồng [uẩn] giới-hạnh của vô học nhân, có được đồng thiền-định của vô học nhân, và có được đồng trí-tuệ của vô học nhân. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo sau khi vượt khỏi cõi Ma Vương, tỏa sáng như Thái Dương.”⁶⁵

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ba phần giới, định, tuệ
Ai đã tu dưỡng tốt
Đã thoát cõi Ma Vương
Tỏa sáng như Thái Dương.” (113)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

khỏi luân-hồi, đã chứng ngộ Niết-bàn: đã tu thành.] (64)

⁶⁵ [Cõi = lãnh địa, sự thống trị của Ma Vương (*Māradheyyaṃ*). Trong Phật giáo, Ma Vương (*Māra*) là hiện thân của sự chết chóc, sự cám dỗ, những lậu hoặc; cõi/ sự thống trị (*dheyya*) Ma Vương là chỉ toàn bộ thế giới hữu-vi của vòng luân-hồi (*saṃsāra*).] (65)

CHƯƠNG 2

(It.60) – Những Cơ Sở Của Phước Nghiệp

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỷ kheo, có ba cơ sở của phước nghiệp [hành-động công đức]. Ba đó là gì? Này các Tỷ kheo, ở đây, sự bố-thí là một cơ sở của phước nghiệp; giới-hạnh là một cơ sở của phước nghiệp; sự thiền-tập là một cơ sở của phước nghiệp. Đúng vậy, này các Tỷ kheo, đây là ba cơ sở của phước nghiệp.”⁶⁶

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Hãy tu tập thực hành
Bằng (những nghiệp) công-đức
Việc đó sẽ đưa đến
Hạnh phúc trong tương lai;
Tu dưỡng hạnh bố-thí
Một nếp sống an-tịnh
Và tu dưỡng tâm-từ; (114) ⁶⁷

Sau khi đã tu dưỡng
Cả ba phẩm chất này

⁶⁶ [Chữ *bhāvanā*: sự tu tập tâm = thiền tập. Các luận giảng nói ở đây nghĩa chung là thiền-tập và nghĩa riêng là thiền về tâm-từ. Người dịch Việt nghĩ tại sao không đơn giản đọc chữ Phật đã nói là: sự thiền-tập = sự tu-tập tâm, chứ không nói riêng thiền tâm-từ. Việc chính trong sự nghiệp của người tu là tu tập cái tâm = thiền tập. Và biết việc thiền-tập cái tâm là một hành-động công đức (phước nghiệp) quan trọng, đưa đến phước quả lớn cho chính mình và tất cả những thí chủ cúng thức ăn, vật dụng.

- Ví dụ kinh It.22 ở trên nói về những phước quả vô cùng lớn lao chỉ riêng việc thiền về tâm-từ.] (66)

⁶⁷ [Nếp sống (hạnh, đời sống) an-tịnh là tạm dịch chữ *samācariya*: chữ này hàm chỉ sự thực hành giới-hạnh. Bố-thí và giới-hạnh là 02 phước nghiệp đầu, và thiền-tập là phước nghiệp thứ ba. Thi kệ song hành (29) ở kinh It.22 cũng ghi câu kệ y hệt “*Dānañca samācariyañca, mettacittañca bhāvaye*” (tu dưỡng sự bố-thí, nếp sống an-tịnh và tâm-từ).] (67)

Hạnh-phúc sẽ khởi sinh
Người trí đó tái sinh
Trong thế giới hạnh-phúc
(Ở trong thế giới đó)
Vắng bật sự ác-ý.” (115)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.61) – Mắt Nhìn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba loại mắt. Mắt bằng da thịt (nhục nhãn, mắt thường), mắt thiên thánh (thiên nhãn), mắt trí-tuệ tối thượng (tuệ nhãn). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba loại mắt này.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Nhục nhãn và thiên nhãn
Và tuệ nhãn tối thượng
Ba loại mắt nhìn này
Đã được nói ra bởi
Bậc thượng nhân tối cao. (115)

Sự khởi sinh nhục nhãn
Đạo dẫn tới thiên nhãn
Từ đó khởi trí-biết
Là tuệ nhãn vô thượng:
Chúng đăc loại mắt này
Một người được giải-thoát
Khỏi tất cả sự khổ.” (116) ⁶⁸

⁶⁸ [Thi kệ này Phật muốn nói: 02 loại mắt đầu vẫn là thứ đăc được thuộc thế gian; còn tuệ-nhãn là mắt-nhìn xuất thế gian dẫn tới sự diệt-khổ và sự giải-thoát [Niết-bàn].] (68)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.62) – Các Căn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba căn này. Ba đó là gì? Căn sẽ biết điều chưa biết; căn biết (tri căn), và căn của người đã hoàn-toàn biết (căn người liễu tri). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba căn này.”⁶⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người học nhân tu học
Theo con-đường chánh trực,
Trí-biết về diệt-nhiễm
(Lậu tận minh) khởi trước,
Rồi lập tức theo sau
Là trí-biết cuối cùng
(Tức là trí giác-ngộ). (118)

Rồi khi đã tiêu diệt
Những gông-cùm hiện-hữu
Với người được giải-thoát

⁶⁹ [Nguyên văn: (i) *Anaññātāññassāmītindriyaṃ*: căn của người có cảm nhận ‘Tôi sẽ biết điều chưa được biết’. Tạm dịch là ‘căn sẽ biết điều chưa biết’; (ii) *Aññindriyaṃ*: ‘căn của sự-biết’, tri căn; (iii) *Aññātāvindriyaṃ*: căn của người biết điều họ đã hoàn-toàn biết, căn của người toàn tri, tạm dịch là ‘căn của người đã liễu tri’.

- Mời đọc kinh song hành SN 48:23 (Quyển 5) và chú thích ở đó (bởi TKBD).

- Ở đây, thi kệ (118) = (236) = thi kệ đầu trong kinh AN 3:85. Và (119) = thi kệ thứ hai trong kinh đó. Mời đọc thêm chú thích 520 và 521 (bởi TKBD) trong kinh đó.

+ Nhân tiện: chữ *indriya(m)*: căn, có nghĩa là: (i) giác-quan (06 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân); hoặc (ii) phẩm-chất hay năng-lực về tâm linh (05 căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ); hoặc (iii) năng-lực giác-ngộ (03 căn toàn tri, như ở đầu chú thích này).

+ Tất cả khác với gốc-rễ (*mūla*) như kinh It.50 ở trên cũng được gọi là căn (HV).] (67)

Bằng trí-biết trực tiếp
Thì sự-biết khởi sinh:
“Sự giải-thoát của ta
Là bất khả lay chuyển.” (119)

Quả thật là vị đó
Được phú đủ các căn
Vị đó được bình-an
Thích trạng thái bình-an
Mang thân này cuối cùng
Đã chinh phục Ma Vương
Và đạo quân của hấn. (120)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.63) – Thời Gian

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỷ kheo, có ba thời gian này. Ba đó là gì? Thời quá khứ, thời tương lai, thời hiện tại. Đúng vậy, này các Tỷ kheo, có ba thời này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Chúng sinh tưởng những thứ
Có thể được diễn tả,
Và thiết lập bản thân
Ở trong những thứ đó.
Do không hoàn-toàn hiểu
Những thứ được diễn tả,
Cho nên họ dưới ách
Của Ma Vương Thần Chết. (121)
Nhưng khi hoàn-toàn hiểu

Những thứ được diễn tả
Bậc ấy hết quan niệm
‘Người diễn tả’ là gì; ⁷⁰
Bậc ấy đã chạm tới
Sự giải-thoát của tâm
Và chứng đắc trạng thái
Sự bình-an tối thượng. (122)

Bậc ấy quả thực đã
Thành tựu về ‘những thứ
Có thể được diễn tả’;
Bậc ấy được bình-an
Ưu thích sự bình-an;
Là người vẫn còn dùng
Những quy ước chữ nghĩa
Nhưng đã được thiết lập
Vững vàng trong Giáo Pháp;
Bậc trí sư không dính
Vào quy ước chữ nghĩa
(Theo suy tính thế gian). (123) ⁷¹

⁷⁰ [Thi kệ (121) và 04 câu đầu của (122) này là = thi kệ (46) và 2 câu đầu của (47) trong kinh SN 1:20 (Quyển 1). Người dịch Việt không hiểu tại sao các lời thi kệ này lại được kết tập trong kinh It.63 này khi đang nói về 03 thời gian! Hay có lẽ do dẫn dắt từ một ý nghĩa tương quan là: “Chúng sinh nhận lầm và chấp vào thân năm-uẩn, coi chúng là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’ trong khi nó thực chất là “vô-thường, khổ, và vô ngã”; và do vậy họ chỉ chạy theo như khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đó chỉ là “sự tổn phí” cuộc đời và bị dính trong lưới thời gian (dính trong luân-hồi sinh tử).

- Độc giả hay tăng, ni nào muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về những lời kệ này của Đức Phật: mời đọc lại bài kinh SN 1:20 (*Ngài Samiddhi*) rất sâu sắc và các chú giải số 35 & 36 rất chi tiết ở đó.] (70)

⁷¹ [*Những thứ có thể được diễn tả* = năm uẩn. Thi kệ (123) này cần được dịch và phân thành nhiều câu như vậy cho đủ các nghĩa. Nôm na là: *Người đã hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) về *năm-uẩn* đó thì họ đã đứng vững và thiết lập trong Giáo Pháp. Đó là những vị A-la-hán, tuy họ vẫn còn dùng những ngôn ngữ, con số và quy ước của thế gian để giao tiếp, nhưng họ không còn bị dính vào đó. Họ đã giải-thoát ở tâm, đã chứng ngộ Niết-bàn. Mời coi thêm chú thích 36 ở kinh SN 1:20 nói trên.] (71)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.64) – Hành Vi Sai Trái

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba loại hành-vi sai trái này. Ba đó là gì? Hành-vi sai trái bằng thân (hành động), hành-vi sai trái bằng miệng (lời nói), hành-vi sai trái bằng tâm (tâm ý). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba hành-vi sai trái (ác hành).”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đã làm những ác-hành
Bằng thân, tâm, lời-nói
Và tất cả điều khác
Bị dính với tâm sân. (124)

Đã không làm điều thiện
Đã làm nhiều bất thiện
Cho nên kẻ vô trí
Sau khi thân tan rã
Tái sinh đọa địa ngục. (125) ⁷²

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.65) – Hành Vi Tốt Thiện

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

⁷² [(124) và (125) giống (53) và (54) kinh It.30 ở trên.] (69)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại hành-vi tốt thiện. Ba đó là gì? Hành-vi tốt thiện bằng thân (hành động), hành-vi tốt thiện bằng miệng (lời-nói), hành-vi tốt thiện bằng tâm (tâm ý). Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba ba hành-vi tốt thiện (thiện hành).”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đã làm các thiện-hành
Bằng thân, tâm, lời-nói
Và tất cả điều khác
Không bị dính tâm sân. (126)

Đã làm nhiều điều thiện
Không làm điều bất thiện
Nhờ vậy người có trí
Sau khi thân tan rã
Tái sinh lên cõi trời. (127) ⁷³

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.66) – Sự Thanh Tịnh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba sự thanh tịnh (trong sạch, thanh lọc). Ba đó là gì? Sự thanh tịnh về thân, sự thanh tịnh về lời-nói, sự thanh tịnh về tâm. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba sự thanh tịnh.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bậc thanh tịnh về thân
Thanh tịnh về lời-nói
Và thanh tịnh về tâm

⁷³ [(126) = (55) = (172) và (127) = (56).] (70)

Đã không còn lậu hoặc:
 Vị đó đã thanh tịnh
 Thành tựu sự thanh-lọc
 Họ gọi bậc ấy là:
 ‘Người đẹp bỏ tất-cả’.” (128) ⁷⁴

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.67) – Sự Trầm Lặng

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba sự trầm-lặng. Ba đó là gì? Sự trầm-lặng về thân, sự trầm-lặng về lời-nói, sự trầm-lặng về tâm. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba sự trầm-lặng.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bậc trầm lặng về thân
 Trầm lặng về lời-nói
 Và trầm lặng về tâm
 Đã không còn lậu hoặc:
 Bậc ấy đã trầm lặng,
 Thành tựu sự trầm-lặng
 Họ gọi bậc ấy là:
 ‘Người tẩy sạch xấu ác’.” (129) ⁷⁵

⁷⁴ [Kinh này = đoạn đầu kinh AN 3:121. Thi kệ (128) này = thi kệ ở kinh AN 3:121, chỉ khác là câu kệ cuối lại lấy câu cuối (D') của thi kệ của kinh AN 3:122. Còn trong kinh It.67 kể dưới thì câu kệ cuối lại lấy câu cuối (D) của thi kệ của kinh AN 121. (Có lẽ người kết tập hay truyền tụng quyển kinh này đã đọc nhầm từ 02 kinh AN kể nhau).

- Chữ ‘tất-cả’ ở đây được định nghĩa trong kinh SN 35:23 (Quyển 4) là 06 giác-quan và 06 đối-tượng giác quan (6 căn, 6 trần; 6 nội xứ 6 ngoại xứ); trong khi chỗ khác cho rằng ‘tất-cả’ là tất cả mọi sự khổ (*dukkha*), những ô-nhiễm, các nhân tái sinh.] (74)

⁷⁵ [Trầm-lặng (trầm mặc, tĩnh mặc, im lặng) là tạm dịch tính từ *munim* (mâu-ni). Phật

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.68) – Tham [Nhất]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ai ở đây chưa trừ bỏ tham, chưa trừ bỏ sân, chưa trừ bỏ si—thì được gọi là ‘bị trói buộc bởi Ma Vương, bị trói bởi thông lọng của Ma Vương, và Ác Ma muốn làm gì người đó thì làm’. Này các Tỳ kheo, ai ở đây đã trừ bỏ tham, đã trừ bỏ sân, đã trừ bỏ si—thì được gọi là ‘không bị trói buộc bởi Ma Vương, không bị trói bởi thông lọng của Ma Vương, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng không làm được.’”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Vói ai tham, sân, si
Đều đã được loại bỏ
Vói tâm đã tu tập
Bậy ấy là tối thượng
Thành Phạm Thiên, Như Lai
Đức Phật đã vượt trên
Sự thù ghét, sợ hãi
Họ gọi bậc ấy là:
‘Người đẹp bỏ tất-cả’.” (130)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.69) – Tham [Nhì]

được gọi là “mâu-ni” (*muni*) theo nghĩa là *bậc trí trầm mặc*.] (74)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào ở đây chưa trừ bỏ tham, chưa trừ bỏ sân, chưa trừ bỏ si—thì được gọi là ‘chưa bơi qua được đại dương đầy sóng cuộn, nước xoáy, cá sấu, cá dữ (thủy quái)’. Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào ở đây đã trừ bỏ tham, đã trừ bỏ sân, đã trừ bỏ si—thì được gọi là ‘đã bơi qua được đại dương đầy sóng cuộn, nước xoáy, cá sấu, cá dữ—đã vượt qua, đã đi qua bờ-kia (đáo bỉ ngạn), là một bà-la-môn (đích thực) đứng trên nền đất cao’.” ⁷⁶

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

Với ai đã loại bỏ
Tham, sân, và vô-minh
Coi như đã vượt qua
Đại dương vốn khó vượt
Với những chỗ nước xoáy
Với thủy quái trong đó
Với sóng dữ trong đó. (131)

Vượt khỏi sự dính-mắc
Đã trừ bỏ cái chết
Đã không còn sanh-y

⁷⁶ [Đây là kinh duy nhất trong quyển kinh này Phật gọi thẳng “những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni”. Các danh từ thuật ngữ ở đây đã được Phật giảng giải ý nghĩa trong kinh AN 3:122: *sóng cuộn*: sự sân giận và bức tức; *cá sấu*: sự ham ăn ham uống; *nước xoáy*: năm thứ dục-lạc; *cá dữ (thủy quái)*: phụ nữ. Mời quý vị đọc lại kinh đó. Kinh It.109 bên dưới Phật cũng giải nghĩa về 04 chữ này!

- Bà-la-môn đứng trên nền đất cao/ đất khô (*thale tīṭṭhati brāhmaṇo*). Đứng trên nền đất cao là ví cho trạng thái cuối cùng an toàn của quả A-la-hán: không còn bị nguy hiểm, không còn bị biển nước của luân-hồi, và không còn bị cuốn trở lại biển thế gian sinh-tử. Chữ bà-la-môn ở đây Phật dùng theo nghĩa “bà-la-môn đích thực, chân chính, thánh thiện, trí tuệ”. Trong toàn Kinh Tạng, Phật dùng chữ này nhiều lần (ví dụ như cả Chương 26 của quyển kinh *Pháp Cú*) để chỉ một Tỳ kheo A-la-hán, thậm chí chỉ một vị Phật, những vị Phật.] (76)

Đã diệt tận sự khổ
Để không còn quay lại
Sự hiện-hữu nào nữa.
Bậc đã đến mục-tiêu
Bậc không thể đo lường
Làm hoang mang Thần Chết,
Rằng ta nói như vậy. (132) ⁷⁷

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

⁷⁷ [Nội dung (131-132) = các thi kệ trong kinh SN 35:229 (Quyển 4), cho dù phần lời văn xuôi 02 kinh khác nhau. Kinh này nhấn mạnh về tham, sân, si; kinh SN 35:229 nhấn mạnh về sáu cơ-sở cảm nhận (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm).] (77)

CHƯƠNG 3

(It.70) – Tà Kiến

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh có ác hành [hành-vi sai trái] về thân, ác hành về lời-nói, ác hành về tâm, là những người bắt bẻ thánh nhân, nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc], làm những nghiệp (xấu ác) do bị tà-kiến. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ sẽ bị tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.

“Đúng vậy, này các Tỳ kheo, ta không nói điều này do nghe được từ những sa-môn hay bà-la-môn. Này các Tỳ kheo, những gì ta đã hoàn-toàn hiểu, hoàn-toàn thấy, trực-tiếp biết, đó là điều ta đang nói.

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh có ác hành về thân, ác hành về lời-nói, ác hành về tâm, là những người bắt bẻ thánh nhân, nắm giữ tà-kiến, làm những nghiệp (xấu ác) do bị tà-kiến. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ sẽ bị tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Khi tâm đã hướng tà
Miệng nói lời tà ngữ
Thân làm những tà nghiệp
Một người [trong kiếp này]—(133)

Thiếu học, ít hiểu biết
Ít làm việc công đức
Ngay trong kiếp ngắn này
Kẻ ngu mờ thiếu trí
Khi thân hoại và chết

Tái sinh xuống địa ngục.” (134)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.71) – Chánh Kiến

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh có thiện hành [hành-vi chánh đúng] về thân, thiện hành về lời-nói, thiện hành về tâm, là những người không bắt bẻ thánh nhân, nắm giữ chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn], làm những nghiệp (thiện lành) nhờ có chánh-kiến. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Đúng vậy, này các Tỳ kheo, ta không nói điều này do nghe được từ những sa-môn hay bà-la-môn. Này các Tỳ kheo, những gì ta đã hoàn-toàn hiểu, hoàn-toàn thấy, trực-tiếp biết, đó là điều ta đang nói.

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh có thiện hành về thân, thiện hành về lời-nói, thiện hành về tâm, là những người không bắt bẻ thánh nhân, nắm giữ chánh-kiến, làm những nghiệp (thiện lành) nhờ có chánh-kiến. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Khi tâm đã hướng chánh
Miệng nói lời chánh ngữ
Thân làm những chánh nghiệp
Một người [trong kiếp này] —(135)

Học nhiều, hiểu biết nhiều
Làm nhiều việc công đức

Ngay trong kiếp ngắn này
Người khôn ngoan có trí
Khi thân hoại và chết
Tái sinh lên cõi trời.” (136)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.72) – Sự Thoát Ly

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba giới thoát-ly. Ba đó là gì? (1) Sự thoát-ly khỏi những dục-lạc được gọi là giới xuất-gia [từ-bỏ]; (2) sự thoát-ly khỏi sắc giới được gọi là vô-sắc giới; (3) mọi thứ đã sinh hữu, đã tạo thành, đã khởi-sinh tùy thuộc (hữu, hành, duyên khởi) thì có sự chấm-dứt là sự thoát-ly của nó. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, có ba giới thoát ly này.” ⁷⁸

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Sau khi đã biết được
Sự thoát-ly khỏi dục
Sự thoát khỏi sắc giới
Luôn tiếp xúc chứng nghiệm
Trạng thái ‘sự lắng lặng
Của tất cả các hành’
Luôn nhiệt thành chuyên chú. (137)

Tỳ kheo đắc chánh-kiến
Nhờ đó được giải-thoát
Được bình-an, viên thành

⁷⁸ [Chữ *nissaranam*: chỗ nương-tựa, nơi trú-ẩn, cũng có nghĩa là sự thoát-khỏi, sự thoát-ly. 03 sự thoát-ly này cũng được nói trong kinh dài DN 34, mục 1.4 (7) (kinh *Dasuttara*) là ‘khó thâm nhập, khó thấu ngộ’ (*duppaṭivijjhā*). - Thi kệ (138) = (103) = (180).] (77)

An trú với siêu trí
Bậc mâu-ni như vậy
Thoát khỏi sự trói-buộc. (138)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.73) – Bình An Hơn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, (trạng thái, tầng thiền định) vô sắc giới là bình an hơn sắc giới, sự diệt (thọ tướng) là bình an hơn vô sắc giới.”⁷⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Những chúng sinh trú ngụ
Trong các cõi sắc giới
Và chúng sinh trú ngụ
Trong các cõi vô sắc
Họ đã không ngộ được
Sự tịch diệt chấm dứt
Nên họ cứ liên tục
Quay lại sự hiện-hữu. (139) ⁸⁰

“Ai liễu ngộ sắc giới
Không trú vô sắc giới
Những ai được giải-thoát

⁷⁹ [Câu này có lẽ trích từ kinh nào đó Phật đang nói về các tầng thiền định sắc giới [Nhất, Nhị, Tam, Tứ thiền] và các tầng chứng định vô sắc giới [Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi tưởng tướng xứ], và trạng thái Diệt thọ tướng (chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức) được cho là cao nhất và bình-an hơn tất cả các tầng sắc giới và vô sắc giới.] (78)

⁸⁰ [(139) = (754) trong *Kinh Tập*, Sn 3:12.] (80)

Trong tịch diệt chấm dứt:

Các vị đó là người

Đã loại bỏ cái chết. (140)

Sau khi đã bằng thân

Tiếp xúc giới bất-tử

Đã hết sạch sanh-y

Sau khi đã chứng ngộ

Sanh-y tận, lậu tận

Phật chánh đẳng chánh giác

Đi truyền dạy trạng thái

Vô ưu và vô nhiễm. (141) ⁸¹

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.74) – Con Cái

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ba loại con này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Hơn cha mẹ, như cha mẹ, tệ hơn cha mẹ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người con là hơn cha cha mẹ? Ở đây, này các Tỳ kheo, cha mẹ của người đó không quy y Phật, không quy y Giáo Pháp, không quy y Tăng Đoàn; họ không kiêng cử sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối, rượu bia và những chất độc hại, họ là những người làm nghiệp xấu ác, thiếu giới-hạnh. Trong khi người con thì quy y Phật, quy y Giáo Pháp, quy y Tăng Đoàn; kiêng cử sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối, rượu bia và những chất độc hại, người đó là người làm nghiệp thiện, có giới-hạnh. Như vậy, này các Tỳ kheo, đó là một người con hơn cha mẹ.

⁸¹ [(140-141) = (98-99) kinh It.51 ở trên.] (81)

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người con là như cha mẹ? Ở đây, này các Tỳ kheo, cha mẹ của người đó đã quy y Phật, quy y Giáo Pháp, quy y Tăng Đoàn; họ kiêng cử sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối, rượu bia và những chất độc hại, họ là những người làm nghiệp thiện, có giới-hạnh. Người con cũng vậy đã quy y Phật, quy y Giáo Pháp, quy y Tăng Đoàn; họ kiêng cử sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối, rượu bia và những chất độc hại, người đó là người làm nghiệp thiện, có giới-hạnh. Như vậy, này các Tỳ kheo, đó là người con như cha mẹ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người con là tệ hơn cha mẹ? Ở đây, này các Tỳ kheo, cha mẹ của người đó đã quy y Phật, quy y Giáo Pháp, quy y Tăng Đoàn; họ kiêng cử sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối, rượu bia và những chất độc hại, họ là những người làm nghiệp thiện, có giới-hạnh. Trong khi người còn không quy y Phật, không quy y Giáo Pháp, không quy y Tăng Đoàn; người đó không kiêng cử sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối, rượu bia và những chất độc hại, người đó là người làm nghiệp xấu ác, thiếu giới-hạnh. Như vậy, này các Tỳ kheo, đó là người con tệ hơn cha mẹ. Này các Tỳ kheo, đây là ba loại con được thấy có trong thế gian.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Con tốt hơn cha mẹ
Hoặc con như cha mẹ
Người trí muốn con vậy;
Con tệ hơn cha mẹ
Người trí không muốn có
Những con cái như vậy
Là ô nhục gia đình. (142)

Những con cái trong đời
Trở thành những cư sĩ
Họ thành tựu đầy đủ
Niềm-tin và giới-hạnh

Rộng lòng biết lắng nghe
Không còn tính keo kiệt
(Người đức hạnh như vậy)
Ở trong các hội chúng
Họ tỏa sáng như trăng
Không bị mây u ám.” (143) ⁸²

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.75) – Như Mây Không Mưa

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

(1) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là người ‘như mây không mưa’? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không phải người bố thí thức ăn thức uống, y vải, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, dầu thoa, chỗ nằm chỗ trú, đèn sáng cho bất cứ sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, người lếch la, người hàng rong lây lất, người ăn xin nào. Này các Tỳ kheo, đó là người ‘như mây không mưa’.

(2) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là người ‘như mây ít mưa’? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người là người bố thí thức ăn thức uống, y vải, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, dầu thoa, chỗ nằm chỗ trú, đèn sáng cho một vài sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, người lếch la, người hàng rong lây lất, người ăn xin; nhưng không bố thí cho nhiều người khác. Này các Tỳ kheo, đó là người ‘như mây ít mưa’.

⁸² [Nội dung bài kinh, dù dễ thấy và phổ thông, gần với tư duy ‘con hơn cha là nhà có phúc’, lại không thấy có trong bất kỳ kinh nào khác của toàn Tạng Kinh. Người dịch thấy chỉ có kinh SN 3:16 (Quyển 1), thi kệ 408, Phật nói với Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) là con gái có thể trở thành tốt hơn con trai, thành người trí-tuệ và đức-hạnh, lúc đó Phật phê phán tư tưởng ‘trọng nam khinh nữ’.

- (Nhân tiện, có lẽ Đức Phật là người đầu tiên của nhân loại đã phê phán tất cả những tư tưởng hủ lậu, bảo thủ, sai trái, hạ liệt, mê tín, độc tôn, độc tài ... mà hơn 20 thế kỷ sau nhân loại mới nhìn ra để phê phán).] (82)

(3) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là người ‘như mây mưa khắp mọi nơi’? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người là người bố thí thức ăn thức uống, y vải, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, chỗ nằm chỗ trú, đèn sáng cho tất cả những sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, người lếch la, người hàng rong lây lất, người ăn xin. Này các Tỳ kheo, đó là người ‘như mây mưa khắp mọi nơi’.

“Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.”⁸³

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Đối với những sa-môn
 Và những bà-la-môn
 Những người nghèo khổ
 Người lang bạt lây lất
 Người ăn xin ăn mày —
 Không bố thí chia sẻ
 Những gì mình thu được:
 Kẻ đó đúng hạ liệt. (144) ⁸⁴

Không bố thí nhiều người
 Chỉ lựa cho vài người
 Người trí gọi người đó:
 Như mây mưa một vùng. (145)

Người nói lời hòa nhã

⁸³ [Nội dung kinh này cũng dễ thấy và phổ thông nhưng không được ghi trong bất cứ kinh nào của toàn Tạng Kinh. Một số kinh nói về những phương diện, cách thức, ý nghĩa và phước quả khác nhau của việc bố-thí và cúng-dường như: AN 5:147-148, AN 6:37, MN 142 ...] (83)

⁸⁴ [Những sa-môn và bà-la-môn là chỉ nhóm những người tâm linh, như các ẩn sĩ, khổ sĩ, gồm cả những Tỳ kheo theo Phật giáo. Còn lại là chỉ những người nghèo khổ, có nhu cầu được bố thí, cứu giúp. Cho dù ai thâm đến mức nào loại người này cũng không bao giờ bố thí hay giúp đỡ: ngay cả trong xã hội thời nay loại người này vẫn đang chiếm đại đa số trong xã hội, ngay cả qua những đợt thiên tai, bão lũ ... chúng ta thấy hầu như hiếm có người giàu và chủ các doanh nghiệp lớn ngay tại các địa phương có sự hào tâm, bố thí, từ thiện cho hàng triệu nạn nhân khổ.] (84)

Luôn có lòng bi-mẫn
Vội tất cả chúng sinh
Vui thích việc bố-thí
Phân phát khắp mọi nơi
Và nói lời khởi xướng:
‘Hãy bố thí, bố thí!’ (146)

Giống như một đám mây
Sau rền vang sấm sét
Trút mưa xuống khắp nơi
Chỗ cao và chỗ trũng
Chảy tràn với nước ngập. (147)

Giống vậy trên đời này
Có loại người giống vậy:
Sau khi đã thu được
Những của cải chân chính
Làm ra bằng nỗ lực:
Vội thức ăn thức uống
Đúng đắn và tôn trọng
Họ đã làm vui lòng
Những người cần cứu giúp
Đến gặp họ để nhờ:
Là những người ăn xin
Người lang bạt lây lất.” (148)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.76) – Mong Điều Phúc Lạc

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, người có trí nên phòng hộ giới-hạnh nếu mong muốn ba điều phúc lạc này. Ba đó là gì? ‘Mong cho lời-khen đến (với mình)’, người có trí phòng hộ giới-hạnh. ‘Mong sự sung-

sướng khởi sinh (cho mình), người có trí phòng hộ giới-hạnh, ‘Mong khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời’, người có trí phòng hộ giới-hạnh. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, người có trí nên phòng hộ giới-hạnh nếu mong muốn ba điều phúc lạc này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Một người trí mong muốn
Ba điều phúc lạc này:
‘Được khen, được giàu có
Và sau khi chết đi
Được tái sinh cõi trời’ —
Nên phòng hộ giới-hạnh. (149)

Nếu không làm điều ác
Nhưng theo kẻ xấu ác
Sẽ bị nghi làm ác
Càng gia tăng tiếng xấu. (150)

Loại người mình làm bạn
Loại người mình giao lưu
Thì mình cũng trở thành
Giống như loại người đó
Gần mực thì phải đen. (151)

Giao lưu với một người
Người đó cũng giao lưu
Và tiếp xúc người khác
Lần lượt tiếp xúc nhau
Giống như một mũi tên
Khi nó đã nhiễm độc
Lây nhiễm cả bó tên
Cũng tương tự như vậy
Người lây nhiễm lẫn nhau;
Vì sợ bị lây nhiễm
Người trí không bao giờ

Làm quen với kẻ xấu. (152)

Ví như có một người
Dùng giỏ cỏ ku-sa
Để đựng con cá thúi
Thì mùi thúi của cá
Cũng lây thúi giỏ lá;
Tương tự với những ai
Giao lưu với kẻ xấu
Như gần mực thì đen. (153)

Ví như có một người
Dùng lá cây làm giỏ
Để đựng hoa lài trắng
Thì mùi thơm hoa lài
Cũng lây thơm giỏ lá;
Tương tự với những ai
Giao lưu với người trí
Như gần đèn thì sáng. (154)

Bởi vậy sau khi biết
Hậu quả cho chính mình
Giống việc dùng giỏ lá:
Người trí không giao lưu
Với kẻ không đức-hạnh
Mà chỉ nên giao lưu
Với người có giới-hạnh;
Những kẻ không đức-hạnh
Dẫn dắt xuống địa ngục
Những người có giới-hạnh
Dẫn dắt lên cõi trời. (155)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy. **

(It.77) – Phải Bị Tan Hoại

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, thân này phải bị tan hoại; thức [có bản chất] rồi cũng phai tàn; tất cả mọi thứ sanh-y đều vô-thường, khổ, và luôn biến đổi.”⁸⁵

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Sau khi người đã-biết
Thân phải bị tan hoại
Thức rồi cũng phai tàn
Sau khi thấy sợ-hãi
Với những thứ sanh-y
Đã vượt qua sinh-tử
Sau khi đã chứng đắc
Sự bình-an tối thượng
Tâm người đã tu thành
Chỉ chờ đến thời mình.” (156) ⁸⁶

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.78) – Áo Đen Đi Với Áo Đen

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

⁸⁵ [Lời kinh này chỉ có trong quyển này. Lời kinh kết hợp 03 thứ ‘thân, thức, sanh-y’ chỉ thấy có duy nhất ở đây; cho dù Phật nói rất nhiều lần nhiều thứ có bản chất là ‘vô-thường, khổ ...’ nhưng trong toàn Kinh Tạng chưa từng thấy chỗ nào kết hợp 03 thứ này.] (85)

⁸⁶ [Về *sanh-y* (sự thu-nạp, thứ thu-nạp) là nhân tạo ra tái-sanh: mời coi lại chú thích ở đầu kinh It.27 ở trên. Câu cuối: *Kālaṃ kaṅkhati bhāvitatto* (người có tâm đã được tu tập xong, chỉ chờ tới thời lúc của mình): đây là câu Phật hay dùng trong các kinh, có nghĩa người có tâm đã được tu thành (A-la-hán), giờ vị ấy chỉ chờ đến lúc chết và chứng Niết-bàn cuối cùng (*Bát Niết-bàn*).] (86)

“Này các Tỳ kheo, tùy theo những tính-khí [yếu-tố] nên chúng sinh đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn [tiểu nhược, hạ liệt, xấu ác] đi chung và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt thiện đi chung và kết hội với người có tính khí tốt thiện.

“Này các Tỳ kheo, trong quá khứ, tùy theo những tính-khí nên chúng sinh đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đi chung và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt thiện đi chung và kết hội với người có tính khí tốt thiện.

“Này các Tỳ kheo, trong tương lai, tùy theo những tính-khí nên chúng sinh đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đi chung và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt thiện đi chung và kết hội với người có tính khí tốt thiện.

“Này các Tỳ kheo, trong hiện tại, tùy theo những tính-khí nên chúng sinh đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đi chung và kết hội với nhau. Những người có tính khí thấp hèn đi chung và kết hội với người có tính khí thấp hèn; những người có tính khí tốt thiện đi chung và kết hội với người có tính khí tốt thiện.”⁸⁷

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

⁸⁷ [Tên bài kinh nguyên là: “Đi Chung Theo Tính Khí” (*Dhātusosaṃsandana*). Kinh này gọi nhớ dãy kinh SN 14:14–29, Bộ Kinh SN (Quyển 2), có nội dung và ý nghĩa tương ứng: “Trong đời, thời xưa và thời nay: ‘Áo đen đi với áo đen, áo trắng đi với áo trắng’, những nhóm người xấu ác ngu dốt tội lỗi thường giao kết và cùng hội với nhau; những nhóm người tốt thiện có trí sợ tội lỗi thì cùng hội với nhau.”

- Kinh SN 14:13 luận giảng **Spk** đã chú giải về dãy kinh này: chữ “yếu-tố” (*dhātu*) lúc này có nghĩa là: *tính-khí, khuynh-hướng, căn-tính, nết-hạnh* (*ajjhāsaya*) của người, do vậy ở đây dịch luôn chữ *tính-khí*. Nguyên văn: *Sattā sattehi saddhim saṃsandanti samenti* (chúng sinh đi [trôi] chung và kết hội [đến] với chúng sinh khác.) (87)

“Tù gặp gỡ tiếp xúc
Nên sinh rừng tham-dục
Nhờ không gặp gỡ ai
Nên rừng bị chặt đứt;
Người leo lướt tấm ván,
Sẽ chìm trong biển sóng. (157)

Cũng vậy người đức-hạnh
Sẽ sống như chết chìm
Nếu người đó giao lưu
Với kẻ hư, lười biếng. (158)

“Do vậy phải nên tránh
Gặp gỡ loại người xấu:
Kẻ lười, không tinh tấn.
Hãy gặp bậc trí hiền:
Những người thiện kiên định
Những thánh nhân ẩn dật
Nhờ đó sự tinh-tấn
Sẽ luôn được phát khởi.” (159) ⁸⁸

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.79) – Sự Sa Sút

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ba phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là học nhân. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) thích làm việc, ưa thích làm việc, chỉ lo cái sướng phát sinh từ công việc; (2)

⁸⁸ [(157-159) = phần thi kệ cuối kinh SN 14:16 (Quyển 2). Tuy lời khác nhau nhưng các kinh trong dãy đều có ý nghĩa chung nhau. *Gặp gỡ* = nhìn, nghe, tiếp xúc; *rừng*: chỉ những ô-nhiễm (lậu hoặc).] (88)

thích thú nói, ưa thích nói, chỉ lo cái sướng phát sinh từ sự nói; (3) thích ngủ, ưa thích ngủ, chỉ lo cái sướng phát sinh từ sự ngủ.

“Này các Tỳ kheo, ba phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là học nhân. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) không thích thú làm việc, không ưa thích làm việc, không vì cái sướng phát sinh từ công việc; (2) không thích thú nói, không ưa thích nói, không vì cái sướng phát sinh từ sự nói; (3) không thích ngủ, không ưa thích ngủ, không vì cái sướng phát sinh từ sự ngủ.”⁸⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Thích làm việc, thích nói
Thích ngủ, tâm bất-an
Một Tỳ kheo như vậy
Không khả năng chạm tới
Sự giác-ngộ tối thượng. (160)

Ít làm việc, ít nói
Ít ngủ, không bất-an
Một Tỳ kheo như vậy
Có khả năng chạm tới
Sự giác-ngộ tối thượng.” (161)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

⁸⁹ [Về chủ-đề [những phẩm chất dẫn tới sự sa-sút] kinh này là tương ứng với các kinh AN 5:89 (90), 6:31, 7:28, 8:79. Cả 03 phẩm chất xấu và tốt lần lượt có trong 05, 06, 07, 08 phẩm chất của các kinh đó.] (89)

CHƯƠNG 4

(It.80) – Những Ý Nghĩ

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba loại ý-nghĩ bất thiện này. Ba đó là gì? Ý-nghĩ kết nối với danh tiếng, ý-nghĩ kết nối với sự ‘lợi-danh-cung kính’, ý-nghĩ kết nối với sự tha thương lo lắng cho những người khác. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba ý-nghĩ bất thiện.”⁹⁰

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai dính líu với sự
‘Không muốn bị coi thường’
Đề cao những lợi lộc
Sự cúng kính, tôn vinh
Thích giao lưu bạn bè:
Thì người đó ở xa
Trạng thái diệt gông-cùm. (162) ⁹¹

Nhưng ai đã từ bỏ
Con cái và gia súc
Và giao lưu bạn bè
(Không dính líu tại gia)
Một Tỳ kheo như vậy
Có khả năng chạm tới
Sự giác-ngộ tối thượng. (163)

⁹⁰ [Ý-nghĩ thứ ba Phật coi là bất thiện (không thiện khéo đối với người tu, người xuất gia) vì nếu cứ lo lắng thương hại những người thân hay người khác, chẳng hạn đang sống khổ cực ở quê ... thì tâm khó được an tịnh và tu tập.

- Kinh này cũng vậy: mặc dù Phật dạy nhiều bộ ‘03 loại ý-nghĩ’ khác nhau (như tham, sân, si; giới, định, tuệ ...) nhưng trong toàn Kinh Tạng chưa từng thấy nói về ‘03 loại ý-nghĩ’ này trong một câu.] (90)

⁹¹ [Diệt gông-cùm là nói tắt: mục-tiêu của sự tu hành đạt tới sự tiêu diệt 10 gông-cùm (kiết sử) trói buộc vào sự hiện-hữu, đó là sự giải-thoát.] (91)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.81) – Danh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh bị chinh phục bởi danh (danh phận, danh dự), với tâm bị chiếm ngự bởi danh, khi thân tan rã, sau khi chết, đã tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh bị chinh phục bởi sự thiếu-danh (thiếu danh phận, thiếu danh dự), với tâm bị chiếm ngự bởi sự thiếu-danh, khi thân tan rã, sau khi chết, đã tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh bị chinh phục bởi danh, sự thiếu-danh hay cả hai, với tâm bị chiếm ngự bởi mấy sự đó, khi thân tan rã, sau khi chết, đã tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.

“Đúng vậy, này các Tỳ kheo, ta không nói điều này do nghe được từ những sa-môn hay bà-la-môn. Này các Tỳ kheo, những gì ta đã hoàn-toàn hiểu, hoàn-toàn thấy, trực-tiếp biết, đó là điều ta đang nói.

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh bị chinh phục bởi danh, với tâm bị chiếm ngự bởi danh, khi thân tan rã, sau khi chết, đã tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh bị chinh phục bởi sự thiếu-danh, với tâm bị chiếm ngự bởi sự thiếu-danh, khi thân

tan rã, sau khi chết, đã tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy chúng sinh bị chinh phục bởi danh, sự thiếu-danh hay cả hai, với tâm bị chiếm ngự bởi mấy sự đó, khi thân tan rã, sau khi chết, đã tái sinh trong cảnh giới thống khổ, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi đọa, thậm chí trong địa ngục.”⁹²

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Dù có được vinh danh
Hay không được vinh danh
Hay bởi vì cả hai:
Nhưng với sự định-tâm
Vẫn không hề lay động
Như vậy là người đó
An trú trong chuyên-chú. (164)

Người thiền định chuyên cần
Với trí tuệ minh sát
Thấy-biết sự vi tế
Ưu thích sự chấm dứt
Tất cả sự chấp-thủ⁹³

⁹² [Về thuật ngữ ‘lợi, danh, cung kính’ (*lābha-sakkāra-siloka*): mời coi lại chú thích ở kinh It.35 ở trên. Tên kinh này là chữ *Sakkāra* (danh, danh phận, danh dự, chức danh có được những thứ lợi lộc, đáng cúng). Ý nghĩa lời kinh: những người còn ham danh phận, vì danh phận (muốn có danh dự, chức danh, vinh dự này nọ), và do tâm bị chi phối bởi danh hay vì bị thiếu-danh, thì chẳng những khó tu thành giải-thoát mà sau khi chết bị tái sinh trong cõi đọa hay địa ngục. Như lời Phật: “Sự ‘lợi, danh, cung kính’ là chết chóc, đắng cay và nghiệt ngã”, người tu nào dính vô là coi như lụn bại. (Tuy nhiên, thời sau này ít thấy ai là chân tu không dính vô chúng!)] (92)

⁹³ [Theo Phật giáo, sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận) chính là sự giải-thoát, Niết-bàn. Tuy nhiên sự tiêu diệt một trong ô-nhiễm đó cũng đồng nghĩa như vậy: như tiêu diệt sự chấp-thủ, những gông-cùm, dục-vọng ... Ví dụ: trong 12 nhân-duyên, tiêu diệt một yếu-tố (mắc-xích) thì các yếu-tố còn lại cũng không còn; như tiêu diệt sự chấp-thủ (thủ diệt) thì sự hữu-sanh cũng diệt (hữu diệt), sự sinh-già-chết cũng diệt. Tất cả đều hữu cơ và tương tức. Trong nhiều kinh Phật đã nói tiêu diệt chấp-

Vị đó đáng được gọi
Bậc chân tu chân nhân.” (165)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.82) – Lời Của Thiên Thần

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba lời của thiên thần đôi lúc vang lên giữa những thiên thần vào những lúc hữu duyên. Ba đó là gì? Khi có một thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, quyết định từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành—lúc đó lời của thiên thần vang lên giữa những thiên thần: “Vị thánh đệ tử này quyết định chiến đấu với Ma Vương.” Này các Tỳ kheo, đây là lời thứ nhất của thiên thần cất lên giữa những thiên thần vào lúc hữu duyên.

“Lại nữa, này các Tỳ kheo, khi vị thánh đệ tử quyết định tu tập ‘bảy chi trợ giúp giác-ngộ’ (thất giác chi)—lúc đó lời của thiên thần vang lên giữa những thiên thần: “Vị thánh đệ tử này đang chiến đấu với Ma Vương.” Này các Tỳ kheo, đây là lời thứ hai của thiên thần cất lên giữa những thiên thần vào lúc hữu duyên.

“Lại nữa, này các Tỳ kheo, khi vị thánh đệ tử: sau khi đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, vị đó an trú trong đó—lúc đó lời của thiên thần vang lên giữa những thiên thần: “Vị thánh đệ tử là người đã chiến thắng trong chiến trận, sau khi đã chinh phục mọi chiến tuyến, vị đó an trú trong (chiến thắng) đó.” Này các Tỳ kheo, đây là lời thứ ba của thiên thần cất lên giữa những thiên thần vào lúc hữu duyên.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Khi nhìn thấy vị đó
Đệ tử bậc Chánh Giác
Chiến thắng trong trận chiến
Ngay cả những thiên thần
Cũng cúi đầu kính lễ
Bậc vĩ nhân như vậy
Bậc không còn sợ-hãi: (166)

‘Chúng con kính lễ ngài
Bậc thuần chủng xuất sắc
Ngài đã chiến thắng được
Trận chiến vốn khó thắng
Sau khi đã chinh phục
Đạo quân của Thần Chết
Dẹp sạch mọi chướng ngại
Thông qua sự giải-thoát.’ (167)

Vậy đó những thiên thần
Đã đánh lễ vị đó
Là bậc đã đạt đến
Mục-tiêu của cái tâm
Họ không còn nhìn thấy
Ở bên trong vị đó
Còn bất cứ (nhân) gì
Khiến vị đó còn dính
Trong tay của Thần Chết.”(168)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.83) – Năm Dấu Hiệu Báo Trước

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, khi một thiên thần sắp qua đời ở cõi trời, có năm dấu hiệu báo trước xuất hiện: các vòng hoa héo đi, quần áo hen ố, mồ hôi ra từ nách, thân sắc xấu đi, thiên thần đó không thích thú chỗ ngồi (cõi thiên) của mình. Này các Tỳ kheo, sau khi những thiên thần biết ‘Thiên tử này ắt phải qua đời’, họ đã chúc phúc cho thiên thần đó với ba câu như vầy: “Này tiên, từ đây mong tiên đến cõi lành! Sau khi đến cõi lành hãy nhận những lợi ích khéo nhận được! Sau khi nhận được những lợi ích khéo nhận được, hãy khéo được thiết lập trong đó!”

Sau khi điều này được nói ra, một số Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì được gọi là ‘đến cõi lành’ đối với vị tiên đó; cái gì được gọi là ‘những lợi ích khéo nhận được’ đối với vị tiên đó; và cái gì được gọi là ‘khéo được thiết lập trong đó’ đối với vị tiên đó?

“Này các Tỳ kheo, ‘đến cõi lành’ đối với vị tiên đó là: trở thành người; ‘những lợi ích khéo nhận được’ đối với vị tiên đó là: sau khi trở thành người, vị đó đạt được sự tự-tin vào Giáo Pháp và Giới Luật được thuyết giảng bởi Như Lai; và ‘khéo được thiết lập trong đó’ đối với vị tiên đó là: niềm-tin của vị đó được cắm sâu, có gốc rễ sâu, được thiết lập vững chắc, không thể bị phá hại bởi sa-môn hay bà-la-môn nào, bởi những thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, điều này được các thiên thần coi là một nền tảng vững chắc.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Khi có một thiên thần
Qua đời ở cõi trời
Lúc tuổi thọ đã hết
Những thiên thần cất lên
Ba câu lời chúc phúc: (169)

(i) Này tiên, mong từ đây

Đến được cõi phúc lành
Cộng trú với loài người;
(ii) Sau khi trở thành người
Đạt niềm-tin tối thượng
Trong Giáo Pháp chân thực. (170)

(iii) Niềm-tin này của tiên
Bắt rễ sâu, cắm sâu
Được thiết lập vững chắc
Không lay chuyển cả đời
Trong Giáo Pháp chân thực
Đã khéo được tuyên thuyết. (171)

Đã làm những thiện-hành
Bằng thân, tâm, lời-nói
Và tất cả điều khác
Không bị dính tâm sân. (172)

Sau khi đã làm nhiều
Thiện-hành thân, lời-nói
Và cả thiện-hành tâm
Vô lượng, hết sanh-y. (173) ⁹⁴

Sau khi tạo công-đức
Loại còn dính sanh-y
(Tái sanh nơi tốt lành),
Đã bố thí rộng rãi,
Và cũng giúp thiết lập
Những người phạm phu khác
Trong Giáo Pháp thiện lành
Trong đời sống tâm linh. (174) ⁹⁵

⁹⁴ [Vô-lượng ở đây chỉ sự tu tập tâm vô-lượng như tâm-từ, bi, hỷ, xả.] (94)

⁹⁵ [Nghĩa là: *Phước* (hữu lậu) còn dính *sanh-y* là cơ sở tái sinh một nơi *tốt lành* khác. Và *cũng giúp thiết lập những người phạm khác*: là khuyên bảo, khởi xướng, khích lệ, chỉ dẫn hay chỉ dạy Giáo Pháp cho họ sống đời sống tâm linh (phạm hạnh) tại gia hay xuất gia; vì lợi ích của mình và người; ‘giác ngộ giác tha’.] (95)

Với lòng bi-mẫn này
Khi những thiên thần biết
Vị tiên đang qua đời
Họ cất lời chúc phúc:
“Này tiên hãy quay lại
Quay lại đây nhiều lần!”⁹⁶ (175)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.84) – Vì Ích Lợi Của Số Đông

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba người khởi sinh trong thế giới vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt-lành, vì ích-lợi, và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai khởi sinh trong thế gian là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thành tựu đủ chân-trí và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), bậc phúc lành (thiện thế, khéo đi), bậc hiểu-biết thế giới (thế gian giải), bậc dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), Vị Thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), Phật, bậc Thế Tôn. Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Này các Tỳ kheo, đây là người *thứ nhất* khởi sinh trong thế gian vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt-lành, vì ích-lợi, và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người.

⁹⁶ [Nghĩa là sau khi qua đời và tái sinh, hãy làm theo ba câu chúc phúc đó thì có cơ hội tái sinh lại cõi tiên trời. Vì vậy họ nói “*Hãy quay lại đây nhiều lần!*”.] (96)

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, đệ tử của Vị Thầy là một A-la-hán, đã tiêu diệt ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh (phạm hạnh), đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã diệt sạch các gông-cùm hiện-hữu (hữu kiết sử), đã giải-thoát toàn thiện nhờ sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ). Vị đó chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; cũng cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Này các Tỳ kheo, đây là người *thứ hai* khởi sinh trong thế gian vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt-lành, vì ích-lợi, và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người.

(3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, đệ tử của Vị Thầy đó là một học-nhân, người đang trên con đường, đã học-hiểu nhiều, đầy đủ giới-hạnh. Vị đó cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; cũng cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Này các Tỳ kheo, đây là người *thứ ba* khởi sinh trong thế gian vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt-lành, vì ích-lợi, và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Vị Thầy trong thế gian
 Đại ẩn sĩ thứ nhất
 Tiếp nối theo Vị Thầy
 Là những vị đệ tử
 Với tâm đã tu tập;
 Kế nữa những học-nhân
 Đang trên đường tu tập
 Họ đã học-hiểu nhiều
 Và có đủ giới-hạnh. (176)

Giữa chư thiên và người

Ba người này bậc nhất
Những người mang ánh sáng
Họ tuyên thuyết Giáo Pháp
Họ mở ra cánh cửa
Dẫn tới sự Bất-Tử
Họ giải thoát con người
Khỏi mọi sự trói-buộc. (177)

Những ai theo chánh-đạo
Bậc dẫn đoàn tối thượng
Đã giảng dạy hay khéo
Thì tại đây kiếp này
Họ có thể diệt-khổ
Họ chuyên-chú tu tập
Giáo Pháp bậc Thiện Thệ.” (178)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.85) – Quán Niệm Sự Bất Tịnh [Trong Thân]

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy sống quán niệm ‘sự bất-tịnh trong thân’. Hãy có ‘sự chánh-niệm vào hơi-thở ra-vô’ được thiết lập, hướng nội, ở trước mặt; hãy sống quán niệm ‘sự vô-thường trong tất cả các hành [sự tạo-tác]’.⁹⁷

⁹⁷ [Quán niệm sự bất-tịnh [ô-uế, không sạch, không đẹp, không hấp dẫn] của thân: đây một là phương pháp thiền quán về thân để trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân mình và thân người khác.

- “Sự chánh-niệm hơi-thở” là phương pháp thiền mà Đức Phật luôn đề cao mọi người phải nên tu tập. Lời dạy đầy đủ chi tiết nhất được nói trong kinh *Các Nền-Tảng Chánh Niệm* (Niệm Xứ, MN 10, DN 22) và kinh *Chánh-Niệm Hơi-Thở* (MN 118); cũng có nói trong kinh *Chỉ Giáo Rahula* (MN 62, mục 25-30), kinh *Sự Chánh-Niệm Hướng Vào Thân* (MN 119, mục 4).

“Ai sống quán niệm ‘sự bất-tịnh trong thân’ thì có thể loại bỏ ‘khuynh-hướng tiềm ẩn khởi tham’ đối với yếu tố tịnh [sạch, đẹp, hấp dẫn]’. (Quán thân bất tịnh giúp loại bỏ tùy-miên tham-dục).⁹⁸ Thông qua sự ‘chánh-niệm vào hơi-thở ra-vô’ được thiết lập, hướng nội, ở trước mặt, thì những ý-nghĩ hướng ngoại (tứ) dính phiền não sẽ không khởi sinh. Ai sống quán niệm ‘sự vô-thường trong tất cả các hành’ thì vô-minh được loại bỏ và minh (chân trí) khởi sinh.”⁹⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Quán bất-tịnh trong thân
Với chánh-niệm hơi-thở
Nhìn thấy sự lặn-mất
Của tất cả các hành
Luôn nhiệt thành tu tập (179)

- *Hướng nội*: hướng vào trong, bên trong (*ajjhattam*): nghĩa là hướng sự chú-tâm của người thiền vào bên trong, không hướng ra bên ngoài (*bahiddhā*).

- *Ở trước mặt* (*parimukham*): hàm nghĩa sự chánh-niệm (*sati*) của người thiền *luôn có mặt và quan sát* (*sāṇṇaṇṇa*); trước mặt về kỹ thuật có nghĩa ở trên mặt, chỗ tiếp xúc hơi-thở ra-vô như chóp mũi hay giữa hai lỗ mũi. Trong các kinh chính Phật nói “*thiết lập sự chánh-niệm trước mặt*”: hàm nghĩa là *luôn có mặt và sẵn sàng để quán sát*.

- Người tu đạo Phật, đặc biệt các tu sĩ Nam Tông, cần học kỹ nghĩa từng câu hướng dẫn trong các kinh MN 10 và MN 118 nói trên. Đây là phương pháp thiền chính của đạo Phật ở các nước theo Phật giáo nguyên thủy.] 97)

⁹⁸ [*Thiền quán về sự bất-tịnh của thân* [gồm 32 bộ phận ô-uế] giúp người tu loại bỏ tư duy thân là ‘sạch, đẹp, hấp dẫn’, nhờ đó loại bỏ gốc tham [tùy-miên tham] và nhục-dục đối với thân mình và thân người, từ đó dẫn tới sự ghê-sợ và chán-bỏ (*nibbidā*) đối với thân thể, đưa đến trí-tuệ giác-ngộ và giải-thoát.

- Danh từ “*khuynh-hướng tiềm ẩn*” (tùy miên) nôm na là bản chất, tính khí, tập khí, gen nằm ngủ bên dưới tâm thức, hễ gặp duyên là nó phát sinh. Ví dụ người có tùy-miên sân nặng lâu đời, cho dù đã tu tâm dưỡng tính thành hiền thiện, nhưng gốc sân từ dưới tâm thức vẫn có thể bộc phát trong những điều-kiện (duyên) nào đó. Một cách khác nói về mục-tiêu của đạo Phật: là bứng sạch tẩy sạch lớp tùy-miên này mới thực sự loại bỏ lậu hoặc, sanh y.] (98)

⁹⁹ [Lời kinh này chỉ có trong quyển này. Cho dù mỗi pháp tu ở đây đều có nói trong các kinh khác, nhưng lời kinh kết hợp mấy pháp tu này như vậy thì không thấy có chỗ nào trong toàn Kinh Tạng.] (99)

Tỳ kheo đắc chánh-kiến
Nhờ đó được giải-thoát
Được bình-an, viên thành
An trú với siêu trí
Bậc mâu-ni như vậy
Thoát khỏi sự trôi-buộc.” (180) ¹⁰⁰

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.86) – Thực Hành Giáo Pháp Đúng Theo Giáo Pháp

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Ta sẽ giải thích: một Tỳ kheo thực hành Giáo Pháp đúng theo Giáo Pháp nghĩa là khi nói, người đó chỉ nói Giáo Pháp, không nói điều phi Giáo Pháp; khi nghĩ người đó chỉ nghĩ những ý-nghĩ về Giáo Pháp, không nghĩ những ý-nghĩ phi Giáo Pháp, hoặc tránh bỏ được cả hai điều. Một Tỳ kheo thực hành Giáo Pháp đúng theo Giáo Pháp thì người đó an trú buông-xả, có chánh-niệm và tỉnh-giác.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Tỳ kheo thích Giáo Pháp
Hoan hỷ với Giáo Pháp
Suy ngẫm về Giáo Pháp
Và quán tưởng Giáo Pháp
Thì không bị sa-sút
Khỏi Giáo Pháp Chân Thực. (181) ¹⁰¹

“Đang đi hay đang đứng
Đang nằm hay đang ngồi

¹⁰⁰ [(180) = (103) = (138). Cõi chú thích ở (103).] (100)

¹⁰¹ [(181) = (364) quyển *Pháp Cú* = (1035) quyển *Trường Lão Kệ*.] (101)

Luôn giữ cho tâm mình
Hướng nội, được tĩnh lặng
Vị ấy đạt bình-an.” (182)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.87) – Làm Mù Mắt

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ba ý-nghĩ bất thiện này: chúng làm mù mắt, không tạo ra sự-thấy, không tạo ra sự-biết, cản trở trí-tuệ, chỉ gây phiền khổ, không dẫn tới Niết-bàn. Ba đó là gì? Này các Tỳ kheo, ý-nghĩ tham-dục (tham) làm mù mắt, không tạo ra sự-thấy, không tạo ra sự-biết, cản trở trí-tuệ, chỉ gây phiền khổ, không dẫn tới Niết-bàn. Này các Tỳ kheo, ý-nghĩ ác-ý (sân) làm mù mắt, không tạo ra sự-thấy, không tạo ra sự-biết, cản trở trí-tuệ, chỉ gây phiền khổ, không dẫn tới Niết-bàn. Này các Tỳ kheo, ý-nghĩ gây-hại (hại) làm mù mắt, không tạo ra sự-thấy, không tạo ra sự-biết, cản trở trí-tuệ, chỉ gây phiền khổ, không dẫn tới Niết-bàn. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, ba ý-nghĩ bất thiện này: chúng làm mù mắt, không tạo ra sự-thấy, không tạo ra sự-biết, cản trở trí-tuệ, chỉ gây phiền khổ, không dẫn tới Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, ba ý-nghĩ thiện lành này: chúng không làm mù mắt, tạo ra sự-thấy, tạo ra sự-biết, giúp tăng trí-tuệ, không gây phiền khổ, dẫn tới Niết-bàn. Ba đó là gì? Này các Tỳ kheo, ý-nghĩ từ-bỏ (vô tham) không làm mù mắt, tạo ra sự-thấy, tạo ra sự-biết, giúp tăng trí-tuệ, không gây phiền khổ, dẫn tới Niết-bàn. Này các Tỳ kheo, ý-nghĩ không ác-ý (vô sân) không làm mù mắt, tạo ra sự-thấy, tạo ra sự-biết, giúp tăng trí-tuệ, không gây phiền khổ, dẫn tới Niết-bàn. Này các Tỳ kheo, ý-nghĩ không gây-hại (vô hại) không làm mù mắt, tạo ra sự-thấy, tạo ra sự-biết, giúp tăng trí-tuệ, không gây phiền khổ, dẫn tới Niết-bàn. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, ba ý-

ngĩ thiện lành này: chúng không làm mù mắt, tạo ra sự-thấy, tạo ra sự-biết, giúp tăng trí-tuệ, không gây phiền khổ, dẫn tới Niết-bàn.”¹⁰²

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người tu nên tâm niệm
Ba ý-ngĩ thiện lành
Và nên loại bỏ hết
Ba ý-ngĩ bất thiện;
Người đó làm lắng-lặn
Ba ý-ngĩ bất thiện
Mỗi khi chúng khởi sinh
Giống như mưa đổ xuống
Cuốn sạch những bụi bẩn;
Nhờ làm chúng lặn-mất
Nên tâm được tĩnh-lặng
Tại đây trong kiếp này
Chúng trạng thái bình-an.” (183)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.88) – Ồ Nhiễm Bên Trong

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ba điều này là ố-nhiễm bên trong, kẻ thù, đối địch, sát thủ, đối nghịch bên trong. Ba đó là gì? Này các Tỳ kheo, tham là là ố-nhiễm bên trong, kẻ thù, đối địch, sát thủ, đối nghịch bên trong. Này các Tỳ kheo, sân là ố-nhiễm bên trong, kẻ thù, đối địch, sát thủ, đối nghịch bên trong. Này các Tỳ kheo, si là ố-nhiễm

¹⁰² [03 phẩm chất xấu và tốt này được Phật nói nhiều lần trong các kinh khác. Nhưng cách diễn đạt như lời kinh ở đây chỉ có trong quyển này.] (102)

bên trong, kẻ thù, đối địch, sát thủ, đối nghịch bên trong. Đúng vậy, này các Tỷ kheo, ba điều này là ố-nhiễm bên trong, kẻ thù, đối địch, sát thủ, đối nghịch bên trong.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Tham đưa đến tai họa
Tham làm tâm hỗn loạn
Sinh sợ-hãi bên trong:
Lẽ thật này người phàm
Không nhận thức hiểu được. (184)

Do tham nên không biết
Điều gì là ích lợi
Người tham không nhìn thấy
Điều gì là Giáo Pháp
Tham chi phối người đó
Nên u tối si mê. (185)

Nếu người đó bỏ tham
Không tham lam ham muốn
Cả những thứ đáng muốn
Thì tham sạch khỏi người
Giống như một giọt nước
Tuột khỏi trên lá sen. (186)

“Sân đưa đến tai họa
Tham làm tâm hỗn loạn
Sinh sợ-hãi bên trong:
Lẽ thật này người phàm
Không nhận thức hiểu được. (187)

Do sân nên không biết
Điều gì là ích lợi
Người sân không nhìn thấy
Điều gì là Giáo Pháp
Sân chi phối người đó

Nên u tối si mê. (188)

Nếu người đó bỏ sân
Không sân giận thù ghét
Cả những thứ đáng sân
Thì sân sạch khỏi người
Giống như một giọt nước
Tuột khỏi trên lá sen. (189)

“Si đưa đến tai họa
Si làm tâm hỗn loạn
Sinh sợ-hãi bên trong:
Lẽ thật này người phàm
Không nhận thức hiểu được. (190)

Do si nên không biết
Điều gì là ích lợi
Người si không nhìn thấy
Điều gì là Giáo Pháp
Si chi phối người đó
Nên u tối si mê. (191)

Nếu người đó bỏ si
Không u mê ngu mờ
Cả điều đáng si mê
Thì si được xua tan
Như mặt trời mọc lên
Xua tan đêm u tối.” (189)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.89) – Đề-Bà-Đạt-Đa

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, vì Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) bị chi phối và ám muội bởi ‘ba điều-kiện xấu’, nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu ra. Ba đó là gì? (1) Này các Tỳ kheo, Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi ‘mong-muốn xấu ác’ (ác dục), nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu ra. (2) Này các Tỳ kheo, Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi ‘đạo-hữu xấu ác’, nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu ra. (3) Trong khi còn những việc cần phải làm [tu], ông ta dừng lại giữa-chừng khi chưa chứng đắc điều khác-biệt nào đáng kể hơn nhỏ nhoi. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, vì Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi ‘ba điều-kiện xấu’, nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu ra.”¹⁰³

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Bất cứ ai trên đời
 Dừng bao giờ, mọi lúc,
 Để tâm mình khởi sinh
 Những mong-muốn xấu ác
 Cũng vì lý do này
 Cần hiểu rõ nơi-đến
 Của những người ác-dục. (193)

Được mọi người đề cao
 Như một người có trí

¹⁰³ [Lời kinh này giống ở kinh AN 8:07 (nói về 08 điều-kiện xấu): 02 điều đầu ở đây giống điều 7 và 8 trong kinh AN, và điều thứ ba Phật cũng hay dùng để mô tả một Tỳ kheo chưa tu đến đâu, “chưa chứng đắc điều khác-biệt đáng kể nào”, mà ý lại, ngừng tu, bỏ tu, và thậm chí sa đọa như thầy Đề-bà-đạt-đa đã lập bè phái, gây chia rẽ trong Tăng Đoàn và mưu sát Đức Phật.]

- Nhân tiện, Đề-bà-đạt-đa là em con chú ruột của Phật và là anh ruột của công chúa Yasodharā (Da-du-đà-la) là vợ thái tử Tất-đạt-đa trước khi xuất gia.] (103)

Được tôn vinh là người
Đã tu tập bản thân
Ông tỏa sáng vinh danh
Quả thực được nổi danh
Là Đề-bà-đạt-đa. (194)

Theo đuổi địa vị mình
Đã mưu sát Như Lai
Do vậy đã rớt vào
Cõi A-Tỳ địa ngục
Bốn cửa, đầy khủng khiếp. (195)

Ai hại người vô-hại
Người không làm gì sai
Thì ác quả ác báo
Dội lại kẻ ác-tâm
Như bụi quăng gió ngược
Tạt lại kẻ đã quăng. (196)

Nếu ai nghĩ có thể
Làm ô nhiễm đại dương
Bằng một xô chất độc
Thì đâu thể làm được:
Vì đại dương quá lớn
Quá bao la uy lực. (197)

Cũng tương tự như vậy
Nếu ai nghĩ dùng lời
Để làm hại Như Lai
Thì những lời xấu đó
Không hề hấn Như Lai:
Bậc chánh đạo bước đi
Với tâm đã bình-an. (198)

Vì vậy nên kết bạn
Với một bậc chân chính
Người trí nên giao lưu
Với những bậc như vậy

Theo con-đường của họ
Một Tỳ kheo có thể
Đạt tới sự diệt khổ.” (199)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

CHƯƠNG 5

(It.90) – Sự Tự Tin Bậc Nhất

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁰⁴

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự tự-tin bậc nhất (ba đối-tượng bậc nhất của niềm-tin). Ba đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân (sắc hay phi sắc), có nhận-thức (tưởng) hoặc không có nhận-thức (phi tưởng), cho tới loại không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có sự tự-tin (niềm tin) vào Đức Phật là có sự tự-tin vào chỗ bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(2) “Này các Tỳ kheo, những pháp hữu-vi hay vô-vi có cao siêu tới mức nào, ¹⁰⁵ sự chán-bỏ [ly tham] được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi sự, đó là, sự nghiền nát sự tự-cao, sự loại bỏ sự thèm-khát, sự bùng nổ sự dính-mắc, sự kết thúc vòng luân-hồi, sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Những ai có sự tự-tin vào Giáo Pháp, vào sự chán-bỏ, là có sự tự-tin vào chỗ bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

¹⁰⁴ [Kinh này là kinh song hành gồm có 03 phần như trích từ kinh AN 4:34 có 04 phần (thêm phần *Bát Chánh Đạo*); và kinh song hành AN 5:32 thì có 05 phần (thêm phần *giới-hạnh* nữa). Nội dung phần thi kệ thì cả 03 kinh giống nhau.] (104)

¹⁰⁵ [Nguyên văn: *Yāvatā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā*. Lưu ý: trong toàn Kinh Tạng, *trạng thái [pháp, dharma]* duy nhất được gọi là vô-vi [không còn điều-kiện] chính là *Niết-bàn*. Còn tất cả những trạng thái [*các pháp*] khác đều là hữu-vi [có điều-kiện]. Riêng trạng thái vô-vi là tốt nhất so với tất cả trạng thái hữu-vi. Cho nên điều (2) ở kinh song hành AN 4:34 và 5:32 đã ghi: *pháp hữu-vi bậc nhất là Bát Thánh Đạo*, nghĩa là vì nó dẫn tới trạng thái vô-vi là mục-tiêu của nó.] (105)

(3) “Này các Tỳ kheo, dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn những đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả số đó; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn của Như Lai là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Những ai có sự tự-tin vào Tăng Đoàn là có sự tự-tin vào chỗ bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.”

“Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba sự tự-tin bậc nhất.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

Với những ai có được
 Sự tự-tin bậc nhất
 Hiểu Giáo Pháp tối thượng
 Với những ai có được
 Sự tự-tin bậc nhất
 Vào những vị Phật Đà
 Là những bậc vô thượng
 Những bậc đáng cúng dường. (200)

Ai có sự tự-tin
 Vào Giáo Pháp tối thượng
 Sự chán-bỏ [ly tham]
 Sự tĩnh-lặng, chân-phúc
 Ai có sự tự-tin
 Vào Tăng Đoàn tối thượng
 Là phước điền vô thượng. (201)

Với ai biết cúng dường
 Cho những chỗ bậc nhất
 Thì phước đức bậc nhất
 Tuổi thọ và sắc đẹp
 Danh tiếng và vinh quang
 Sẽ luôn được gia tăng. (202)

Người thông minh cúng dường
 Cho những chỗ bậc nhất
 Người đó được an-định
 Trong Giáo Pháp tối thượng
 Dù thành tiên hay người
 Sau khi đã đạt được
 (Những phước đức) bậc nhất
 Họ hân hoan vui sống.” (203)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.91) – Sự Mưu Sinh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

(i) “Này các Tỳ kheo, đây là hình thức kiếm sống hèn hạ nhất, đó là đi xin ăn. Trong thế gian đây là một chữ mang tính sỉ nhục: ‘Đồ ăn mày; đồ vật vương lang thang tay cầm bát ăn xin!’¹⁰⁶ Nhưng mà, này các Tỳ kheo, những người họ tộc quyết định chọn cách sống đó là có lý do chính đáng. Họ chọn (cách sống khổ thực) như vậy không phải do vua chúa bắt ép, không phải do phường trộm cướp bắt ép, cũng không phải do bị nợ nần, không phải do sợ hãi nên phải làm, cũng không phải làm vậy như một nghề kiếm sống. Nhưng họ làm vậy với ý nghĩ: ‘Mình đang chìm đắm trong sự ‘sinh-già-chết’; trong sự ‘buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng’ (sầu, bi, khổ, ưu, não). Mình đang chìm đắm trong

¹⁰⁶ (Giống câu chửi “Đồ ăn mày” khi chửi nhục khinh khi người khác).

- Kinh này là một phần (i) và (ii) của kinh SN 22:80 (Quyển 3). Chỗ này luận giảng **Spk** có chú giải như vậy: [“Bởi vì ngày xưa khi người ta nổi giận chửi người khác dơ tẻ thì họ thường nói câu: ‘Ông nên mặc cà-sa, rồi tự đi kiếm cái bát để xin ăn!’ Học giả Kapāla bổ sung thêm: chữ “bát xin ăn” ở đây không phải chữ thông thường chỉ riêng bình bát của một khổ sĩ [= *patta*], nó cũng chỉ các loại bát ăn xin được dùng bởi những tu sĩ khổ sĩ ngoài đạo Phật [đôi khi nó được làm từ đầu lâu]; cách nói này thể hiện sự khinh thường miệt thị.] (106)

sự khổ, đang bị áp bức bởi sự khổ. Nguyên có ngày chấm-dứt toàn bộ đồng khổ này!’.

(ii) “Này các Tỳ kheo, theo cách này một người con họ tộc đã xuất gia tu hành. Nhưng, này các Tỳ kheo, đến giờ người đó vẫn còn thèm-khát (ái), còn nhiều tham-muốn dục-lạc (tham), với cái tâm đầy ác-ý (sân), nhiều ý-định (tư duy) suy đồi, với cái tâm mờ-rối (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), tâm không đạt-định (thất định), tâm trí phân-tán, các căn loi-lỏng (không phòng hộ sáu căn). Này các Tỳ kheo, giống như một khúc gỗ từ giàn thiêu xác đã bị cháy hai đầu và dính phân dơ ở giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc trong làng hay trong rừng; tương tự vậy, ta nói về loại người này là: người đó đã bỏ mất những lạc thú của đời sống tại gia nhưng cũng chẳng tu thành mục-tiêu của đời tu sĩ. (tức: uống một đời tu!)¹⁰⁷

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Sau khi đã bỏ mất
 Những lạc thú tại gia
 Để rồi cũng thất bại
 Cả mục tiêu đời tu
 Người đó đã phung phí
 (Những tiềm năng của mình)
 Như khúc gỗ giàn thiêu
 Đã trở thành hư hoại. (204)

Nhiều người mặc cà sa
 Không chế ngự giữ giới
 Làm những điều xấu ác
 Nên tái sinh địa ngục
 Vì những nghiệp xấu ác. (205)¹⁰⁸

¹⁰⁷ [Đoạn mẫu này Phật hay dùng để tả những người tu tà, sai lạc, sa sút, lụn bại. Như kinh kể dưới cũng lặp lại đoạn này; kinh SN 2:25 (Quyển 1) cũng có.] (107)

¹⁰⁸ [(205) = (93) = Pháp Cú (307); (206) = (94) = Pháp Cú (308) = cũng có trong Luật

Người tu mà thất đức
 Không chế ngự giữ giới:
 Thì thà nuốt hòn sắt
 Đỏ rực như lửa ngọn
 Còn hơn ăn thức ăn
 Mà xứ sở cúng dường. (206)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.92) – Góc Y Cà Sa

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, cho dù một Tỳ kheo có nắm lấy góc y cà-sa của ta¹⁰⁹ theo sát ta từng bước, nhưng người đó vẫn còn thèm-khát (ái), còn nhiều tham-muốn dục-lạc (tham), với cái tâm đầy ác-ý (sân), nhiều ý-định (tư duy) suy đồi, với cái tâm mờ-rối (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), tâm không đạt-định (thất định), tâm trí phân-tán, các căn loi-lông (không phòng hộ sáu căn)—thì người đó vẫn ở xa ta và ta ở xa người đó. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì người đó không nhìn thấy Giáo Pháp. Không nhìn thấy Giáo Pháp tức không nhìn thấy ta.

“Này các Tỳ-kheo, cho dù một Tỳ kheo trú ngụ cách xa ta hàng trăm do-tuần¹¹⁰ nhưng người đó không thèm-khát (vô ái), không tham-muốn dục-lạc (vô tham), với cái tâm không ác-ý (vô sân), có sự chánh-niệm, rõ-biết (tỉnh giác), tâm đạt-định, tâm hợp-nhất, các căn được chế-ngự (phòng hộ sáu căn)—thì người đó vẫn ở gần ta

Tạng.] (108)

¹⁰⁹ [*Saṅghātikaṇṇhe cepi*: góc, vạt cuối, góc cạnh của cà-sa (y ngoài, tăng-già-lê). Ý nghĩa cho dù Tỳ kheo hay Phật tử có nắm đuôi áo Phật đi theo sát Phật nhưng trong tâm còn đầy tham, sân, si, vân vân, tức không chịu tu tập, thì cũng không ích gì.] (109)

¹¹⁰ [*Yojana*: do-tuần, dặm Ấn. Một do-tuần tùy theo thời kỳ có nghĩa bằng cỡ 14.6 hay 16 km, hoặc theo Phật giáo cỡ 7.3 km.] (110)

và ta ở gần người đó. Vì lý do gì? Đây các Tỷ kheo, vì người đó nhìn thấy Giáo Pháp. Nhìn thấy Giáo Pháp tức nhìn thấy ta.”¹¹¹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Cho dù đi theo sát
Nhưng còn nhiều thèm-khát
Nhiều phiền toái ô trược
Kẻ theo còn ái-dục
Đi theo bậc ái-tận
Kẻ theo chưa nguội-tắt
Theo bậc đã tịch-tịnh. (207)

Nhưng ai biết Giáo Pháp
Và tự thân chứng nghiệm
Người trí ngộ Giáo Pháp
Như mặt hồ lặng gió
Vị ấy không dao-động ¹¹²
Đã hoàn toàn tĩnh-lặng
Vị ấy thật ở gần. (208)

Vị ấy hết dao-động
Theo bậc không dao-động
Vị ấy đã nguội tắt
Theo bậc đã tịch-tịnh
Vị ấy đã hết tham
Vị ấy thật ở gần.” (209)

¹¹¹ [Lời khẳng định này gợi nhớ bài kinh nổi tiếng về Ngài Vakkali, SN 22:87 (Quyển 3), trong đó có câu tương tự: “Đủ rồi, này Vakkali! Tại sao thầy lại muốn nhìn thấy cái thân ô uế này (của ta) làm gì? Ai nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; ai nhìn thấy ta (năm uẩn này) là nhìn thấy Giáo Pháp.”] (111)

¹¹² [Các chữ Phật thường dùng: *dao động* (*ejā*), người còn *dao động* (*ejānugo*): nghĩa là còn dục-vọng, thèm-khát (ái); người *hết dao động* (*anejassa*): người hết dục-vọng, ái tận, diệt dục (cũng là biệt danh chỉ Đức Phật). Bên dưới: *chưa nguội-tắt* (*anibbuto*): nghĩa là còn cháy với tham mê, ái, dục; *đã nguội-tắt* (*nibbutassa*): nghĩa là đã tắt ngấm, đã tịch tịnh = Niết-bàn. Các Phật tử chỉ cần nhớ *lửa tham, lửa dục* thì lập tức rõ nghĩa các chữ nguội, nguội mát, nguội tắt, tắt ngấm, tịch tịnh, tịch diệt.] (112)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.93) – Lửa

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba lửa này. Ba đó là gì? Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỳ kheo, có ba lửa này.

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Lửa tham thiêu người phàm

Bị nhuộm và say mê

Với năm thứ dục-lạc

Và lửa sân thiêu người

Độc ác và sát sanh. (210)

Còn lửa si thiêu người

Ngu si và lụn bại

Về Giáo Pháp Thánh Thiện;

Do chúng sinh không hiểu

Về ba loại lửa này

Cho nên họ mê thích

Với danh-tính của mình

Do vậy họ khổ đau: (211)

Họ gia tăng (con đường)

Tới cõi đọa (địa ngục)

Tới bào thai súc sinh

Tới cõi A-tu-la

Tới cõi những ngạ quỷ

Họ không thể thoát khỏi

Trói buộc của Ma Vương. (212)

Những ai ngày và đêm

Dụng tu trong Giáo Pháp
Của Đức Phật Toàn Giác
Họ dập tắt lửa tham
Họ quán niệm, nhận thức
Sự bất-tịnh (trong thân). (213)

Nhưng hạng người bậc nhất
Dập tắt được lửa sân
Bằng tâm-từ bác ái
Còn đối với lửa si
Dập tắt bằng trí-tuệ
Dẫn tới sự thâm-nhập. (214)

Sau khi đã dập tắt
Tất cả những lửa này
Những vị thiện trí đó
Chuyên chú ngày và đêm
Không hề biết mệt mỏi;
Họ hoàn toàn tắt-ngấm¹¹³
Không còn chút tàn dư
Họ hoàn toàn thoát khổ.” (215)

Sau khi có thánh-kiến
Với đầy đủ trí-biết
Của những bậc hiền trí,
Những vị thiện trí đó
Sau khi đã liễu ngộ
Sau khi đã liễu tri
Trạng thái ‘sinh đã tận’:
Họ không còn phải bị
Sự tái hữu tái sinh. (216)¹¹⁴

¹¹³ [Chữ này được dùng nhiều trong nhiều kinh: *parinibbanti* có nghĩa: *tắt ngấm, hoàn toàn nguội tắt, hoàn toàn tịch diệt* = chứng bát Niết-bàn (*parinibbāna*): chỉ những bậc A-la-hán; theo nghĩa không còn lửa (ái, dục, tham, sân, si).] (113)

¹¹⁴ [(216) = (221). Kinh AN 7:46 ghi 07 loại lửa có 03 lửa tham, sân, si.] (114)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.94) – Sự Xem Xét

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên xem xét mọi sự theo cách mà khi xem xét chúng, thức của người đó không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài, và nhờ sự không chấp-thủ người đó không bị khích-động. Nếu thức của người đó không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài, cũng không bị dính kẹt ở bên-trong, và nếu nhờ sự không chấp-thủ người đó không bị khích-động, thì đối với người đó không còn sự khởi sinh sự khổ—không còn sự khởi sinh sự sinh, già, chết trong tương lai.”¹¹⁵

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Tỳ kheo đã diệt trừ
Bảy loại sự dính-mắc ¹¹⁶
Và cắt đứt đường-dẫn
(Nhân dẫn tới tái-sinh)

¹¹⁵ [Lời kinh này = mục 3 của kinh trung MN 138 (*Phân Giải Lời Tóm Lược*), ở đó Đức Phật nói xong và đi chứ không giảng giải ý nghĩa. Sau đó các Tỳ kheo đã đến gặp trưởng lão Đại Ca-chiên-diên (*Mahākaccāna*) để nhờ thầy phân giải ý nghĩa lời văn tắt này của Đức Phật. Quý vị nên đọc ý nghĩa chi tiết ở kinh MN 138.

+ Nhân tiện: kinh AN 1:197 Phật đã tuyên bố Thầy Đại Ca-chiên-diên là Tỳ kheo “*đệ nhất về phân giải ý nghĩa chi tiết những điều (giáo lý) đã được nói ra một cách văn tắt*”: vì vậy trong Bộ Kinh Trung có các bài kinh quan trọng (như kinh MN 138, MN 18, MN 133) với bối cảnh là các Tỳ kheo rủ nhau đến gặp thầy Ca-chiên-diên nhờ thầy phân giải giáo lý văn tắt Phật mới nói ra. Có đệ tử tại gia cũng đến gặp thầy với lý do như vậy (như kinh SN 22:03).] (114)

¹¹⁶ [*Sự dính-mắc (saṅga)*: coi lại chú thích kinh It.16 ở trên. *Bảy loại sự dính-mắc* là gồm: *thân-kiến* (quan-điểm có danh-tính của ta), *ngã-mạn* (sự tự-ta, ta-đây), *tham, sân, si, sắc giới tham* (tham muốn tái sinh cõi sắc giới), *vô sắc giới tham* (tham muốn tái sinh cõi vô sắc giới).] (115)

Đã kết liễu tận diệt
Vòng luân-hồi sinh tử
Thì đối với vị đó
Hết tái hữu tái sinh.” (217)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.95) – Cách Có Dục Lạc

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có ba cách chúng sinh có được những đối-tượng dục-lạc? Ba đó là gì? (1) Chúng có sẵn để thụ hưởng; (2) được sáng tạo bởi những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên); (3) những thiên thần kiểm soát những sáng tạo đó (Tha hóa tự tại thiên) chỉ kiểm soát và thụ hưởng. Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là ba cách chúng sinh có được những đối-tượng dục-lạc.”¹¹⁷

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Chúng sinh đang hưởng thụ
Những dục-lạc có sẵn
Tha hóa tự tại thiên
Hay cả Hóa lạc thiên

¹¹⁷ [Lời đoạn kinh gốc Pali này hơi rối nghĩa. Vì vậy, từ chú giải và đối chiếu, dịch hàm nghĩa của nó như vậy.

- Những đối-tượng dục-lạc: (i) *có sẵn*, do duyên sinh mà có (sắc, thanh, hương, vị, xúc): chỉ cõi người, súc sanh và số chư thiên thấp (như địa thần, càn-thát-bà). (ii) *được sáng tạo (và thụ hưởng)*: chỉ cõi những thiên thần thích sáng tạo (cõi trời Hóa lạc thiên); và (iii) *được kiểm soát (và hưởng thụ)*: chỉ cõi những thiên thần Tha hóa tự tại thiên (chỉ kiểm soát và thụ hưởng những sáng tạo của Hóa lạc thiên tạo ra chứ không tự mình tạo ra). Hoặc có thể hiểu có 03 cách “có-được” những đối-tượng dục-lạc: (i) chúng có sẵn, (ii) do mình sáng tạo ra (Hóa lạc thiên), và (iii) hưởng ké và kiểm soát những sáng tạo của Hóa lạc thiên (Tha hóa tự tại thiên). Đây là 03 cách có những đối-tượng dục-lạc trong thế gian: đại ý của lời kinh là vậy.] (117)

Và mọi chúng sinh khác
Còn thụ hưởng dục-lạc:
Dù cõi nào trong đó
Họ không thể thoát khỏi
Vòng luân-hồi sinh tử. (218)

Sau khi đã hiểu được
Sự nguy hại hiểm họa
Của thụ hưởng dục-lạc
Thì những người có trí
Từ bỏ mọi dục-lạc
Dù dục-lạc cõi người
Hay dục-lạc cõi trời. (219)

Sau khi đã cắt đứt
Dòng-chảy vốn khó vượt
Họ hoàn toàn tắt-ngấm
Không còn chút tàn dư
Họ hoàn toàn thoát khổ. (220)

Sau khi có thánh-kiến
Với đầy đủ trí-biết
Của những bậc hiền trí,
Những vị thiện trí đó
Sau khi đã liễu ngộ
Sau khi đã liễu tri
Trạng thái ‘sinh đã tận’:
Họ không còn lặp lại
Sự tái hữu tái sinh.” (221) ¹¹⁸

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.96) – Sự Trới Buộc Của Dục Lạc

¹¹⁸ [(221) = (216).] (118)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỷ kheo, những ai còn bị trói buộc bởi sự trói-buộc của dục-lạc (dục) và sự trói-buộc của hữu-sinh (hữu) thì vị đó còn quay lại cõi hiện-hữu này (Nhập-lưu, Nhất-lai). Những ai không còn bị trói buộc bởi sự trói-buộc của dục-lạc nhưng còn bị sự trói-buộc của hữu-sinh thì không còn quay lại cõi này hiện-hữu này (Bất-lai). Những ai không còn bị trói buộc bởi sự trói-buộc của dục-lạc và hữu-sinh thì người đó là A-la-hán, đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu-tận).”¹¹⁹

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Chúng sinh bị trói buộc
Bởi dục-lạc, hữu-sinh
Nên không thể thoát khỏi
Vòng luân hồi hiện-hữu
Cứ đi trong sinh-tử. (222)

Những ai đã trừ bỏ
Tất cả những dục-lạc
Nhưng chưa chứng lậu-tận
Còn hữu-sinh trói buộc
Được gọi là Bất-lai. (223)

Ai đã diệt nghi-ngờ
Đã diệt sự ngã-mạn
Hết tái hữu tái sinh
Quả thực trong đời này
Đã vượt qua bờ-kia
Người đã chứng lậu-tận.” (224)

¹¹⁹ [Cho dù nhiều kinh ngắn dài khác đã giảng giải mỗi giai đoạn thánh đạo và thánh quả, nhưng lời kinh mô tả kiểu này chỉ thấy có trong Quyển này.

– 04 sự trói-buộc do/là dục-lạc, sự sinh-hữu, tà-kiến và vô-minh. Mời đọc lại chú thích ở kinh It.16 ở trên.] (119)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.97) – Giới Hạnh Tốt Lành

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, những ai có giới-hạnh tốt lành, có Giáo Pháp tốt lành, có trí-tuệ tốt lành thì trong Giáo Pháp và Giới Luật này được gọi là bậc toàn-vẹn, người đã sống đời sống tâm linh, người tối thượng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có giới-hạnh tốt lành? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm-chế bởi sự kiềm chế của Pātimokkha [Giới bốn Tỳ kheo], có đủ phẩm-hạnh và nơi nương-dựa tốt,¹²⁰ và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận giới-luật tu hành, người đó tu học trong những điều luật đó. Này các Tỳ kheo, đây là cách một Tỳ kheo là có giới-hạnh. Theo cách này là có giới-hạnh tốt lành.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có Giáo Pháp tốt lành? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo áp dụng bản thân vào sự tu tập bảy chi phần trợ giúp giác-ngộ (thất giác chi). Này các Tỳ kheo, đây là cách một Tỳ kheo có Giáo Pháp tốt lành. Theo cách này là có giới-hạnh tốt lành, có Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có trí-tuệ tốt lành? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt nhưng ô-

¹²⁰ [Giới Bốn Tỳ Kheo có 227 điều giới luật; Giới Bốn Tỳ Kheo Ni có 311 điều. Chữ *gocara* (nơi nương-dựa, trú xứ) hàm nghĩa một nơi (khu vực, vùng, trú xứ) tốt hay phù hợp để khát thực thức ăn; mặc dù nó cũng có thể có nghĩa là uy-nghi hay phong thái một Tỳ kheo, như phong thái tĩnh-lặng và tự-chủ của người vị đó. (Thầy Minh Châu đã dịch chữ này theo nghĩa thứ hai; các nhà sư thế giới dịch theo nghĩa thứ nhất). – Đây là đoạn lời mẫu của Phật dùng trong nhiều kinh khác nhau để định nghĩa một người tu là “có giới-hạnh” (đức hạnh, giới đức)]. (119)

nhiễm (lậu tận), tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ. Nay các Tỳ kheo, đây là cách một Tỳ kheo có trí-tuệ tốt lành.

“Theo cách này là có giới-hạnh tốt lành, có Giáo Pháp tốt lành, và có trí-tuệ tốt lành, trong Giáo Pháp và Giới Luật này được gọi là bậc toàn-vẹn, người đã sống đời sống tâm linh, người tối thượng.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Tỳ kheo không làm ác
Bằng lời-nói, thân, tâm
Quả thực được gọi là
‘Có giới-hạnh tốt lành’
‘Có sự biết hổ-thẹn
Về lương tâm đạo đức’.¹²¹ (225)

Tỳ kheo đã khéo tu
Bảy chi phần giác-ngộ
Quả thực được gọi là
‘Có Giáo Pháp tốt lành’
Không còn sự sung-tấy.¹²² (226)

Tỳ kheo ngay kiếp này
Chứng ngộ sự diệt-khổ
Quả thực được gọi là
‘Có trí-tuệ tốt lành’
Không còn những lậu-hoặc.” (227)

Đã thành tựu đầy đủ

¹²¹ [Đây là chữ *hiri*: sự biết xấu-hổ về mặt lương tâm (HV: tâm). Thường được nói chung với *ottappa*: sự biết sợ-hãi làm điều sai trái (HV: quý), được cho là 02 phẩm chất căn bản như 02 người bảo vệ thế gian. Coi lại chú thích đầu ở kinh It.35 ở trên.] (121)

¹²² [*Sự sung-tấy* (tạm dịch chữ *ussadā*) là một thuật ngữ chỉ 07 phẩm chất tệ hại: tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, lậu hoặc và ác hành. Câu này đơn giản chỉ sự không còn ô-nhiễm (lậu tận). Cũng được nói ở thi kệ (400) Pháp Cú và (624) Kinh Tập.] (122)

Những phẩm chất như vậy
Không còn sự phiền-khổ
Đã dứt sạch nghi-ngờ
Vị đó được gọi là
Đã xuất ly viễn ly
Khỏi tất cả thế gian ¹²³
Bậc từ bỏ tất cả.” (228)

(It.98) – Bồ Thí

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có hai loại bồ thí này. Hai đó là gì? Bồ thí tài vật và bồ thí Giáo Pháp. Đây là hai loại bồ thí. Trong hai loại bồ thí này, bồ thí Giáo Pháp là tốt nhất.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại chia sẻ. Hai đó là gì? Chia sẻ tài vật và chia sẻ Giáo Pháp. Đây là hai chia sẻ. Trong hai loại chia sẻ này, chia sẻ Giáo Pháp là tốt nhất.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại trợ giúp này. Hai đó là gì? Trợ giúp tài vật và trợ giúp Giáo Pháp. Đây là hai loại trợ giúp. Trong hai loại trợ giúp này, trợ giúp Giáo Pháp là tốt nhất.”¹²⁴

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Điều được họ gọi là
Sự bồ thí tối thượng
Đức Thế Tôn đề cao

¹²³ [Khỏi tất cả thế gian nghĩa là khỏi tất cả các cõi hiện-hữu trong thế gian, vì bậc A-la-hán đã giải-thoát, không còn tái sinh hiện hữu trong cõi nào nữa. Đây cũng là một trong nhiều cách chỉ mục-tiêu của đạo Phật.] (123)

¹²⁴ [03 đoạn này = 03 kinh AN 2:141, 147, 149 (03 chữ là: *dānāni, samvibhāgā, anuggahā*). Kinh này như một phần của kinh It.100 bên dưới. Và ý nghĩa giáo lý này gọi nhớ thi kệ (354) kinh Pháp Cú.] (124)

Đó là sự chia sẻ;
Ai với tâm tin-tưởng
Nơi ‘ruộng phước vô thượng’
(Tức là nơi Tăng bảo)
Gồm những vị thấy biết;
Nếu hiểu biết như vậy
Ai không muốn cúng dường
Vào những thời thích hợp? (229)

Ai khi nói hay dạy
Và khi nghe hay học
Với cái tâm lặng-trong
Trong giáo lý Thiện Thệ
Và mục-tiêu tối thượng
Thì sẽ được thanh lọc
Khi chuyên-chú thực hành
Trong giáo lý Thiện Thệ.¹²⁵ (230)

(It.99) – Tam Minh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta gọi danh ‘một bà-la-môn có tam minh’ là dựa trên Giáo Pháp chứ không phải do người đó giỏi nói huyền thuyên làm người khác mê tin. Này các Tỳ kheo, theo cách nào ta gọi danh ‘một bà-la-môn có tam minh’ là dựa trên Giáo Pháp chứ không phải do người đó giỏi nói huyền thuyên làm người khác mê tin?¹²⁶

¹²⁵ [Nghĩa nôm na: Ai khi đang nói (dạy Giáo Pháp) hay đang nghe (học Giáo Pháp) với cái tâm sáng trong tĩnh lặng trong giáo lý (giáo học, đạo pháp) của bậc Thiện Thệ (bậc Khéo-Đi, bậc Phúc Lành, là một biệt danh của Phật), thì tâm của họ được thanh lọc tới mục-tiêu rất ráo (sự giác ngộ, giải thoát).] (125)

¹²⁶ [Minh = trí-biết đích thực, chân trí, siêu trí, ngược lại là vô-minh: sự thiếu trí-biết, không hiểu biết Tứ Diệu Đế, u tối, ngu mờ. Tam minh = 03 trí-biết đích tức: gồm Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh (như lời kinh giải nghĩa tiếp theo).

(1) [*Túc mạng minh*] “Ồ đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình: [Đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) ‘Ồ (kiếp) đó mình được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của mình như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của mình như vậy, tuổi thọ của mình như vậy; và mình chết từ chỗ đó, mình tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục ... mình được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của mình như kia, trải nghiệm sướng và khổ của mình như kia, tuổi thọ của mình như kia; và mình chết từ chỗ kia đó, mình tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng mình đã được tái sinh ở đây.’]. Như vậy đó, người có thể nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của mình.

—Đây là minh *thứ nhất* mà người đó đã chứng nhập. Sự vô-minh đã bị xua tan, và minh đã khởi sinh, u tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

(2) [*Thiên nhãn minh*] “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo: [Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của họ như vậy: ‘(i) Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai

Chúng thường được nói chung với tam thông = 03 *siêu năng tâm linh* = 03 *thần thông* là Biến hóa thông (biến hóa, đi xuyên, phi thân ...), Thiên nhĩ thông (thần thông nghe được âm thanh các cõi), Tha tâm thông (biết được tâm của người khác).

- Tam minh (và tam thông) được Phật nói trong nhiều kinh như MN 04, 51, 53, 54, 65, 71, 73, 76, 77, 79; SN 12:70, 16:09, 52:22, 23, 24.] (126)

lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (ii) Nhưng những chúng sinh khác biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.']. Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

—Đây là minh thứ hai mà người đó đã chứng nhập. (*Thiên nhân minh*). Sự vô-minh đã bị xua tan, và minh đã khởi sinh, u tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

(3) [*Lậu tận minh*] “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo: bằng sự tiêu diệt nhưng ô-nhiễm (lậu tận), tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ.

—Đây là minh đầu thứ ba người đó đã chứng nhập. Sự vô-minh đã bị xua tan, và minh đã khởi sinh, u tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

“Đúng như vậy, này các Tỳ kheo, ta gọi danh ‘một bà-la-môn có tam minh’ là dựa trên Giáo Pháp chứ không phải do người đó giỏi nói huyền thuyên làm người khác mê tin.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người biết những kiếp trước
Thấy cõi trời, cõi đọa

Chứng đắc sự sinh-tận
Bậc mâu-ni hoàn thiện
Về ba siêu trí này. (231)

Chính ba siêu trí này
Là ‘bậc có tam minh’
Ta gọi vị đó là
‘Bà-la-môn tam minh’;
Chứ không phải loại khác
Chỉ huyền thuyên thần chú.”¹²⁷ (232)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

¹²⁷ [(231)–(232) = 02 thi kệ cuối kinh AN 3:58. Và (231) = THIG (63) câu 2 + (64) câu đầu [Trưởng Lão Ni Kệ]; (232) câu đầu = THIG (64) câu 2. Riêng (231) cũng gần giống thi kệ (423) cuối cùng của quyển Pháp Cú.]

- Về chữ ‘bà-la-môn’ Phật đã dùng: coi chú thích ở kinh It.69 ở trên.] (127)

4—PHẦN “BỐN”

CHƯƠNG 1

(It.100) – Sự Cúng Tế Giáo Pháp Bởi Như Lai

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta là Bà-la-môn (đích thực), bậc đáng được cùng dường, hai tay thanh sạch, người mang thân này cuối cùng, bậc lương y và bác sĩ tối thượng.¹²⁸ Còn các thầy (các Tỳ kheo) là các con chính thống của ta, được sinh từ miệng của ta, được sinh từ Giáo Pháp, được tạo ra bởi Giáo Pháp, là con cái thừa hưởng thừa hưởng Giáo Pháp, không phải con cái thừa hưởng những thứ vật chất.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại bố thí này. Hai đó là gì? Bố thí tài vật và bố thí Giáo Pháp. Đây là hai loại bố thí. Trong hai loại bố thí này, bố thí Giáo Pháp là tốt nhất.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại chia sẻ. Hai đó là gì? Chia sẻ tài vật và chia sẻ Giáo Pháp. Đây là hai chia sẻ. Trong hai loại chia sẻ này, chia sẻ Giáo Pháp là tốt nhất.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại trợ giúp này. Hai đó là gì? Trợ giúp tài vật và trợ giúp Giáo Pháp. Đây là hai loại trợ giúp. Trong hai loại trợ giúp này, trợ giúp Giáo Pháp là tốt nhất.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cúng (cúng tế, dâng cúng, cúng dường) này. Hai đó là gì? Cúng tài vật và cúng Giáo Pháp. Đây là hai loại cúng. Trong hai loại cúng này, cúng Giáo Pháp là tốt nhất.”¹²⁹

¹²⁸ [Ở đây lời kinh dùng cả 02 chữ *bhisakko* (lương y, thầy thuốc) và *sallakatto* (bác sĩ mổ mũi tên độc, gai nhọn, phi tiêu là biểu tượng sự khổ đau).] (128)

¹²⁹ [Nguyên gốc tên kinh là “*Sự Cúng Tế Giáo Pháp Bởi Bậc Bà-La-Môn*” (tức Phật, Như Lai). 04 điều kinh này y hệt kinh It.98 cộng thêm điều thứ 4 là sự *cúng* (*yāgā*).] (129)

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Như Lai thật rộng lòng
Đã cúng tế Giáo Pháp
Vì có lòng bi-mẫn
Vói tất cả chúng sinh.
Ngài đúng là bậc nhất
Chúng sinh đánh lễ ngài:
Bậc đã qua bờ-kia
Hết tái sinh luân hồi.” (233)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.101) – Dễ Có Được

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỷ kheo, có bốn thứ nhỏ nhất, chúng dễ dàng có được và không bị chê trách (phi tội lỗi, không phạm giới). Bốn đó là gì?¹³⁰

(1) “Y-áo (cà sa, y phục) được làm từ giẻ rách là thứ nhỏ nhất so với đủ loại y-áo, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (2) Chút thức-ăn khát thực là thứ nhỏ nhất so với đủ loại bữa-ăn, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (3) Chỗ gốc cây là thứ nhỏ nhất so với đủ loại chỗ-ở, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (4) Chút nước-tiểu (của bò) bốc mùi là thứ nhỏ nhất so với đủ loại thuốc-men, nó dễ dàng có được và không bị chê trách.¹³¹

“Có bốn thứ nhỏ nhất, chúng dễ dàng có được và không bị chê trách. Khi một Tỷ kheo biết hài-lòng với thứ nhỏ nhất và dễ dàng

¹³⁰ [Nội dung kinh này giống hết kinh AN 4:27, cả phần thi kệ.] (129)

¹³¹ [Y học cổ thời đó tin rằng nước tiểu của bò nếu ngâm với mấy loại hạt có được nhiều được tính để trị một số bệnh đau.] (130)

có được như vậy, ta nói, người đó có được một trong những chi phần của đời sống sa-môn (sa-môn hạnh).”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai luôn biết hài-lòng
Với những thứ nhỏ nhặt
Thú dễ dàng có được
Và không bị chê trách,
Tâm không bị phiền lo
Vì chỗ-ở, y-phục
Vì thức-ăn thức-uống:
Thì cho dù ở đâu
Cũng không bị trở ngại. (234)

Và những giáo lý đó
Được (Đức Phật) nói ra
Phù hợp đời tu hành
Được tiếp nhận dễ dàng
Bởi Tỳ kheo tri-túc
Người chuyên-chú tu hành.”¹³² (235)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.102) – Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm (Lậu Tận)

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta nói sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không

¹³² [Người chuyên-chú tu hành vì mục tiêu giải-thoát thì chắc chắn họ sống thanh-bần và tri-túc. Những tăng ni cứ lo chùa lớn, ăn ngon, ngủ sướng, y phục sang lán, phương tiện loại tốt: thì có thể suy ra họ không phải những người tu chuyên-chú, không phải chân tu.] (132)

thấy. Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy cái gì, cho người biết cái gì? Sự tiêu diệt ô-nhiễm sẽ xảy đến cho người biết và thấy: ‘Đây là sự khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là sự diệt-khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự diệt-khổ’. Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy như vậy, cho người biết như vậy.”¹³³

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Người học nhân tu học
Theo con-đường chánh trực,
Trí-biết về diệt-nhiễm
(Lậu tận minh) khởi trước,
Rồi lập tức theo sau
Là trí-biết cuối cùng
(Tức là trí giác-ngộ). (236) ¹³⁴

Khi người được giải-thoát
Thì lần lượt khởi sinh
Trí-biết về giải-thoát
Sự giải-thoát tối thượng
Trí-biết về lậu-tận
Như vậy theo cách này
Gông-cùm đã hủy diệt. (237)

Nhưng điều này không thể
Thành tựu bởi những người
Lười, ngu và vô-minh;
Niết-bàn được chứng ngộ
Mới là sự thoát khỏi
Mọi gông cùm trói buộc.” (238)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

¹³³ [Lời kinh này giống hệt đoạn nhất kinh SN 56:25 (Quyển 5).] (133)

¹³⁴ [(236) = (118) = thi kệ đầu của kinh AN 3.85.] (134)

(It.103) – Sa-Môn và Bà-La-Môn

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, những sa-môn [tu sĩ] hay bà-la-môn nào là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: thì những người đó ta không coi là sa-môn trong số những sa-môn hoặc bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống sa-môn và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những sa-môn và bà-la-môn nào là người hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là sa-môn trong số những sa-môn và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống sa-môn và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”¹³⁵

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Những ai không hiểu được
Sự khổ, nguồn-gốc khổ;
Không biết chỗ sự-khổ

¹³⁵ [Kinh này giống hệt kinh SN 56:22 (Quyển 5), chỉ khác cách phân các thi kệ cuối kinh. Trong kinh này, các thi kệ được phân giống hệt các thi kệ (724)-(727) của quyển *Kinh Tập*.

▪ Xin nói lại: Các thi kệ trong các quyển *Kinh Tập* và trong tất cả các Bộ Kinh khác người dịch giữ nguyên thứ tự nguyên bản của các câu kệ (để tra cứu các số chú thích), trong quyển kinh này và các quyển còn lại của Tiểu Kinh Bộ thì phân thành các câu kệ “05-chữ”.] (135)

Chấm dứt hết tàn dư;
Và không biết con-đường
Dẫn tới sự diệt-khổ: (239)

“Thì họ sẽ không có
‘Sự giải-thoát của tâm’
Và cũng thiếu luôn ‘sự
Giải-thoát nhờ trí-tuệ’.
Họ cũng không khả năng
Làm được sự diệt-tận,
Cứ đi trong sinh-già. (240)

“Nhưng ai hiểu sự khổ,
Và nguồn-gốc khổ
Và biết chỗ sự khổ
Chấm dứt hết tàn dư;
Và hiểu-được con-đường
Dẫn tới sự diệt-khổ: (241)

“Thì họ sẽ có được
‘Sự giải-thoát của tâm’
Và cũng có luôn ‘sự
Giải-thoát nhờ trí-tuệ’.
Họ cũng có khả năng
Làm nên sự diệt-tận,
Hết đi trong sinh-già.” (242)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.104) – Có Đủ Giới Hạnh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo nào được có đủ [được phú] giới-hạnh, có đủ thiên-định, có đủ trí-tuệ, có đủ sự giải-thoát, có đủ trí-

biết và tầm-nhìn (tri kiến) của sự giải-thoát, là những vị chỉ dạy (giáo giới), những vị giảng dạy, chỉ ra con-đường (đạo), những người khuyến khích, phát khởi, khích lệ, làm hoan hỷ, và tuyên thuyết thiện Pháp: Này các Tỳ kheo, ta nói rằng—nhìn thấy họ, lắng nghe họ, gặp trực tiếp họ, tận tụy cung kính họ, thụ giới xuất gia theo họ là rất hữu ích. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, khi nương dựa, gặp gỡ, tận tụy cung kính những Tỳ kheo như vậy thì mớ [uẩn] giới-hạnh chưa hoàn thiện sẽ đi đến hoàn thiện, mớ thiền-định chưa hoàn thiện sẽ đi đến hoàn thiện, mớ trí-tuệ chưa hoàn thiện sẽ đi đến hoàn thiện, mớ giải-thoát chưa hoàn thiện sẽ đi đến hoàn thiện, mớ sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát chưa hoàn thiện sẽ đi đến hoàn thiện. Này các Tỳ kheo, những vị Tỳ kheo đó được gọi là những sư thầy, người dẫn đoàn lữ hành, người đã trừ bỏ tội lỗi, người đã xua tan vô-minh, người mang lại ánh sáng, người chiếu sáng, người cầm đuốc sáng, người mang hào quang, bậc thánh thiện, bậc kiến nhãn.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Trạng thái này nguồn vui
Cho bậc trí hiểu biết:
Nghĩa là cho bậc thánh
Đã hoàn thiện bản thân
Và sống theo Giáo Pháp. (243)

Họ tỏa sáng chân Pháp
Họ chiếu nguồn ánh sáng
Những bậc trí đó là
Những người mang ánh sáng
Được phú đủ tầm-nhìn
Đã diệt những tham chấp
Là nhân gây xung khắc. (244)

Sau khi đã lắng nghe
Đạo giáo họ đã dạy
Người có trí hiểu chúng;

Sau khi đã chứng ngộ
Cùng với những siêu trí
Sau khi trực-tiếp biết:
Rằng ‘sự sinh đã tận’
Họ không còn đi tới
Tái hữu hay tái sinh.” (245)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.105) – Dục Vọng Khởi Sinh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹³⁶

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách dục-vọng (ái) khởi sinh bên trong một Tỳ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo vì mấy chuyện y-áo, thức-ăn, chỗ-ở, hay vì muốn có được sự-sống ở đây hay chỗ khác. ¹³⁷ Đúng vậy, này các Tỳ kheo, đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Vói dục-vọng đồng hành
Người trôi giạt luân hồi
Suốt thời gian thăm thẳm;
Họ sinh cõi kiếp này
Chuyển qua cõi kiếp khác
Nhưng không thể kết thúc
Đường luân hồi sinh tử. (246)

Sau khi đã nhìn thấy
Rằng sự nguy-hiểm này —

¹³⁶ [Kinh này giống kinh AN 4:09, phần thi kệ chỉ hơi khác chút xíu.] (136)

¹³⁷ [“*Sự-sống ở đây*” là sự sống này, sự hiện-hữu này; “*sự-sống chỗ khác*” là sự hiện-hữu kiếp sau. Cả 02 này đều là *dục-vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái).] (137)

Dục-vọng là nguyên nhân
Của mọi sự khổ đau —
Dẹp bỏ hết dục-vọng
Dẹp bỏ sự nắm-chấp
Một Tỳ kheo du hành
Một cách có chánh-niệm.” (247) ¹³⁸

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.106) – Với Vị Trời

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹³⁹

“Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống với vị Trời (Brāhma) là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống với các vị thầy đầu tiên là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống với những vị tiên đầu tiên là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (4) Những gia đình sống với các bậc đáng được cúng dường là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

“Này các Tỳ kheo, ‘vị Trời’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các vị thầy đầu tiên’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Những vị tiên đầu tiên’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các bậc đáng cúng dường’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. Và vì sao như vậy? Vì cha mẹ giúp đỡ rất nhiều cho con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi dưỡng con cái, và cho con thấy thế gian.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Cha mẹ là ‘Vị Trời’
Và cũng được gọi là
‘Tiên sư’ của con cái;

¹³⁸ [(246)-(247) = (17)-(18) = (740)-(741) *Kinh Tập*.] (138)

¹³⁹ [Kinh này kể cả phần thi kệ giống hết kinh AN 4:63 = kinh AN 3:31 được mở rộng thêm điều (3) bên dưới.] (139)

Họ đáng được con cái
Dâng tặng đủ các thứ;
Họ đầy lòng bi-mẫn
Dành cho các con cháu. (248)

Do vậy một người khôn ngoan
Biết kính trọng cha mẹ
Người đó nên phục vụ
Thức ăn và thức uống,
Quần áo và giường chiếu,
Xoa bóp và tắm rửa,
Rửa chân cho cha mẹ. (249)

Vì sự phụng sự đó
Đối với cha mẹ mình
Bậc trí hiền khen ngợi
Loại con đó trong đời
Sau này người đó chết
Hưởng phúc trên cõi trời. (250)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.107) – Những Người Giúp Nhiều

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các gia chủ bà-la-môn giúp ích nhiều cho các thầy, họ bố thí những thứ thiết yếu như y-áo, thức-ăn, chỗ-ở và thuốc thang chăm sóc khi bệnh. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, các thầy cũng nên giúp ích nhiều bằng cách giảng dạy Giáo Pháp cho các bà-la-môn—đó là Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ rõ ràng, cho thấy một đời sống tâm linh toàn thiện tinh khiết. Như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây với sự tương nhờ lẫn nhau, các thầy hãy sống đời sống tâm linh (phạm hạnh) để thoát khỏi dòng-lũ, để chân chánh làm được sự diệt-khổ.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Cả những người tại gia
Cùng những người xuất gia
Cùng tương nhờ với nhau
Để thành tựu Chân Pháp—
Đó là ‘sự an-toàn
Thoát khỏi sự trói-buộc’. (251)

Từ những người tại gia
Người xuất gia nhận được
Những vật phẩm thiết yếu
Cần thiết cho đời tu:
Y-phục và chỗ-ở
Che chở khỏi nguy nan. (252)

Nương tựa bậc Phúc Lành
Những người thương gia đình
Đang sống đời tại gia
Đặt niềm-tin thành tín
Vào những bậc Đáng Cúng ¹⁴⁰
Là những bậc thiện-định
Có trí-tuệ thánh thiện. (253)

Sau khi trong kiếp này
Đã thực hành Giáo Pháp—
Là chánh đạo dẫn tới
Những nơi-đến phúc lành—
Họ hưởng phúc cõi tiên
Và hân hoan vui sống
Mong muốn được toại nguyện. (254) ¹⁴¹

¹⁴⁰ [Nhiều Phật tử đã biết: bậc Phúc Lành, bậc Thiện Thệ (*sugataṃ, sugata*) = Đức Phật; bậc Đáng Cúng Dường, bậc Ứng Cúng (*arahataṃ, arahant*) = A-la-hán.] (140)

¹⁴¹ [(254) = thi kệ cuối kinh AN 3:48 và cuối kinh AN 5:40.] (141)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.108) – Giả Dối

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁴²

“Này các Tỳ kheo, (1) những ai là những kẻ giả dối, bướng bỉnh, nói nhiều, ngụy xảo, kiêu căng, và không định-tâm thì không phải là những Tỳ kheo của ta. (2) Họ đã lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, và họ không đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. (3) Nhưng những Tỳ kheo không giả dối, không nói nhiều, có trí, không bướng bỉnh, và khéo định-tâm là những Tỳ kheo của ta. (4) Họ đã không lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, và họ đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Ai là kẻ giả dối
Bướng bỉnh và nói nhiều
Giả danh và kiêu căng
Và không đạt định-tâm:
Thì không thể trưởng thành
Trong Giáo Pháp được dạy
Bởi Đức Phật Toàn Giác. (255)

Nhưng ai không giả dối
Có trí, không nói nhiều
Không bướng bỉnh, đạt-định:
Thì có thể trưởng thành
Trong Giáo Pháp được dạy

¹⁴² [Kinh này và phần thi kệ giống hết kinh AN 4:26.] (142)

Bởi Đức Phật Toàn Giác.” (256)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.109) – Dòng Sông

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ví như một người đang bị cuốn trôi bởi một dòng sông, dòng sông nhìn đáng yêu và thích thú. Một người trên bờ có mắt sáng nhìn-thấy nói với người đó: ‘Này bạn hiền, cho dù anh đang bị cuốn trôi bởi dòng sông, dòng sông nhìn đáng yêu và thích thú, nhưng dưới kia là biển hồ có nguy hiểm sóng cuốn, nước xoáy, cá sấu, cá dữ (thủy quái). Khi tới biển hồ anh sẽ gặp phải sự chết hay khổ đau như chết!’¹⁴³ Khi nghe người trên bờ la lên như vậy, người dưới sông liền cố sức bằng tay chân bơi ngược dòng (để thoát hiểm).

“Này các Tỳ kheo, ta nói ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:

(i) ‘Dòng sông’ là chữ chỉ dục-vọng (ái); (ii) ‘Đáng yêu và thích thú’ là chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong (sáu nội xứ, sáu giác quan); (iii) ‘Biển hồ dưới kia’ là chỉ năm gông-cùm thấp (hạ phần kiết sử);¹⁴⁴ (iv) ‘Nguy hiểm sóng cuốn’ là chỉ sự sân giận và bực tức; (v) ‘Nước xoáy’ là chỉ năm thứ dục-lạc; (vi) ‘Cá sấu và cá dữ’ (thủy quái) là chỉ phụ nữ (tính dục); (vii) ‘Ngược dòng’ là chỉ sự từ bỏ, sự

¹⁴³ [Giống trong kinh It.69 (và trong các bộ kinh khác): cụm chữ này chỉ những nguy hiểm và tai hại của đời sống phàm tục mà con người gặp phải, cũng là những trở ngại khó vượt của người tu.] (143)

¹⁴⁴ [Nhân tiện, nhiều Phật tử đã biết: *Sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (06 nội xứ, như 06 giác-quan, 06 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm). *Sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài* (06 ngoại xứ, như 06 đối-tượng giác quan, 06 trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

- *Năm gông-cùm thấp* (hạ phần kiết sử) gồm: thân-kiến, nghi-ngờ, giới-cấm thủ, tham, sân. Trừ bỏ hạ phần kiết sử thì người tu chứng thánh quả Bất-lai (A-na-hàm).] (144)

xuất gia; (viii) ‘Cố sức bằng tay chân’ là chỉ sự nỗ-lực tu (tinh tấn); (ix) ‘Người nhìn-thấy trên bờ’ là chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác’.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Cho dù bị đau khổ
 Hãy từ bỏ các dục ¹⁴⁵
 Nguyên tới ‘sự an-toàn
 Khỏi mọi sự trói-buộc’;
 Khi hiểu biết chánh tỏ
 Tâm được khéo giải-thoát
 Nên chứng đắc giải-thoát
 Tại đây ngay kiếp này;
 Trở thành bậc trí sư
 Đã sống đời tâm linh
 Vị đó được gọi là:
 ‘Người đã đạt đến chỗ
 Sự kết-thúc thế giới’,
 Và cũng được gọi là
 ‘Bậc đã qua bờ-kia’.” (257)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.110) – Khi Đang Bước Đi

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁴⁶

¹⁴⁵ [*Sahāpi dukkhena jaheyya kāme*: câu này nghĩa là cho dù sự từ bỏ các dục và dục-lạc (gia đình, hạnh phúc thế tục) và xuất gia là khó khăn, đau khổ, khó làm, nhưng cũng nên quyết tâm từ bỏ nó: bỏ dục là nền-móng để tu để mong có ngày thoát khỏi luân hồi sinh tử = ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ = Niết-bàn, như các kinh trên đã nói.] (145)

¹⁴⁶ [Kinh này, và nội dung phần thi kệ, giống hệt kinh AN 4:11.] (146)

(1) Nay các Tỳ kheo, nếu một ý nghĩ tham-dục, một ý nghĩ ác-ý, hay một ý nghĩ gây-hại khởi sinh bên trong một Tỳ kheo trong khi người đó đang bước đi (như: đang đi bộ, đang đi thiền), và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành và không biết sợ-hãi việc làm sai trái (vô quý); người đó là thường trực và liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực tu (thiếu tinh tấn) trong khi đang bước đi.

(2) “Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang đứng ... (3) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang ngồi ... (4) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi đang nằm [chưa ngủ], và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành và không biết sợ-hãi điều sai trái (vô quý); người đó là thường trực và liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực tu (tinh tấn) trong khi đang đứng ... đang ngồi ... đang nằm.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Dù đang đi hay đứng,
Đang ngồi hay đang nằm,
Tỳ kheo nào cứ nghĩ
Những ý-nghĩ xấu ác
Liên hệ đời tại gia: (258)

Thì coi như người đó
Đã bước vô đường tà
Bị mê lầm mê đắm
Vói những thứ giả lừa
Gây ảo tưởng ngu-si:
Một Tỳ kheo như vậy
Không thể nào đạt tới
Sự giác-ngộ cao nhất. (259)

Ai đang đi hay đứng

Đang ngồi hay đang nằm,
Làm lặn những ý-nghĩ
Ưu thích sự lặn-lặn
Của những ý-nghĩ đó:
Một Tỳ kheo như vậy
Thì có thể đạt tới
Sự giác-ngộ cao nhất. (260)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.111) – Có Giới Hạnh

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁴⁷

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có giới-hạnh, sống có được Pātimokkha, sống được kiểm chế bởi Pātimokkha (Giới Bốn Tỳ Kheo), có được phẩm-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong những lỗi nhỏ nhặt, và sau khi thụ lãnh giới-luật tu học, hãy tu học theo những điều luật đó. Sau khi đã làm được vậy, các thầy nên làm thêm những gì nữa?

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã trừ bỏ ‘tham-dục’ và ‘ác-ý’ khi đang bước đi; nếu người đó dẹp bỏ luôn ‘sự đờ-đần và buồn-ngủ’ (hôn trầm thụ miên), ‘sự bất-an và hối-tiếc’ (trạo cử hối quá), và ‘sự nghi-ngờ’;¹⁴⁸ nếu sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không yếu xui; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lãng xãng; nếu thân người đó được tĩnh-lặng và không bị quấy-động; nếu tâm người đó đạt-định và đạt nhất-điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết sợ-hãi

¹⁴⁷ [Kinh này cả phần thi kệ giống kinh AN 4:12, chỉ khác vài chỗ văn phạm nhỏ và một câu kệ.] (147)

¹⁴⁸ [Đây là 05 *chương-ngại* (ngũ triền cái) cản trở người tu tập và thiền tập. Trong đạo Phật, người tu phải thiền tập các phương pháp để đối-trị và trừ-bỏ 05 *chương-ngại* này.] (148)

việc làm sai trái (có quý); người đó là thường trực và liên tục nỗ-lực tu và kiên-định trong khi đang bước đi.

(2) “Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ ‘tham-dục’ và ‘ác-ý’ trong khi đang đứng ... (3) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ ‘tham-dục’ và ‘ác-ý’ trong khi đang ngồi ... (4) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ ‘tham-dục’ và ‘ác-ý’ trong khi đang nằm [chưa ngủ]; nếu người đó dẹp bỏ luôn ‘sự đờ-dẫn và buồn-ngủ’, ‘sự bất-an và hối-tiếc’, và ‘sự nghi-ngờ’; nếu sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không yếu xui; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lãng xãng; nếu thân người đó được tĩnh-lặng và không bị quấy-động; nếu tâm người đó đạt-định và đạt nhất-điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết sợ-hãi việc làm sai trái (có quý); người đó là thường trực và liên tục nỗ-lực tu và kiên-định trong khi đang đứng ... đang ngồi ... đang nằm.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

“Khi đi biết chế ngự
 Khi đứng và khi ngồi
 Khi nằm biết chế ngự
 Khi co tay và chân một
 Khi duỗi tay và chân
 Tỳ kheo biết chế ngự. (261)

Trên, dưới và dọc ngang
 Đến tận cùng thế giới
 Người đó soi xét kỹ
 Bản chất của Giáo Pháp
 Và các uẩn sinh-diệt. (262)

Sống như vậy, nhiệt thành
 Phàm-hạnh được an tịnh
 (Tâm) không bị động vọng; ¹⁴⁹

¹⁴⁹ [Câu kệ đầu ‘Sống ... động vọng’ không có trong thi kệ thứ ba của kinh AN. Các câu còn lại thì có giống nhau.] (147)

Tu tập đúng đắn tới
 Sự vắng-lặng của tâm.
 Người tự mình tu học
 Luôn luôn có chánh-niệm
 Tỳ kheo loại như vậy
 Được gọi là một người
 Luôn kiên định trong tâm.” (263)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

(It.112) – Thế Giới

Đức Thế Tôn đã nói điều này, bậc A-la-hán đã nói điều này. Tôi nghe như vậy: ¹⁵⁰

“Này các Tỳ kheo, Như Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức (liễu giác) đối với thế giới; Như Lai đã xuất-ly khỏi thế giới. Như lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với nguồn-gốc của thế giới; Như Lai đã trừ-bỏ nguồn-gốc của thế giới. Như Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với sự chấm-dứt thế giới; Như Lai đã chứng-ngộ sự chấm-dứt thế giới. Như Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với con-đường [đạo] dẫn tới sự chấm-dứt thế giới; Như Lai đã tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới. ¹⁵¹

(1) “Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có

¹⁵⁰ [Kinh này cả phần thi kệ giống kinh AN 4:23.] (145)

¹⁵¹ [Ở kinh AN 4:23 luận giảng **Mp** giải nghĩa chữ “thế giới” (*loka*) chính là *Sự Thật về Khổ* (Khổ Đế, Diệu đế 1). 04 trách-phận (bốn phận tu hành) Như Lai đã hoàn thiện là tương ứng với 04 trách-phận đối với Bốn Diệu Đế, đó là—(1) hoàn-toàn hiểu *Sự Khổ* [Khổ], (2) trừ-bỏ Nguồn-gốc Khổ [Khổ Tập], (3) chứng ngộ *Sự Chấm-Dứt Khổ* [Khổ Diệt], (4) tu tập Con-Đường dẫn tới *Sự Chấm-Dứt Khổ* [Đạo]—nhưng ở đây chữ “hoàn-toàn hiểu” (*pariññāta*, liễu ngộ) đã được thay bằng chữ “hoàn-toàn tỉnh thức” (*abhisambuddha*, liễu giác) đối với Diệu đế 1.

▪ Về 04 trách-phận của tu sĩ đạo Phật: mời coi thêm bài khai giảng của Đức Phật: kinh *Chuyển Pháp Luân*, SN 56:11 (Quyển 5).] (151)

những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—Nhu Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với tất cả những điều đó; do vậy bậc ấy mới được gọi là Nhu Lai.

(2) “Này các Tỳ kheo, những gì Nhu Lai nói, thốt ra, hay tuyên thuyết vào canh giữa cái đêm Nhu Lai đã tỉnh thức đến sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng (lúc Phật chánh đẳng chánh giác) và vào cái đêm Nhu Lai chứng Niết-bàn cuối cùng không còn tà dư (vô dư y Niết-bàn; lúc Phật qua đời), tất cả chính xác là vậy và không sai khác; do vậy bậc ấy mới được gọi là Nhu Lai.

(3) “Này các Tỳ kheo, Nhu Lai nói sao làm vậy; làm sao nói vậy. Bởi vì Nhu Lai nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, nên bậc ấy mới được gọi là Nhu Lai.

(4) “Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, Nhu Lai là bậc chiến thắng, bậc không ai thắng, bậc nhìn thấy thấu tỏ, bậc nắm sự làm-chủ; do vậy bậc ấy mới được gọi là Nhu Lai.”

Đức Thế Tôn đã nói nghĩa này. Về nghĩa này có (thi kệ) này được nói:

Sau khi trực-tiếp biết
Về tất cả thế giới—
Tất cả trong thế giới
Đúng như nó thực là—
Bậc ấy đã xuất ly
Khỏi tất cả thế giới
Không còn dính chấp gì
Trong tất cả thế giới. (264)
Bậc ấy quả thực là
Bậc chiến thắng tất cả
Bậc trí đã tháo bung

Tất cả mọi gút-mắc;
Tự mình đã chạm tới
Sự bình-an tối thượng
Đó chính là Niết-bàn
Không còn đâu sợ-hãi. (265)

Bậc ấy là vị Phật
Đã tiêu diệt ô-nhiễm
Đã hết sự khổ-não
Đã chặt đứt nghi-ngờ
Đã tiêu hủy mọi nghiệp
Và đã được giải-thoát
Trong tận diệt sanh-y. (266)

Bậc Thế Tôn, Đức Phật
Con sư tử vô thượng
Ở trong thế gian này
Có cả những thiên thần
Bậc ấy đã dịch chuyển
'Bánh Xe trời Brahma'.¹⁵² (267)

Như vậy người và tiên
Những ai quy y Phật
Tề tựu đánh lễ Phật
Bậc đại vĩ, vô ngại.¹⁵³ (268)

Bậc thuần-phục bậc nhất
Trong những người thuần-phục
Bậc bình-an bậc nhất

¹⁵² [*Brahmacakka*: *Bánh xe của vị trời Brahma* (Phạm Thiên Luân) là chữ Phật dùng để chỉ *Bánh Xe Giáo Pháp*, và Phật là người đã thiết lập sự dịch chuyển *Bánh Xe Giáo Pháp* (tức Phật giáo và đạo Phật)—đây chính là ý nghĩa được nói trong kinh và tên của bài khai giảng đầu tiên của Phật là kinh *Chuyển Pháp Luân*: dịch chuyển Bánh Xe Giáo Pháp.] (152)

¹⁵³ [Chữ *vītasāradam* gốc *vesārajja* có nghĩa là tự-tin, chắc-chắc, không sợ hãi, bản lĩnh. Danh từ *vīta* (hết, không còn) + *sārada* (sự non nớt, thiếu tự tin, thiếu bản lĩnh) có nghĩa là người không còn sợ hãi, người bản lĩnh, vô ngại. Tạm dịch theo nghĩa cuối có chứa các nghĩa gốc của chữ.] (153)

Trong những người bình-an
Bậc sự giải-thoát bậc nhất
Trong những người giải-thoát
Bậc vượt-lũ bậc nhất ¹⁵⁴
Trong những người vượt-lũ
Và giúp người khác vượt. (267)

Vậy họ đánh lễ Phật
Bậc đại vĩ, vô ngại
Trong cả thế gian này
Cùng có những thiên thần
Không ai sánh bằng Phật. (267)

Đây cũng là lời đức Thế Tôn đã nói về nghĩa đó. Tôi đã nghe như vậy.

— HẾT QUYỂN ‘PHẬT NÓI NHƯ VẬY’ —

¹⁵⁴ [Chữ *tarati*: vượt qua; *tāreti*: giúp người khác vượt qua; hàm nghĩa vượt qua dòng-lũ hay biển (khổ, sinh tử, luân hồi), vượt qua bờ-kia (đáo bỉ ngạn).] (154)

Lời Bạt

NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

Tên nữ cư sĩ Khujjuttarā có nghĩa là cô Uttarā Lung Gù do thân cô bị gù. Đức Phật nói một kiếp trước cô gặp một vị Phật Duyên Giác lưng gù, cô trêu chọc và diễn bộ giả tướng lưng gù cho các bạn hòa nhau trêu chọc vị Phật. Nghiệp báo kiếp sau cô sinh ra thành người lưng gù. (Tạm đọc: Khu-cha U-ta-ra, HV: Khúc-da-la).

Bối cảnh quyền kinh là ở kinh thành Kosambī. Cô là tỳ nữ của hoàng hậu Sāmāvatī. Cô thường được sai đi mua hoa về cho hoàng hậu. Một lần mua hoa cô gặp Phật ở chỗ bán hoa, cô nghe Phật giảng một vài ngắn cô liền chứng quả Nhập-lưu. Hoàng hậu là một người ái mộ Đức Phật, nhưng nhà vua không cho hoàng hậu tự do ra ngoài nên hoàng hậu không thể tới mấy chỗ nghe Phật dạy. Do vậy hoàng hậu sai tỳ nữ Khujjuttarā mỗi ngày đến chỗ Phật đang chỉ dạy Giáo Pháp để nghe học, sau đó về nói lại cho hoàng hậu và 500 người khác trong cung nghe học. Nhờ cô đều đặn thuật lại và chỉ dạy lời Phật đã dạy cho nên hoàng hậu và 500 người đó đều chứng quả Nhập-lưu (Tu đà hoàn).

Trong cung có một hoàng hậu khác là Māgaṇḍiyā (Ma-ngạn-đề) vốn thù ghét Đức Phật (do trước kia bà ngu si đòi gả con gái mình cho Đức Phật, không được nên oán hận) và hoàng hậu Sāmāvatī. Một ngày bà giả bệnh và xin vua cho chú của mình vô cung. Theo lệnh bà ông chú đem dầu vô đốt cung điện để giết hoàng hậu Sāmāvatī và mọi người. Lúc đó nhà vua Udena đang đi giã ngoại ở ngoài kinh thành. Khi lửa bùng cháy bốn bên không lối thoát, hoàng hậu Sāmāvatī nói với mọi người cứ bình tĩnh và ngồi xuống thiền quán về cái chết: hãy nhớ đường luân hồi từ vô thủy ai cũng có vô số kiếp bị chết vì lửa. Và họ đã ngồi thiền khi chết và đắc những thánh quả cao hơn.

Đức Phật cũng đã giải thích quả chết cháy của họ cũng do nghiệp một kiếp trước họ đã làm: Kiếp đó hoàng hậu Sāmāvatī, là cung phi của một Vua khác, cùng 500 cung nữ đi dạo chơi và tắm suối. Tắm xong họ thấy lạnh và lên bờ gom củi đốt để sưởi ấm. Họ vô ý chất lên

người một vị Phật Duyên Giác đang nhập định. Họ đốt lửa, sau đó mới lò ra vị Phật. Thay vì cố cứu, họ sợ nhà vua biết, họ chất thêm củi và đốt thiêu vị Phật để phi tang chứng cứ. Quả báo là họ bị đọa địa ngục thăm thẳm. Kiếp này quay lại làm người, nghiệp ác còn dư, họ lãnh quả chết cháy (có lẽ hoàng hậu Sāmāvatī cũng đã biết điều này sau khi bà chứng Nhập-lưu nên đã khuyên 500 người hãy ngồi thiền khi hỏa hoạn).

Riêng cô Khujjuttarā bữa đó ra ngoài và thoát chết, và cũng nhờ nghiệp cũ cô không có trong số 500 tỷ nữ kiếp trước, nên cô không mang ác nghiệp phải bị ác quả. Sau đó cô trở thành một người tận tụy với Phật Pháp, cô thường đi nghe Phật dạy và trở thành một vị thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho những người dân.

Cô cũng gặp gỡ các Tỷ kheo, đặc biệt thầy Ananda, ở mấy tịnh xá trong vùng Kosambī, đặc biệt nhiều lần ở tịnh xá nổi tiếng do gia chủ Ghosita đã xây cúng dường cho Đức Phật - (Tịnh Xá Ghoshita được nói tới là bối cảnh của rất nhiều bài kinh trong Kinh Tạng, cũng là nơi xảy ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, và nhiều sự kiện Phật sử khác). Ở đó cô đã thuật lại những lời kinh cho mấy vị Tỷ kheo và cho chính thầy Ananda nghe. Nhờ nhân duyên lớn này mà thầy Ananda đã nhớ thuộc tất cả 112 bài kinh được sắp xếp khéo léo bởi cô Khujjuttarā, và sau khi Phật mất thầy đã đọc tụng lại trước 500 vị A-la-hán để kết tập vô Tạng Kinh, thành quyển kinh *Itivuttaka* (Phật Nói Như Vậ) trong Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ, KN).

Sau sự kiện hỏa hoạn hoàng hậu và 500 người chết, các Tỷ kheo tò mò hỏi Phật về nghiệp quả, Đức Phật đã giải thích nghiệp quả của mỗi người như trên. Riêng cô Khujjuttarā, ngoài quả báo bị lung gù, vì sao cô Khujjuttarā kiếp này phải làm nô tỳ nô lệ? Phật nói vì trong một kiếp trước cô là người giàu có hách dịch bất kính đã sai một vị Tỷ kheo ni là A-la-hán đi lấy mấy giỏ đồ trang sức cho mình, cho nên suốt 500 kiếp sau tái sinh chỉ làm nô lệ nô tỳ cho người khác. Còn vì sao cô có duyên với Đức Phật và rất trí tuệ trong kiếp này? Phật nói một kiếp khác cô giàu có, biết tôn kính các thánh nhân, từng tháo vòng tay quý giá của mình để lót bình bát cho một vị Phật Duyên Giác giúp không bị phỏng tay. Một kiếp khác xa xưa khi gặp một vị Phật tuyên bố một cư sĩ là đệ nhất học hiểu Giáo Pháp, cô đã phát nguyện

trở thành một người như vậy. Đó là nghiệp tốt đưa đến quả tốt kiếp này cô được trí tuệ và hữu duyên với Đức Phật và các vị thánh Tỷ kheo như vậy.

Tất cả đều do nghiệp. Đường nghiệp không thể nghĩ bàn, thăm thẳm, không ai người phạm mà biết được những nghiệp xấu ác mình đã làm trong vô vàn kiếp trước!

Nói theo Phật giáo thì chừng nào còn ô-nhiễm (lậu hoặc), còn thu- nạp những nhân gây tái sinh tử (sanh y), còn 10 gông-cùm trói buộc ... vân vân (nhiều cách định nghĩa) thì còn luân hồi tái sinh tái hữu. Nhưng nói theo thuyết nghiệp thì tất cả do nghiệp: còn tạo nghiệp xấu ác thì còn tái sinh trong cõi đọa và chịu những quả ác thống khổ. Ngay cả chỉ tạo nghiệp lành (thế tục) thì vẫn tái sinh trong những cõi lành (như cõi người, cõi trời), vẫn không thoát khỏi vòng luân hồi. Người tu hướng tới xóa bỏ nghiệp ác để khỏi bị tái sinh cõi đọa, chuus tâm tạo nghiệp lành để tái sinh cõi lành. Từ cõi lành họ cố tu tập cái tâm để dần dà xóa bỏ luôn những nghiệp lành và phước báu (hữu lậu) còn dính nhân dẫn tới sự tái sinh, tu tập thành tựu cái tâm tinh-khiết và buông-xả và trí-tuệ (vô lậu), không còn dính nhân dẫn tới tái sinh trong luân hồi. Đó là cách nói nôm na về đường lối đi đến giải-thoát.

++++

